



Thiết Bị Mạng & Camera Giám Sát cho Doanh nghiệp & Gia đình





Reliably Smart

Giải pháp mạng & Wi-Fi Camera tối ưu cho gia đình & doanh nghiệp SMB



➤➤ Tầm nhìn và sứ mệnh

Được thành lập vào năm 1996, TP-Link là tập đoàn toàn cầu chuyên về hệ thống mạng, thiết bị điện tử tiêu dùng và camera giám sát. Từ những khởi đầu khiêm tốn, chúng tôi đã phát triển trở thành công ty dẫn đầu và được công ty phân tích IDC xếp hạng là nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới.* Dòng sản phẩm của chúng tôi bao gồm các thương hiệu hàng đầu như TP-Link®, Kasa®, Tapo®, TP-Link Omada®, Aginet™ và VIGI®, kết nối hơn 1,7 tỷ người tại hơn 170 quốc gia.

TP-Link luôn giữ cam kết trong việc nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất và tiếp thị độc lập, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ở mức cao nhất, đáng tin cậy và hiệu suất cao. 3 trung tâm R&D và 4 hệ thống cung ứng toàn cầu, được hỗ trợ bởi hơn 42 công ty con, cho thấy khả năng hoạt động xuyên suốt và lợi thế đổi mới liên tục của TP-Link.



Trust



Performance

➤➤ Hành trình phát triển

2005

- Thành lập pháp nhân độc lập đầu tiên là TP-Link Corporation Pte. Ltd. tại Singapore.
- Mở rộng sang Bắc Mỹ, châu Âu & châu Á.

2010

- Được công nhận là Nhà cung cấp thiết bị WLAN Số 1 Thế giới.

No 1

2016

- Giới thiệu bộ nhận diện thương hiệu mới



2022

- TP-Link Corporation Group (TP-Link®) chính thức tách khỏi TP-LINK Technologies Co., Ltd. (TP-LINK®), và hoạt động độc lập.

2023

- Tiếp tục là nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới (doanh số toàn cầu theo IDC Worldwide Quarterly Wireless LAN Tracker, CY2023).
- 6 năm liền là Công Ty Cung Cấp Cơ Sở Hạ Tầng Mạng LAN Có Dây và Không Dây dành cho Doanh Nghiệp uy tín (theo Gartner® Magic Quadrant™ 2024).

Hình thành & phát triển

Vươn xa trên toàn cầu

Mở rộng kinh doanh và dẫn đầu thị trường

1996

- TP-Link được thành lập

1997

- Xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm
- Xây dựng các cơ sở sản xuất đầu tiên

2012

- Thành lập pháp nhân tại Nam Phi, mở rộng kinh doanh tại 6 châu lục, xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ đến hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ.

2014

- TP-Link Research America Corp. được thành lập tại San Jose, California, Mỹ.

2018

- Thành lập cơ sở sản xuất mới tại Việt Nam.



2024

- Khởi công xây dựng cơ sở sản xuất tại Brazil.
- Chuyển trụ sở chính từ Singapore về Irvine, California, Mỹ và đổi tên thành TP-Link Systems Inc.
- 1/5 thiết bị Wi-Fi bán ra trên toàn cầu thuộc thương hiệu TP-Link.

Thương hiệu và giải pháp

tapo

Hệ sinh thái
nhà thông minh toàn diện

tapocare

MERCUSYS®

Thương Hiệu Thiết Bị Mạng
Hàng Đầu Thế Giới

tp-link

Nhà Cung Cấp Thiết Bị
Wi-Fi Số 1 Thế Giới

deco HomeShield

Aginet

Giải Pháp Quản Lý Nâng Cao
cho Các Nhà Mạng

Omada

Giải Pháp Mạng Nghiệp
Cho Doanh Nghiệp

VIGI

Giải Pháp Giám Sát
Chuyên Nghiệp

Vinh danh và giải thưởng

TP-Link không ngừng nỗ lực cải tiến hiệu suất sản phẩm và xây dựng niềm tin với khách hàng và đối tác. TP-Link nhận được sự công nhận rộng rãi trên toàn thế giới bởi giới chuyên môn và người dùng, với hơn 1800 giải thưởng uy tín suốt nhiều năm qua.



Router Wi-Fi TỐT NHẤT NĂM 2024

PC WORLD CHOICE CNET WIRED engadget The New York Times

1800+

Giải thưởng khác







TTBC 2024 Award
Tinhhte.vn

- Thiết bị Wi-Fi 7 đáng mua: TP-Link Archer BE230
- Giải pháp Wi-Fi 7 cho doanh nghiệp nổi bật của năm: TP-Link Omada



TTBC 2024 Award
Tinhhte.vn

- Thương hiệu router yêu thích nhất: TP-Link
- Hệ thống Wi-Fi Mesh đáng mua: TP-Link Deco



Editors' Choice
2024 Awards
Tập chí Nghe nhìn VN

- Hệ Thống Mesh Wi-Fi 7 Cho Gia Đình Của Năm: Deco BE25
- Robot Hút Bụi và Lau Nhà Giá Rẻ Nổi Bật Của Năm: Tapo RV30 Max Plus



Editor's Choice
2024 Award
Tập chí Thế Giới Số

- Router 4G phổ thông tốt nhất: Mercusys MB112-4G
- Camera AI năng lượng mặt trời hoàn hảo cho gia đình: TP-Link Tapto C410 KIT
- HUB Usb Type-C Đa Phương Tiện Tốt Nhất: TP-Link UH6120C



Hi-Tech Award
Mid Year 2024
Tập chí Nghe nhìn VN

- TP-Link Archer BE230: Router Wi-Fi 7 tốt nhất
- TP-Link Tapo C212: Camera Wi-Fi an ninh tốt nhất cho gia đình
- Deco Wi-Fi Mesh X60: Hệ thống Wi-Fi Mesh tốt nhất cho gia đình



Editor's Choice
Mid-2024 Award
Tập chí Thế Giới Số

- TP-Link Archer BE230: Router Wi-Fi 7 tốt nhất
- TP-Link Tapo C212: Camera Wi-Fi an ninh tốt nhất cho gia đình
- Deco Wi-Fi Mesh: Hệ thống Wi-Fi Mesh trong nhà, biệt thự hiệu suất cao nhất

VIGI



➤➤ Tầm nhìn và sứ mệnh

VIGI là viết tắt của "Vigilance", nghĩa là sự cảnh giác, thể hiện tinh thần xuyên suốt và sự cam kết của dòng sản phẩm camera giám sát do TP-Link phát triển. VIGI mang đến giải pháp giám sát và bảo mật chuyên nghiệp và đáng tin cậy cho doanh nghiệp, với sự đổi mới liên tục, giá trị gia tăng và cam kết bảo vệ sự an toàn và thành công của khách hàng trên thế giới.

Hệ thống giám sát chuyên nghiệp VIGI được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ 24/7 cho doanh nghiệp của bạn. Với danh mục sản phẩm toàn diện, tính năng AI và hình ảnh nổi bật, chất lượng được đảm bảo và cài đặt dễ dàng, chúng tôi đảm bảo tính bảo mật và linh hoạt tối đa cho doanh nghiệp.

VIGI

Valuable
Giá trị

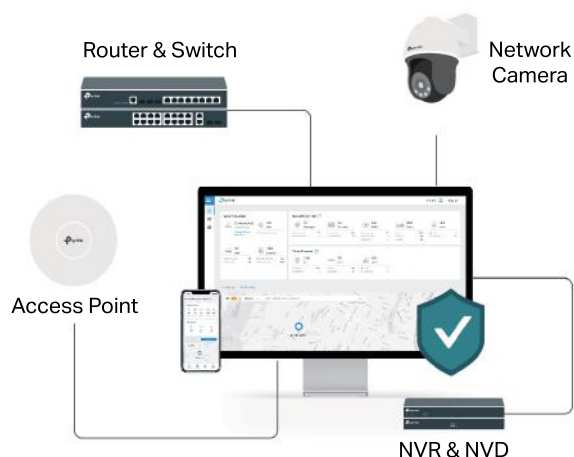
Innovative
Đổi mới

Guard
Bảo vệ

International
Toàn cầu

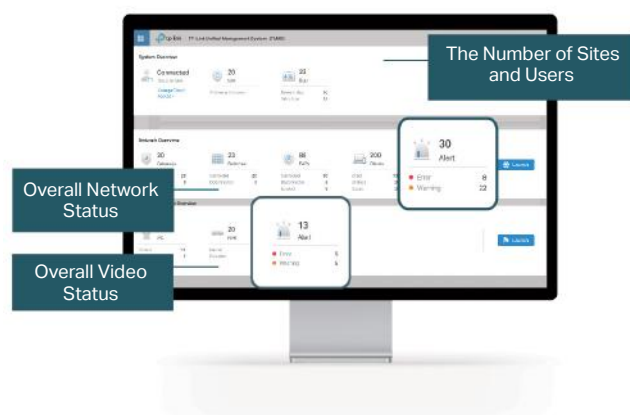
➤➤ Giải pháp mạng và video tích hợp

Mạng điều khiển và các thiết bị giám sát tập trung



Giải pháp Giám sát mạng và Video tích hợp của TP-Link kết hợp thiết bị mạng hiệu suất cao với các thiết bị quay video mạnh mẽ với một giao diện duy nhất, mang tới khả năng quản lý tập trung không rắc rối, mọi lúc, mọi nơi.

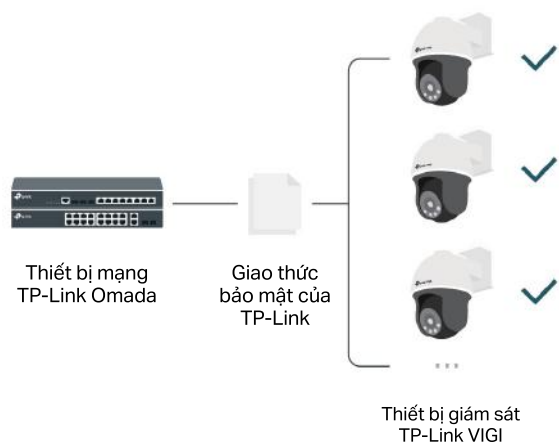
Bảng điều khiển trực quan và thông minh



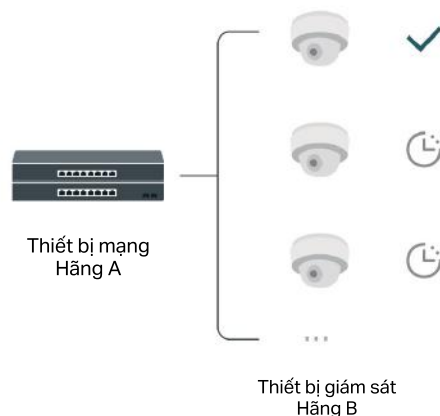
Dễ dàng xem số lượng địa điểm và người dùng trên toàn hệ thống, kiểm tra tình trạng và cảnh báo tổng thể mạng & giám sát.

Triển khai dễ dàng

Giải pháp Giám sát mạng và Video tích hợp của TP-Link hỗ trợ các giao thức bảo mật nâng cao, từ đó mạng Omada có thể tự động xác định và gán VLAN tương ứng cho các sản phẩm VIGI. Điều này giúp đơn giản hóa quá trình triển khai và giảm các vấn đề bảo mật do cấu hình sai.



Cách triển khai của TP-Link



Cách triển khai truyền thống

Giải pháp giám sát VIGI

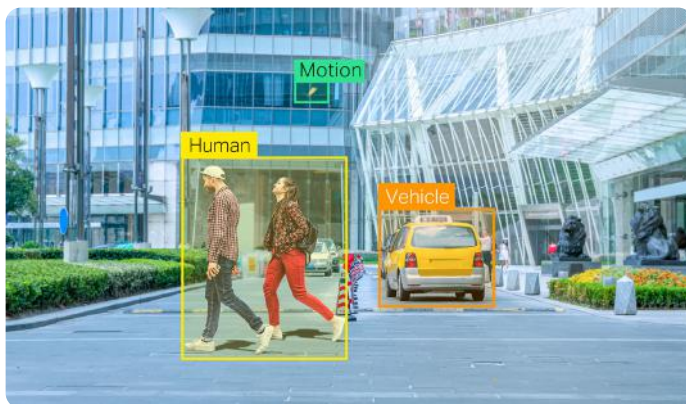
Hệ thống giám sát chuyên nghiệp VIGI được thiết kế để bảo vệ an toàn suốt ngày đêm cho doanh nghiệp. Với các tính năng AI và hình ảnh vượt trội, chất lượng hình ảnh chất lượng cao và lắp đặt dễ dàng, chúng tôi đảm bảo tính bảo mật và linh hoạt tối đa cho doanh nghiệp. Giải pháp thông minh của VIGI cũng rất phù hợp với nhiều tình huống sử dụng linh hoạt của SMB.

Các tính năng AI nâng cao

Các tính năng AI tiên tiến cho phép xác định mối đe dọa nhanh hơn và chính xác hơn, cải thiện hiệu quả bảo mật tổng thể.



Phân tích con người



Phân biệt con người và phương tiện giao thông

Công nghệ hình ảnh tiên bộ

Công nghệ hình ảnh tiên tiến rõ nét và chi tiết hơn ngay cả trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ban đêm, nâng cao nhận thức tình huống.



Tầm nhìn ban đêm ánh sáng cực thấp



3x Zoom

AI

Solutions Powered by AI

Tổng quan

VIGI đã phát triển nhiều tính năng AI đa dạng để bảo vệ và thúc đẩy doanh nghiệp. Tất cả camera VIGI đều hỗ trợ các chức năng AI và là lựa chọn tối ưu cho doanh nghiệp nhờ chất lượng cao và tiết kiệm chi phí.

Con người

Phát hiện chính xác những người khả nghi để có hành động kịp thời.



Phát hiện người lạ



Phân tích thuộc tính con người



Nhận diện khuôn mặt

Phương tiện giao thông

Phân tích thông minh các thuộc tính của xe để tìm kiếm nhanh chóng và quản lý dễ dàng.



Màu sắc



Loại xe

Phân tích kinh doanh

Phân tích thông minh thúc đẩy sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.



Đếm số người



Bản đồ nhiệt mật độ người dừng



Phân tích lộ trình*

Khu vực/Sự kiện

Kiểm soát chặt chẽ các khu vực và sự kiện để phản ứng nhanh trước vấn đề.



Phát hiện xâm nhập



Phát hiện âm thanh bất thường*



Giám sát hành vi

AI
Detection

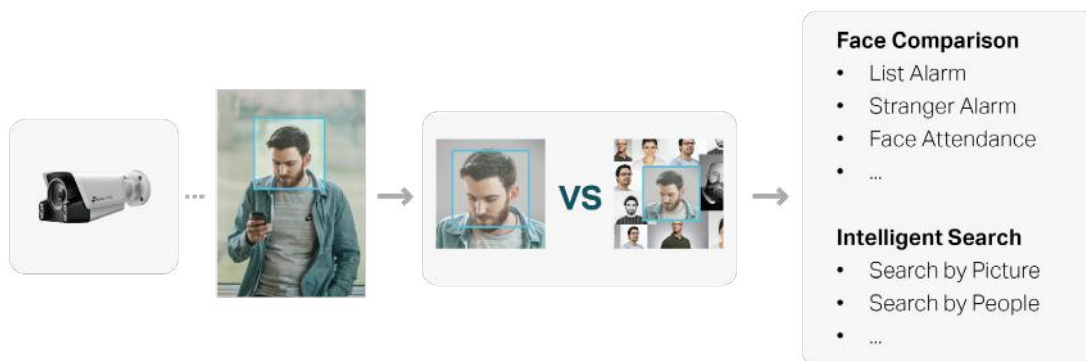
*Các sản phẩm và chức năng này có thể đang được phát triển và có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Tính năng nổi bật

Bảo vệ 24/7 với tính năng Phát hiện AI thông minh

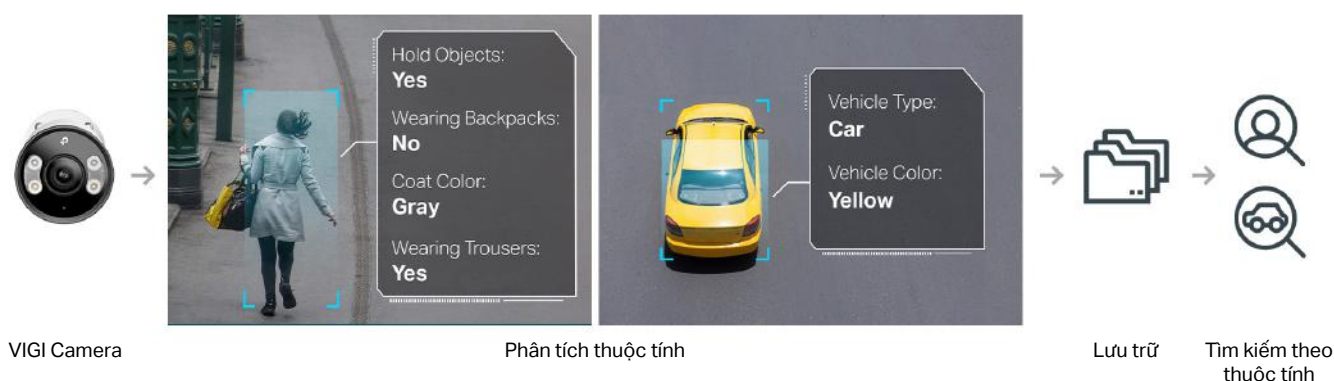
Nhận diện khuôn mặt

Bằng cách so sánh hình ảnh khuôn mặt được phát hiện với cơ sở dữ liệu khuôn mặt sẵn có, doanh nghiệp có thể đạt được nhiều giá trị kinh doanh hơn thông qua nhận dạng VIP, báo động danh sách chặn, báo động người lạ và hơn thế nữa.



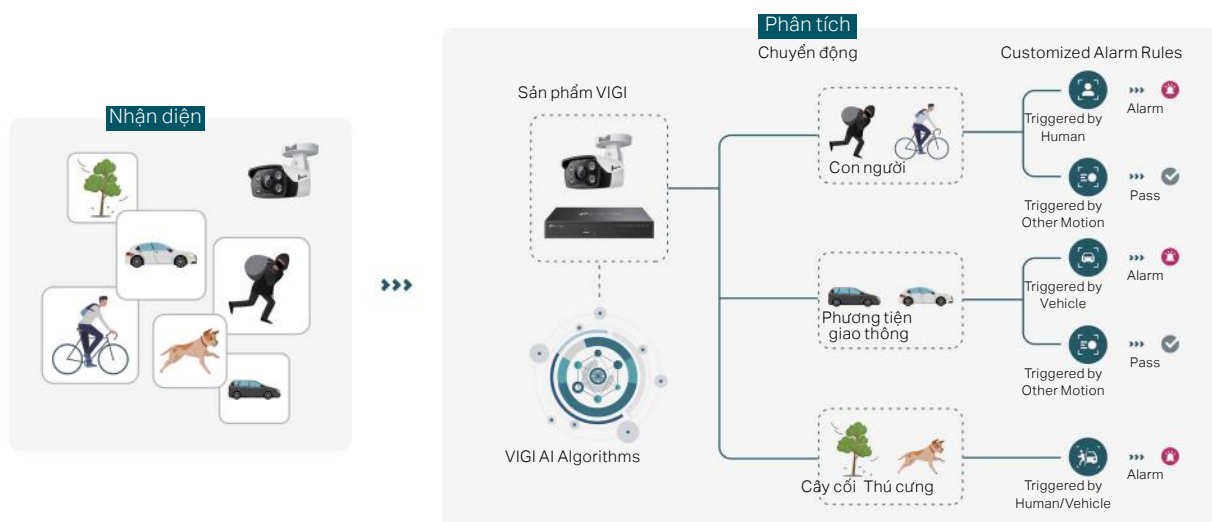
Phân tích người và phương tiện

Nhanh chóng xác định vị trí các cá nhân hoặc phương tiện bằng cách lọc các thuộc tính khác nhau như màu quần áo, loại xe..., giúp doanh nghiệp dễ dàng xúc tiến tìm kiếm sau sự kiện.



Phân loại người và phương tiện

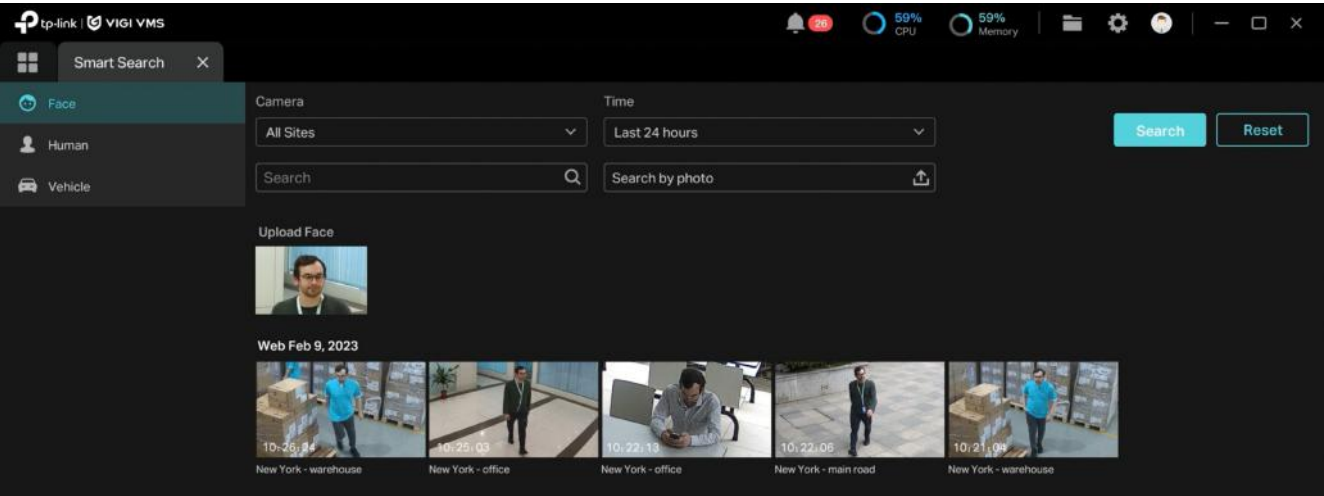
Phân biệt con người và phương tiện thông qua hành vi và cách di chuyển, nhờ đó doanh nghiệp sẽ nhận được thông báo sự kiện chính xác hơn.



Ứng dụng

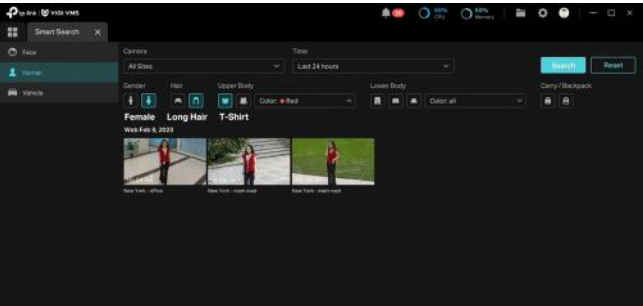
Tìm kiếm khuôn mặt*

Tìm kiếm những người cụ thể bằng cách chọn khuôn mặt hiện có từ cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp hoặc bằng cách tải lên hình ảnh khuôn mặt mới.

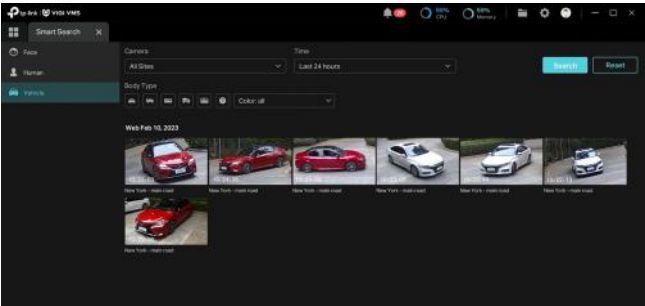


Tìm kiếm thuộc tính

Tìm kiếm nhanh qua camera giám sát để tìm người hoặc phương tiện phù hợp với các thuộc tính đã chọn, bao gồm quần áo/màu xe, loại xe...



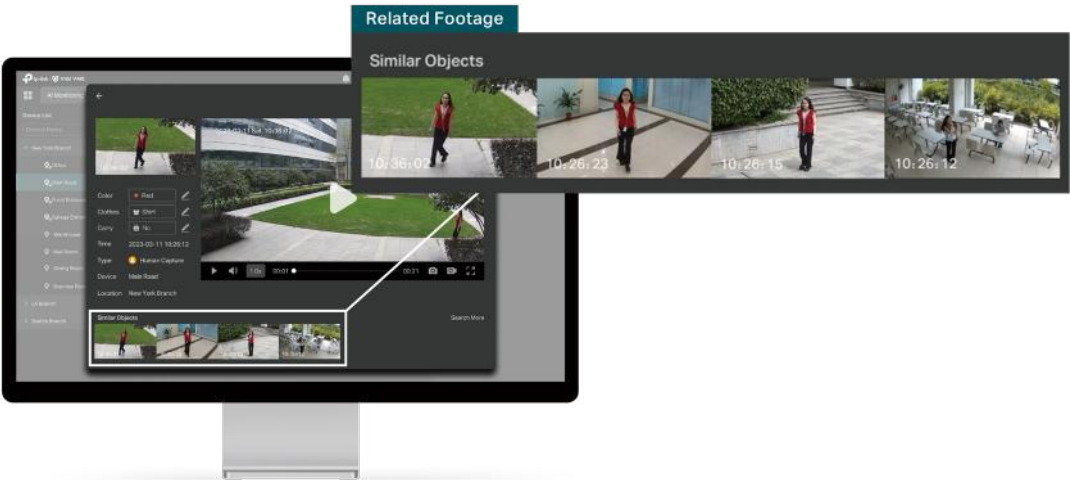
Tìm kiếm theo thuộc tính con người



Tìm kiếm theo thuộc tính xe

Theo dõi cảnh quay liên quan trên hệ thống camera giám sát

Dễ dàng theo dõi tất cả các hoạt động của người hoặc phương tiện tương tự trên toàn bộ hệ thống camera giám sát và thực hiện hành động hiệu quả hơn.



*Tính năng này có thể đang được phát triển. Tính năng thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Phân loại người và phương tiện + Phát hiện thông minh*

Khi kết hợp Phân loại người và phương tiện với Phát hiện thông minh*, doanh nghiệp sẽ có thể tối đa hóa tỷ lệ phát hiện chính xác và tập trung vào các mối đe dọa thực sự.

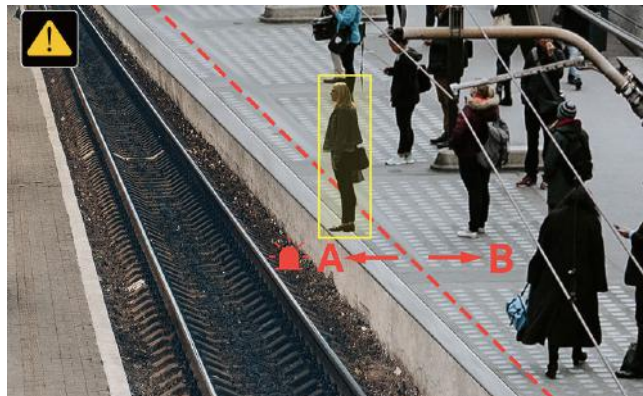
Phát hiện xâm nhập + Phân loại xe

- **Lợi ích:** Nhận báo động khi xe xâm nhập vào các khu vực quy định trong một thời gian dài.
- **Các ứng dụng tiêu biểu:** Lối thoát hiểm và sân vườn.



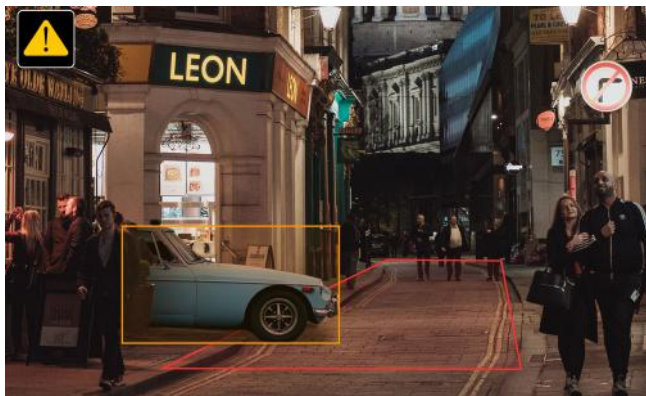
Phát hiện vượt ranh giới ảo + Phân loại người

- **Lợi ích:** Thông báo cho doanh nghiệp khi có người vượt qua ranh giới ảo từ một hoặc cả hai hướng.
- **Các ứng dụng tiêu biểu:** Triển lãm nghệ thuật và sân ga.



Phát hiện xâm nhập trái phép + Phân loại xe

- **Lợi ích:** Nhận thông báo tức thì có xe đi vào khu vực hạn chế.
- **Các ứng dụng tiêu biểu:** Bãi cỏ và phố đi bộ.



Phát hiện rời khỏi khu vực + Phân loại con người

- **Lợi ích:** Nhận thông báo khi ai đó rời khỏi một khu vực cụ thể trong một thời gian định sẵn.
- **Các ứng dụng tiêu biểu:** Thanh toán và gian hàng an ninh.

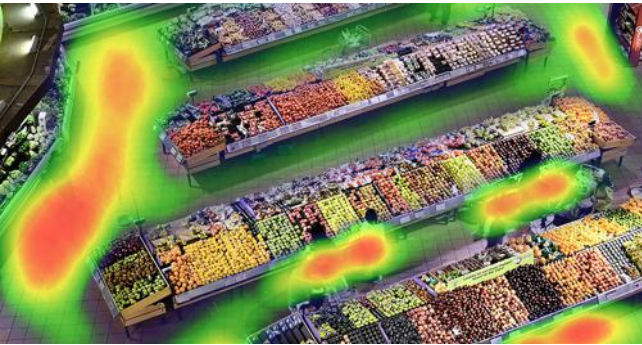


*Phát hiện thông minh bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.

Phân tích thông tin chi tiết về khách hàng

Bản đồ nhiệt mật độ người*

Dễ dàng xác định cả "điểm nóng" và "vùng chết" để tối ưu hóa việc trưng bày hàng hóa.



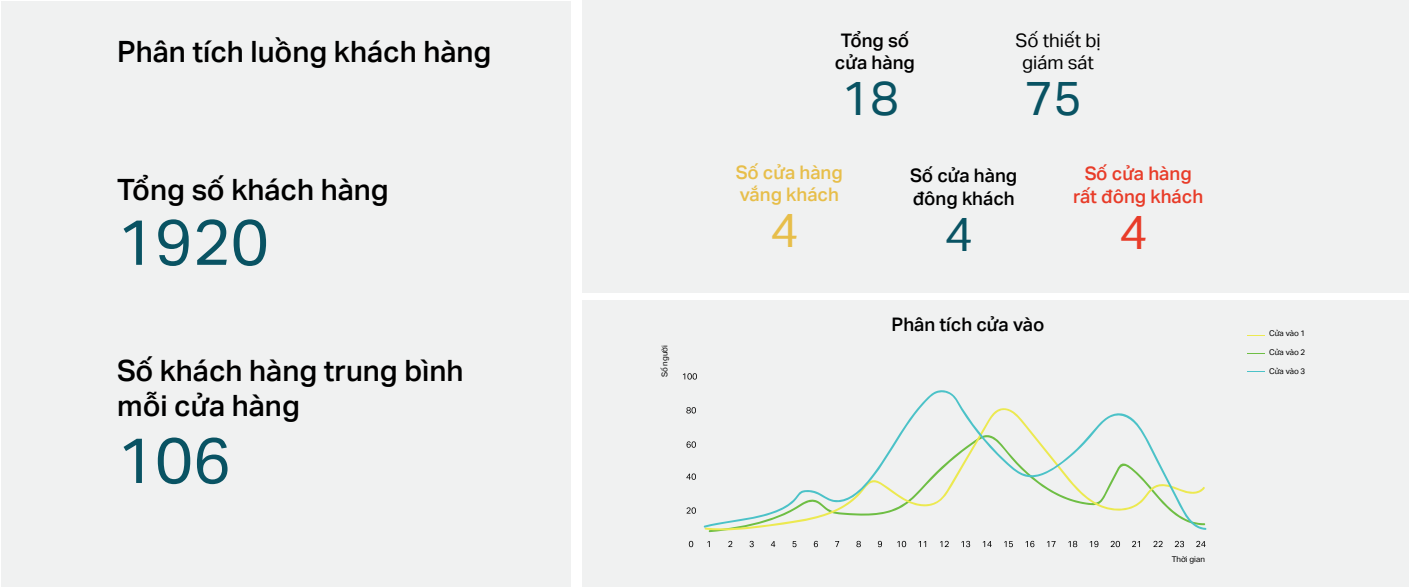
Phân tích lộ trình*

Tìm các vị trí có lưu lượng di chuyển và tập trung cao từ các tuyến đường của khách hàng và đưa ra chiến lược bán hàng phù hợp.



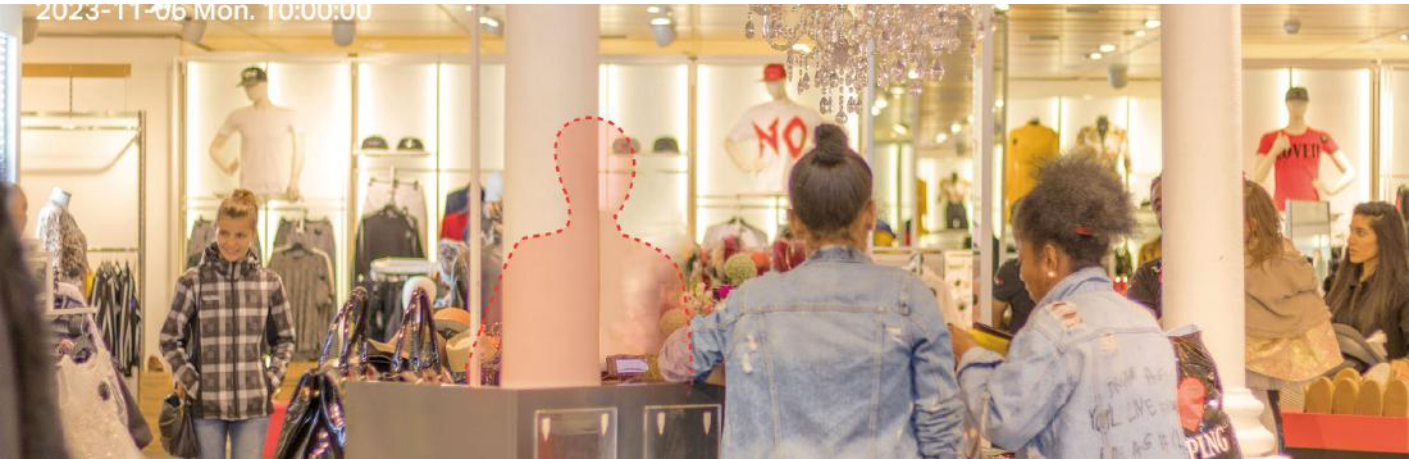
Phân tích luồng khách hàng*

Giúp bạn đánh giá các chiến lược tiếp thị với hiệu quả cao hơn và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu để cải tiến chiến lược trong tương lai.



Quản lý cửa hàng

Nhận thông báo tức thì từ camera VIGI khi nhân viên đến muộn hoặc vắng mặt, đơn giản hóa việc quản lý cửa hàng.



*Các sản phẩm và chức năng này có thể đang được phát triển và có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Công nghệ hình ảnh hiện đại

VIGI Aurora Night Vision

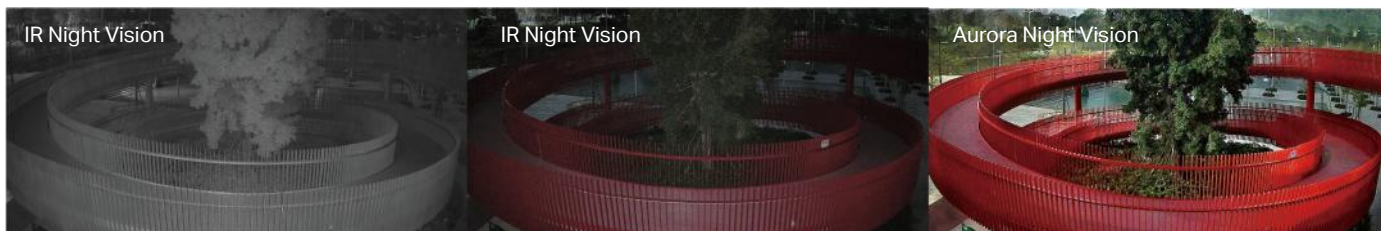
Tốt hơn cả mắt thường

Công nghệ Aurora Night Vision của VIGI tạo ra màu sắc tuyệt vời cùng với hình ảnh sắc nét đáng kinh ngạc trong điều kiện ánh sáng cực thấp, điều không thể đạt được bằng thị lực tự nhiên.*



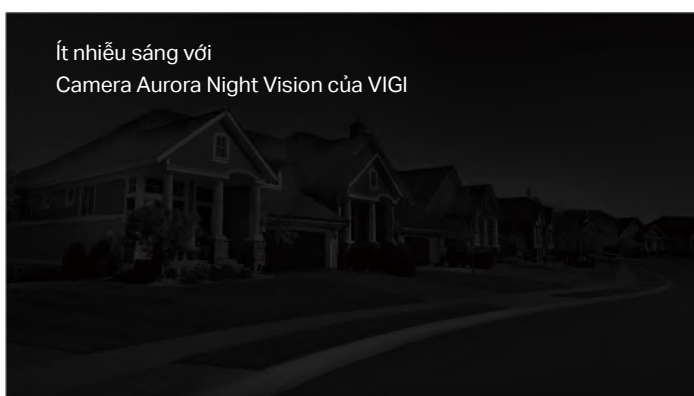
Đẹp hơn cả camera hồng ngoại và camera màu

Hình ảnh được chụp bởi camera hồng ngoại hoặc camera màu truyền thống sẽ bị nhiễu kỹ thuật số và mất chi tiết. Camera Aurora Night Vision của VIGI mang đến chi tiết hình ảnh tuyệt vời ngay cả trong điều kiện tối khắc nghiệt.*



Ít nhiễu sáng

Camera Aurora Night Vision của VIGI cung cấp màu sắc trung thực và hình ảnh tươi sáng trong điều kiện ánh sáng yếu mà không cần đèn sân khấu, giảm thiểu nhiễu sáng.



*Hình ảnh được chụp bởi VIGI C340S.

Quét để biết thêm chi tiết về VIGI Aurora Night Vision Technology.



Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Dome Camera		Bullet Camera				Turret Camera		Pan Tilt Camera
Hình ảnh sản phẩm									
Mã sản phẩm	VIGI C285S*	VIGI C245S*	VIGI C385DPS*	VIGI C385S*	VIGI C345S*	VIGI C340S	VIGI C485S*	VIGI C445S*	VIGI C540S
Pixels	8MP	4MP	8MP	8MP	4MP	4MP	8MP	4MP	4MP
Cảm biến hình ảnh	1/1.2" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS× 2	1/1.2" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS	1/1.2" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS	1/1.8" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động								
Aperture	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0	F1.0
Tiêu cự	2.8mm/4mm	2.8mm	\	2.8mm/4mm	4mm	4mm	2.8mm/4mm	2.8mm	4mm
Góc nhìn	TBD	TBD	171° (H), 46° (V)	TBD	4mm: 95.2° (H), 50.6° (V), 114.7° (D)		TBD	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D)	4mm : 104° (H), 55°(V), 127°(D)
Chiếu sáng tối thiểu	0.0005 Lux; 0 Lux với ánh sáng trắng								
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264								
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Nhận diện khuôn mặt**	●	●	-	●	●	●	●	●	●
SmartVid	●	●	●	●	●	●	●	●	●
WDR	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB
IR LED	-	-	-	-	-	-	-	-	-
White LED	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2
Micro tích hợp	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	●	●	●	●	●	-	●	●	-
Khe cắm thẻ nhớ nhớ microSD	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, IK10, Kim loại		IP67,Kim loại			IP67	IP67,Kim loại		IP66
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	DC, PoE		DC, PoE			12V DC ± 5%, tối đa 10.1 W PoE: 802.3af/ at, class 0, tối đa 11.5 W	DC, PoE		12V DC ± 5%, tối đa 13.13 W PoE: 802.3at, class 4, tối đa 16.47 W

*Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
**Khi bật Nhận dạng khuôn mặt, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR. Và không thể bật Phân tích người & phương tiện và Nhận dạng khuôn mặt cùng một lúc.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lãng vắng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
‡Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
Δ Chúng tôi sẽ tránh các vấn đề về tài nguyên bộ nhớ chặt chẽ cho một số mô hình nhất định trong quá trình lập kế hoạch sau này.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Dome Camera			Turret Camera			
Hình ảnh sản phẩm							
Mã sản phẩm	VIGI C285	VIGI C255	VIGI C245	VIGI C485P ⁵	VIGI C485	VIGI C455	VIGI C445
Pixels	8MP	5MP	4MP	8MP	8MP	5MP	4MP
Cảm biến hình ảnh	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động						
Aperture	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6
Tiêu cự	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	\	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm
Góc nhìn	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 91.5° (H), 46.1° (V), 109.6° (D)	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 88° (H), 46° (V), 105.4° (D)	2.8mm: 100° (H), 54° (V), 118° (D) 4mm: 80.4° (H), 41.8° (V), 98.7° (D)	TBD	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 91.5° (H), 46.1° (V), 109.6° (D)	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 88° (H), 46° (V), 105.4° (D)	2.8mm: 100° (H), 54° (V), 118° (D) 4mm: 80.4° (H), 41.8° (V), 98.7° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	0,005 lux; 0 Lux với IR/White Light						
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264						
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	●	●	●	●	-	●	●
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●	●	●
WDR	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*4	30 m, IR LED*4	30 m, IR LED*4	30 m, IR LED*4
White LED	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4	30 m, White LED*4
Micro tích hợp	●	●	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	●	●	●	●	●	●	●
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	●	●	●	●	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, IK10, Kim loại			IP67, Kim loại			
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	DC, PoE			DC, PoE	12V DC ± 5%, Tối đa 11,52 W PoE: 802.3af/at, class 0, Tối đa 12,5 W	12V DC ± 5%, Tối đa 11 W PoE: 802.3af/at, class 0, Tối đa 12 W	

*Khi tính năng Phân tích người và phương tiện được bật, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR.
**Tất cả các thông số Kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
Δ Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Bullet Camera				
Hình ảnh sản phẩm					
Mã sản phẩm	VIGI C385P*	VIGI C385	VIGI C355	VIGI C345	VIGI C345-4G*
Pixels	8MP	8MP	5MP	4MP	4MP
Cảm biến hình ảnh	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động				
Aperture	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6
Tiêu cự	\	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm/6mm	4mm
Góc nhìn	TBD	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 91.5° (H), 46.1° (V), 109.6° (D)	2.8mm: 111.4° (H), 58.8° (V), 134° (D) 4mm: 88° (H), 46° (V), 105.4° (D) 6mm: 57.3° (H), 31.3° (V), 67.2° (D)	2.8mm: 100° (H), 54° (V), 118° (D) 4mm: 80.4° (H), 41.8° (V), 98.7° (D) 6mm: 52.7° (H), 29° (V), 60.8° (D)	4mm: 80° (H), 43.2° (V), 94.2° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	0,005 lux; 0 Lux với ánh sáng hồng ngoại/trắng				
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264				
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	●	-	●	●	●
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●
WDR	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2
White LED	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2
Micro tích hợp	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	●	●	●	●	●
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	●	●	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	4G/Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, Metal	IP67, Metal	IP67, Metal	IP67, Metal	IP67, Metal
Nhiệt độ hoạt động	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, tối đa 10.5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 11.5 W		12V DC ± 5%, tối đa 9.7W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 10.7 W		12V DC/1A

*Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
**Khi bật Nhận dạng khuôn mặt, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR. Và không thể bật Phân tích người & phương tiện và Nhận dạng khuôn mặt cùng một lúc.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
‡Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
Δ Chúng tôi sẽ tránh các vấn đề về tài nguyên bộ nhớ chặt chẽ cho một số mô hình nhất định trong quá trình lập kế hoạch sau này.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Dome Camera		Bullet Camera		Turret Camera		Fisheye Camera	
Hình ảnh sản phẩm								
Mã sản phẩm	VIGI C285ZI	VIGI C245ZI	VIGI C385ZI	VIGI C345ZI	VIGI C485ZI	VIGI C445ZI	VIGI C685I	VIGI C655I
Pixels	8MP	4MP	8MP	4MP	8MP	4MP	8MP	5MP
Cảm biến hình ảnh	1/2.7" Progressive Scan CMOS							
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động							
Aperture	Max. F1.6						F2.0	F2.0
Tiêu cự	2.7mm to 13.5mm	2.7mm to 13.5mm	2.7mm to 13.5mm	2.7mm to 13.5mm	2.7mm to 13.5mm	2.7mm to 13.5mm	1.4mm	1.4mm
Góc nhìn	2.7mm: 98.9° (H), 52.6° (V), 117.4° (D) 13.5mm: 30.4° (H), 17.1° (V), 34.8° (D)		2.7mm: 98.9° (H), 52.6° (V), 117.4° (D) 13.5mm: 30.4° (H), 17.1° (V), 34.8° (D)		2.7mm: 98.9° (H), 52.6° (V), 117.4° (D) 13.5mm: 30.4° (H), 17.1° (V), 34.8° (D)		1.4mm: 180° (H), 180°(V), 180°(D)	
Chiếu sáng tối thiểu	Màu sắc: 0,01 lux; 0 Lux với IR							
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264							
Phát hiện thông minh [†]	●	●	●	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●	●	-	-
Phân tích người và phương tiện**	●	●	●	●	●	●	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	●	●	●	●	●	●	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●	●	●	●
WDR	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	120dB	100dB	100dB
IR LED	IR LED*4	IR LED*4	60m, IR LED*4	60m, IR LED*4	60m, IR LED*4	60m, IR LED*4	10m, IR LED*4	10m, IR LED*4
White LED	-	-	-	-	-	-	-	-
Micro tích hợp	●	●	●	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	●	●	●	●	●	●	●	●
Giao diện báo động vào/ra	●	●	●	●	●	●	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	●	●	●	●	●	●	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	●	●	●	●	●	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, IK10, Kim loại		IP67, Kim loại					
Nhiệt độ hoạt động	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°
Nguồn cấp	DC, PoE		DC, PoE		DC, PoE		12V DC ± 5%, tối đa 7.85 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 9.8 Wv	

*Khi tính năng Phân tích người và phương tiện được bật, 120dB không được được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR.
**Tất cả các thông số Kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
Δ Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Dome Camera			Turret Camera			
Hình ảnh sản phẩm							
Mã sản phẩm	VIGI C250	VIGI C240	VIGI C230	VIGI C450	VIGI C440*	VIGI C440-W*	VIGI C430
Pixels	5MP	4MP	3MP	5MP	4MP	4MP	3MP
Cảm biến hình ảnh	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động						
Aperture	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6
Tiêu cự	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	4mm	2.8mm/4mm
Góc nhìn	2.8mm: 109° (H), 57° (V), 128° (D) 4mm: 90° (H), 48° (V), 107° (D)	2.8mm: 95.7° (H), 51.7° (V), 113.0° (D) 4mm: 79.7° (H), 42.9° (V), 93.9° (D)	2.8mm: 107.5° (H), 57.2° (V), 128.7° (D) 4mm: 89.1° (H), 54.1° (V), 106.9° (D)	2.8mm: 109° (H), 57° (V), 128° (D) 4mm: 90° (H), 48° (V), 107° (D)	2.8mm: 102° (H), 55° (V), 122.0° (D) 4mm: 79° (H), 43° (V), 93° (D)	4mm: 80° (H), 43.2° (V), 94.2° (D)	2.8mm: 107.5° (H), 57.2° (V), 128.7° (D) 4mm: 89.1° (H), 45.1° (V), 106.9° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	0,005 lux; 0 Lux với ánh sáng hồng ngoại/trắng						
Nén Video	H.265+/H.264+/H.265/H.264						
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	●	-	-	●	-	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●	●	●
WDR	120dB	DWDR	DWDR	120dB	DWDR	DWDR	DWDR
IR LED	30 m, IR LED*1	30 m, IR LED*1	30 m, IR LED*1	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2
White LED	30 m, White LED*1	30 m, White LED*1	30 m, White LED*1	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2
Micro tích hợp	●	●	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	-	-	-	●	●	●	-
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	-	●	●	●	-
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Wi-Fi/Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, IK10	IP67, IK10	IP67, IK10	-	-	-	--
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, Max. 7 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 8 W	12V DC ± 5%, Max. 5.4 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 6 W	12V DC ± 5%, Max. 4.7 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 5.5 W	12V DC ± 5%, Max. 9 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 10.5 W	12V DC ± 5%, Max. 7 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 8 W	9V DC/0.85A	12V DC ± 5%, Max. 5.5 W PoE: 802.3af/at, class 0, Max. 6 W

*Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
**Khi bật Nhận dạng khuôn mặt, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR. Và không thể bật Phân tích người & phương tiện và Nhận dạng khuôn mặt cùng một lúc.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
‡Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
Δ Chúng tôi sẽ tránh các vấn đề về tài nguyên bộ nhớ chặt chẽ cho một số mô hình nhất định trong quá trình lập kế hoạch sau này.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Bullet Camera			
Hình ảnh sản phẩm				
Mã sản phẩm	VIGI C350	VIGI C340*	VIGI C340-W*	VIGI C330
Pixels	5MP	4MP	4MP	4MP
Cảm biến hình ảnh	1/2.7" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động			
Aperture	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6
Tiêu cự	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm/6mm	4mm	4mm
Góc nhìn	2.8mm: 109° (H), 57° (V), 128° (D) 4mm: 90° (H), 48° (V), 107° (D) 6mm: 56° (H), 30.5° (V), 66° (D)	2.8mm: 102° (H), 55° (V), 122° (D) 4mm: 79° (H), 43° (V), 93° (D) 6mm: 50° (H), 27° (V), 59° (D)	4mm: 80° (H), 43.2° (V), 94.2° (D)	2.8mm: 107.5° (H), 57.2° (V), 128.7° (D) 4mm: 89.1° (H), 45.1° (V), 106.9° (D) 6mm: 55.1° (H), 30.2° (V), 64° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	0.005 Lux; 0 Lux with IR/white light			
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264			
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	●	-	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●
WDR	120dB	DWDR	DWDR	DWDR
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2
White LED	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2
Micro tích hợp	●	●	●	●
Loa tích hợp	●	●	●	-
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	●	-
Network	Ethernet	Ethernet	Wi-Fi/Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67	IP67	IP67	IP67
Nhiệt độ hoạt động	-30-60°	-30-60°	-30-60°	-30-60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, tối đa 9 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 10.5 W	12V DC ± 5%, tối đa 7 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 8 W	9V DC/0.85A	12V DC ± 5%, tối đa 5.5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 6 W

*Khi tính năng Phân tích người và phương tiện được bật, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR.
**Tất cả các thông số Kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
Δ Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Pan Tilt (Zoom) Camera				
Hình ảnh sản phẩm					
Mã sản phẩm	VIGI C580*	VIGI C540V	VIGI C540**	VIGI C540-W**	VIGI C540-4G
Pixels	8MP	4MP	4MP	4MP	4MP
Cảm biến hình ảnh	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động				
Aperture	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6	F1.6
Tiêu cự	4mm	4mm to 12mm	4mm	4mm	4mm
Góc nhìn	79° (H), 43° (V), 93° (D)	84° (H), 46° (V), 100° (D)	79° (H), 43° (V), 93° (D)	79° (H), 43° (V), 93° (D)	80°(H), 43°(V), 94.2°(D)
Chiếu sáng tối thiểu	0.005 Lux; 0 Lux with IR/white light				
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264				
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	-	-	-	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●
WDR	120 dB	DWDR			
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2
White LED	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2	30 m, White LED*2
Micro tích hợp	●	●	●	●	●
Loa tích hợp	●	●	●	●	●
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	●	●	●	●	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Wi-Fi/Ethernet	4G/Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP66	IP66	IP66	IP66	IP66
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, tối đa 14 W PoE: 802.3at, class 4, tối đa 16 W			12V DC/1A	

*Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
**Khi bật Nhận dạng khuôn mặt, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR. Và không thể bật Phân tích người và phương tiện và Nhận dạng khuôn mặt cùng một lúc.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
‡Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
Δ Chúng tôi sẽ tránh các vấn đề về tài nguyên bộ nhớ chặt chẽ cho một số mô hình nhất định trong quá trình lập kế hoạch sau này.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	Dome Camera			
Hình ảnh sản phẩm				
Mã sản phẩm	VIGI C240I	VIGI C230I	VIGI C220I	VIGI C230I Mini
Pixels	4MP	3MP	2MP	3MP
Cảm biến hình ảnh	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động			
Aperture	F2.2	F2.0 (4mm), F2.2 (2.8mm)	F2.0 (4mm), F2.2 (2.8mm)	F1.6
Tiêu cự	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm
Góc nhìn	2.8mm: 88.8° (H), 48.9° (V), 106.5° (D) 4mm: 75.1° (H), 41.5° (V), 88.7° (D)	2.8mm: 97.8° (H), 52.9° (V), 117.9° (D) 4mm: 82.5° (H), 44.9° (V), 99.3° (D)	2.8mm: 88.2° (H), 48.7° (V), 106.5° (D) 4mm: 74.6° (H), 41.3° (V), 88.1° (D)	2.8mm: 106.9° (H), 56.9° (V), 127.9° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	Màu sắc: 0,01 lux; 0 Lux với IR			
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264			
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	-	-	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●
WDR	DWDR	DWDR	DWDR	DWDR
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2
White LED	-	-	-	-
Micro tích hợp	-	-	-	●
Loa tích hợp	-	-	-	●
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	-	-	-	●
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67, IK10	IP67, IK10	IP67, IK10	IK08
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, tối đa 5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W		PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W	112V DC ± 5%, tối đa 7.5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 8.5 W

*Khi tính năng Phân tích người và phương tiện được bật, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR.
**Tất cả các thông số Kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
Δ Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.

Thông số kỹ thuật

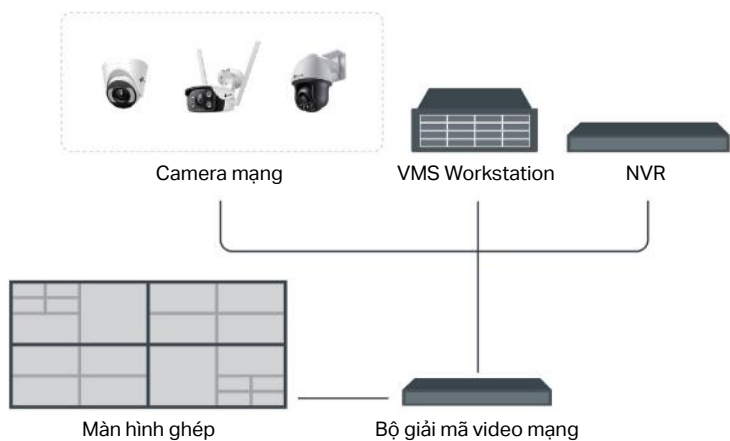
Loại sản phẩm	Bullet Camera				Turret Camera		
Hình ảnh sản phẩm							
Mã sản phẩm	VIGI C340I	VIGI C330I	VIGI C320I	VIGI C323I	VIGI C440I	VIGI C430I	VIGI C420I
Pixels	4MP	3MP	2MP	2MP	4MP	3MP	2MP
Cảm biến hình ảnh	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS	1/2.8" Progressive Scan CMOS	1/3" Progressive Scan CMOS
Công tắc chuyển ngày / đêm	Hợp nhất / Lên lịch / Tự động						
Aperture	F2.0 (6mm), F2.2 (2.8/4mm)	F2.0 (4/6mm), F2.2 (2.8mm)	F2.0 (4/6mm), F2.2 (2.8mm)	F2.0 (4/6mm), F2.2 (2.8mm)	F2.2	F2.0 (4mm), F2.2 (2.8mm)	F2.0 (4mm), F2.2 (2.8mm)
Tiêu cự	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm/6mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm	2.8mm/4mm
Góc nhìn	2.8mm: 88.8° (H), 48.9° (V), 106.5° (D) 4mm: 75.1° (H), 41.5° (V), 88.7° (D) 6mm: 47.7° (H), 26.5° (V), 56° (D)	2.8mm: 97.8° (H), 52.9° (V), 117.9° (D) 4mm: 82.5° (H), 44.9° (V), 99.3° (D) 6mm: 51.9° (H), 28.7° (V), 60° (D)	2.8mm: 88.2° (H), 48.6° (V), 106.5° (D) 4mm: 74.6° (H), 41.3° (V), 88.1° (D) 6mm: 47.7° (H), 26.5° (V), 56° (D)	2.8mm: 88.2° (H), 48.6° (V), 106.5° (D) 4mm: 74.6° (H), 41.3° (V), 88.1° (D) 6mm: 47.7° (H), 26.5° (V), 56° (D)	2.8mm: 88.8° (H), 48.9° (V), 106.5° (D) 4mm: 75.1° (H), 41.5° (V), 88.7° (D)	2.8mm: 97.8° (H), 52.9° (V), 117.9° (D) 4mm: 82.5° (H), 44.9° (V), 99.3° (D)	2.8mm: 88.2° (H), 48.7° (V), 106.5° (D) 4mm: 74.6° (H), 41.3° (V), 88.1° (D)
Chiếu sáng tối thiểu	Màu sắc: 0,01 lux; 0 Lux với đèn hồng ngoại						
Nén Video	H.265+/H.264+/ H.265/H.264						
Phát hiện thông minh†	●	●	●	●	●	●	●
Phân loại người và phương tiện	●	●	●	●	●	●	●
Phân tích người và phương tiện**	-	-	-	-	-	-	-
Nhận diện khuôn mặt**	-	-	-	-	-	-	-
SmartVid	●	●	●	●	●	●	●
WDR	DWDR	DWDR	DWDR	DWDR	DWDR	DWDR	DWDR
IR LED	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*2	30 m, IR LED*1	30 m, IR LED*1	30 m, IR LED*1
White LED	-	-	-	-	-	-	-
Micro tích hợp	-	-	-	●	-	-	-
Loa tích hợp	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện báo động vào/ra	-	-	-	-	-	-	-
Giao diện vào/ra âm thanh	-	-	-	-	-	-	-
Khe cắm thẻ nhớ microSD	-	-	-	-	-	-	-
Network	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet	Ethernet
Chuẩn bảo vệ	IP67	IP67	IP67	IP67	-	-	-
Nhiệt độ hoạt động	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°	-30~60°
Nguồn cấp	12V DC ± 5%, tối đa 5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W		PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W		12V DC ± 5%, tối đa 5 W PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W		PoE: 802.3af/at, class 0, tối đa 5.5 W

*Những sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
**Khi bật Nhận dạng khuôn mặt, 120dB không được hỗ trợ và chỉ hỗ trợ DWDR. Và không thể bật Phân tích người & phương tiện và Nhận dạng khuôn mặt cùng một lúc.
†Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Phát hiện thay đổi hiện trường, Phát hiện lảng vảng, Phát hiện đối tượng bị bỏ rơi, Phát hiện loại bỏ đối tượng, Phát hiện xâm nhập, Phát hiện vượt dòng, Phát hiện thoát khỏi khu vực, Phát hiện xâm nhập khu vực, Phát hiện phương tiện và Phát hiện con người.
‡Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.
Δ Chúng tôi sẽ tránh các vấn đề về tài nguyên bộ nhớ chặt chẽ cho một số mô hình nhất định trong quá trình lập kế hoạch sau này.

Đầu ghi hình camera mạng

Với khả năng giải mã tiên tiến, đầu ghi hình camera mạng VIGI mang đến khả năng phát lại video mượt mà và liền mạch, đảm bảo bạn không bao giờ bỏ lỡ một khoảnh khắc nào. Được trang bị đầu ra HDMI và VGA, hỗ trợ nhiều tùy chọn hiển thị và độ phân giải để xem linh hoạt, trực quan.

Giao diện người dùng và bảng điều khiển dễ sử dụng giúp người dùng dễ dàng điều hướng và truy cập nguồn cấp dữ liệu camera. Cho dù được sử dụng như một thiết bị độc lập hay là một phần của một hệ thống giám sát lớn hơn, đầu ghi hình camera mạng VIGI cung cấp hiệu suất đáng tin cậy và giải mã video đặc biệt cho trải nghiệm giám sát liền mạch.



Tính năng nổi bật

Bộ giải mã video mạng VIGI cung cấp giải mã tín hiệu lên đến 8K, phù hợp với các giải pháp giám sát quy mô lớn. Khả năng giải mã mạnh mẽ, nổi tùy chỉnh và quản lý hệ thống giúp đơn giản hóa việc bảo trì.



Nhiều giao thức

- TP-Link/ONVIF



Giải mã hiệu quả

- H.265+/H.264+/H.265/H.264
- Up to 24x 4K cameras



Nối linh hoạt

- Up to 12 HDMI
- 4K Output (3840x2160@30Hz)



Quản lý tập trung

- Compatible with VIGI Video Management System

Thông số kỹ thuật

Hình ảnh sản phẩm		
Mã sản phẩm	VIGI NVD6004*	VIGI NVD6012*
Đầu ra	HDMI x 4, VGA x 4	HDMI x 12, VGA x 12
Độ phân giải đầu ra	4K: 3840 x 2160@30 Hz (HDMI)	4K: 3840 x 2160@30 Hz (HDMI)
Độ phân giải mã hỗ trợ	64-ch @1080P cameras đồng thời	192-ch @1080P cameras đồng thời
Chia màn hình	Một màn hình duy nhất hỗ trợ tối đa 32 màn hình chia nhỏ và 4 x 32 màn hình chia nhỏ có thể được hiển thị trên bốn màn hình	Một màn hình duy nhất hỗ trợ tối đa 36 màn hình chia nhỏ và 12 x 36 màn hình chia nhỏ có thể được hiển thị trên bốn màn hình
Nén video	H.265+/H.264+/H.265/H.264	
Giao diện mạng	Giao diện RJ45 x thích ứng 1, 10/100/1000 Mbps	

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm		Non-PoE NVR				
Hình ảnh sản phẩm						
Mã sản phẩm		VIGI NVR2016H	VIGI NVR1016H	VIGI NVR1108H-W	VIGI NVR1008H	VIGI NVR1004H
Bảng thông truy cập video mạng		80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps
Đầu vào video mạng		16 kênh		8 kênh		4 Channels
Giao diện mạng		1*100M	1*100M	1*100M Wi-Fi, 11n, 300M	1*100M	1*100Mv
Chuẩn nén video		H.265+/H.264+/H.265/H.264				
Khả năng giải mã		4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP
Độ phân giải được ghi lại		Lên đến 4K (8MP)				
Giao diện video		Đầu ra đồng thời HDMI/VGA				
Ổ đĩa cứng		2 SATA (Tối đa 16TB cho mỗi HDD*)	1 SATA (Tối đa 16TB cho mỗi HDD*)			
Nguồn cấp		DC 12 V, 3.3 A	DC 12 V, 1.5 A	DC 12 V, 1.5 A	DC 12 V, 1.5 A	DC 12 V, 1.5 A

Loại sản phẩm		NVR Kit* COMING SOON			
Hình ảnh bộ Kit					
Mã sản phẩm		VIGI NK16MP-T12425-4T	VIGI NK8MP-T6425-2T	VIGI NK8P-B434I	VIGI NK4P-T4425-2T
Thành phần bộ KIT		1* VIGI NVR2016H-16MP + 12* VIGI C445(2.8mm) + 1* 4TB HDD Preinstalled	1* VIGI NVR1008H-8MP + 6* VIGI C445(2.8mm) + 1* 2TB HDD Preinstalled	1* VIGI NVR1008H-8P + 4* VIGI C330I(4mm)	1* VIGI NVR1004H-4P + 4* VIGI C445(2.8mm) + 1* 2TB HDD Preinstalled
Thông số NVR	Đầu vào video mạng	16 kênh	8 kênh	8 kênh	4 kênh
	Bảng thông truy cập video mạng	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps
	Giao diện PoE	16*10/100 Mbps, Max 140W, 802.3af/at	8*10/100 Mbps, Max 113W, 802.3af/at	8*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3af/at	4*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3af/at
	Giao diện mạng	1*1000Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps
	Khả năng giải mã	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP	4-ch @ 4MP
	Độ phân giải được ghi lại	Lên đến 4K (8MP)			
	Ổ đĩa cứng	2 SATA (Tối đa 10TB cho mỗi HDD*)	1 SATA (Tối đa 16TB cho mỗi HDD*)		
Thông số Camera	Kiểu camera	Tháp pháo	Tháp pháo	Bullet	Tháp pháo
	Pixels	4MP, Full-Color	4MP, Full-Color	3MP, IR	4MP, Full-Color
	Phân tích người & xe	•	•	-	•
	Phân loại người & xe	•	•	•	•
	Nhận diện thông minh**	•	•	•	•
	Chứa bảo vệ	IP67, Kim loại		IP67	IP67, Kim loại

*Bảng chỉ bao gồm một vài mô hình của NVR Kits. Để có thêm lựa chọn, vui lòng liên hệ với nhóm bán hàng địa phương của chúng tôi.
**Phát hiện thông minh đề cập đến nhiều phát hiện AI và có thể thay đổi tùy theo kiểu và phiên bản sản phẩm. Các phát hiện AI bao gồm Change Detection, Loitering Detection, Object Abandoned Detection, Object Removal Detection, Intrusion Detection, Line-Crossing Detection, Region Exiting Detection, Region Entering Detection, Vehicle Detection, and Human Detection.

Thông số kỹ thuật

Loại sản phẩm	PoE NVR								
Hình ảnh sản phẩm									
Mã sản phẩm	VIGI NVR2016H-16MP	VIGI NVR2016H-16MP-4TB	VIGI NVR2016H-16P	VIGI NVR2008H-8MP-2TB	VIGI NVR1008H-8MP	VIGI NVR1008H-8P	VIGI NVR1004H-4P	VIGI NVR1004H-4P-2TB	VIGI NVR1104H-4P
Bảng thông truy cập video mạng	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps	80 Mbps
Đầu vào video mạng	16 Kênh			8 Kênh			4 Kênh		
Giao diện mạng	1*1000Mbps	1*1000Mbps	1*1000Mbps	1*100 Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps	1*100Mbps
Giao diện PoE	16*10/100 Mbps, Max 140W, 802.3 af/at	16*10/100 Mbps, Max 140W, 802.3 af/at	16*10/100 Mbps, Max 90W, 802.3 af/at	8*10/100 Mbps, Max 92W, 802.3 af/at	8*10/100 Mbps, Max 113W, 802.3 af/at	8*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3 af/at	4*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3 af/at	4*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3 af/at	4*10/100 Mbps, Max 53W, 802.3 af/at
Chuẩn nén video	H.265+/H.264+/H.265/H.264								
Khả năng giải mã	4-ch @ 4MP, 8-ch @ 2MP						4-ch @ 4MP	4-ch @ 4MP	4-ch @ 4MP
Độ phân giải được ghi lại	Lên đến 4K (8MP)								
Giao diện video	Đầu ra đồng thời HDMI / VGA								HDMI / VGA Đầu ra đồng thời (loa tích hợp)
Ổ đĩa cứng	2 SATA Giao diện (Tối đa 16TB cho mỗi giao diện*)	2 SATA Giao diện (Tối đa 16TB cho mỗi ổ cứng 4TB được cài sẵn	2 SATA Giao diện (Tối đa 10TB cho mỗi giao diện*)	2 SATA Giao diện (Tối đa 10TB cho mỗi ổ cứng 2TB được cài sẵn	2 SATA Giao diện (Tối đa 10TB cho mỗi giao diện*)	2 SATA Giao diện (Tối đa 16TB cho mỗi giao diện*)	1 SATAGiao diện (Tối đa 10TB cho mỗi giao diện*) (Cài đặt nhanh ổ cứng)		
Nguồn cấp	DC 53.5 V, 3.37 A	DC 53.5 V, 3.37 A	DC 53.5 V, 2.43 A	DC 53.5 V, 2.43 A	DC 53.5 V, 2.43 A	DC 53.5 V, 1.31 A	DC 53.5 V, 1.31 A	DC 53.5 V, 1.31 A	DC 53.5 V, 1.31 A

Loại sản phẩm	Non-PoE NVR				
Hình ảnh sản phẩm					
Mã sản phẩm	VIGI NVR8096H†	VIGI NVR8064H†	VIGI NVR4064H	VIGI NVR4032H	VIGI NVR2032H
Bảng thông truy cập video mạng	480Mbps	480Mbps	320 Mbps	320 Mbps	320 Mbps
Đầu vào video mạng	96 kênh	64 kênh	64 kênh	32 kênh	32 kênh
Giao diện mạng	2*1000M	2*1000M	2*1000M	2*1000M	2*1000M
Giao diện PoE	H.265+/H.264+/H.265/H.264				
Chuẩn nén video	Nhận dạng khuôn mặt / Tìm kiếm thông minh				
Khả năng giải mã	16-ch @ 4MP, 32-ch @ 2MP		16-ch @ 2MP, 8-ch @ 4MP		
Độ phân giải được ghi lại	Lên đến 8K (32MP)		Lên đến 4K (8MP)		
Giao diện video	Đầu ra độc lập HDMI/VGA		Đầu ra đồng thời hoặc độc lập HDMI1 / VGA; Đầu ra đồng thời hoặc độc lập HDMI1 / HDMI2	Đầu ra độc lập HDMI/VGA	
Ổ đĩa cứng	8 SATA (Tối đa 16TB cho mỗi HDD*)	8 SATA (Tối đa 10TB cho mỗi HDD*)	4 SATA (Tối đa 10TB cho mỗi HDD*)	4 SATA (Tối đa 16TB cho mỗi HDD*)	2 SATA (Tối đa 10TB cho mỗi HDD*)
Nguồn cấp	100 đến 240 VAC, 50 đến 60 Hz				

†Sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.
* Phải cài đặt ổ đĩa cứng (không bao gồm) để hoạt động.

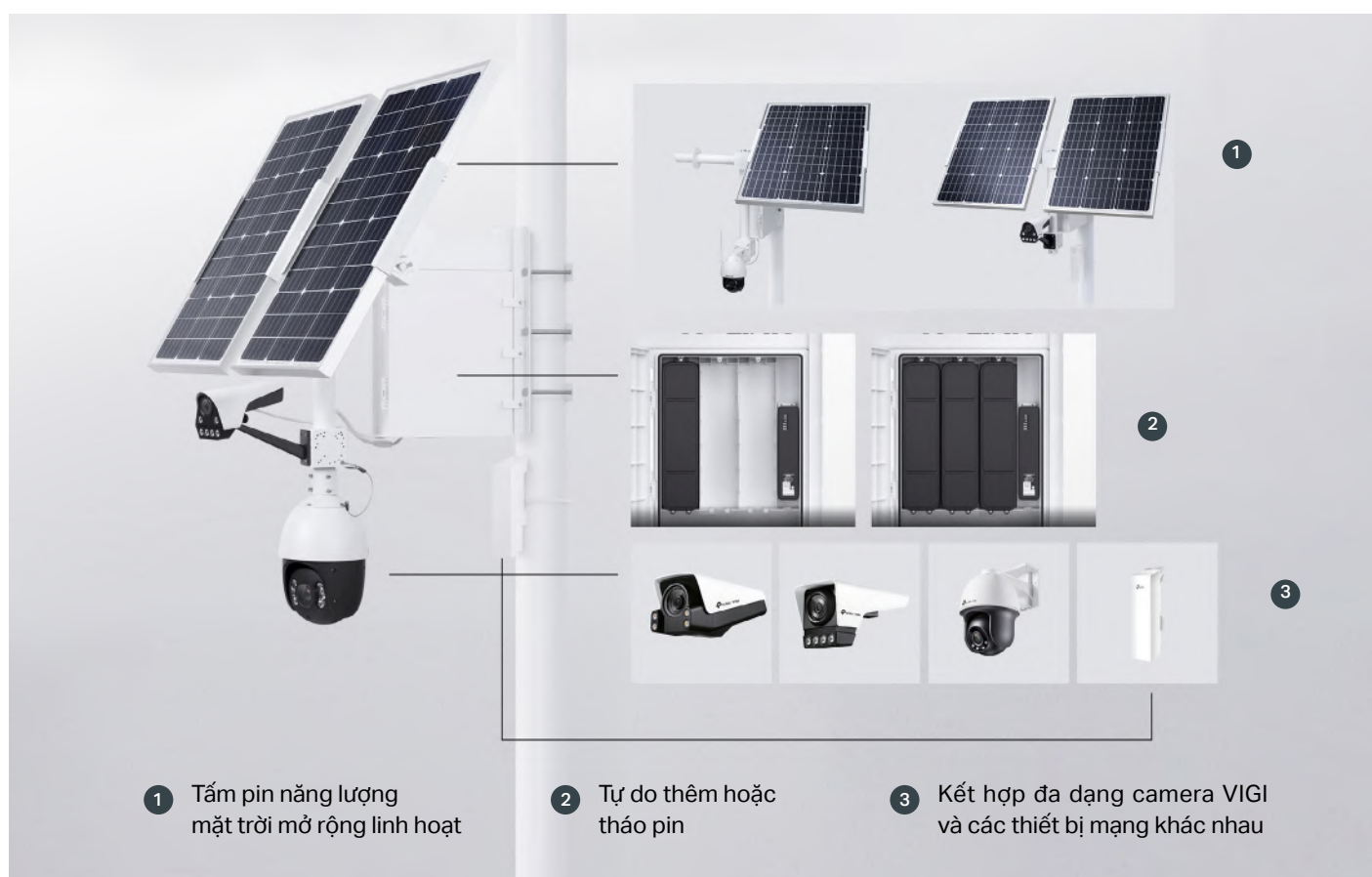
Hệ Thống Cung Cấp Năng Lượng Mặt Trời VIGI



Tính năng nổi bật

Lắp ráp tùy chỉnh

Tùy chỉnh hệ thống cung cấp năng lượng mặt trời của bạn một cách dễ dàng với thiết kế phần cứng mô-đun của chúng tôi. Nhiều sự kết hợp của pin và tấm năng lượng mặt trời cũng như các loại sản phẩm camera giám sát khác nhau có sẵn cho khung tích hợp VIGI.



Hệ thống năng lượng mặt trời hiệu quả cao

Cải thiện hiệu suất chuyển đổi ánh sáng với hệ thống năng lượng mặt trời cấp A (công suất đầu ra lên đến 60 hoặc 90 W), đảm bảo tuổi thọ dài 25+ năm.



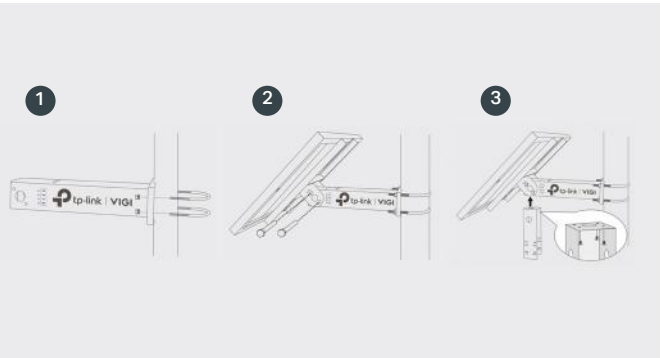
Thiết kế phần cứng bền bỉ

Bảo vệ hệ thống khỏi sử dụng lâu dài ngay cả trong các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt như bão.



Cài đặt đơn giản

Nhanh chóng cài đặt giá đỡ chỉ trong vài phút và xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời của bạn.



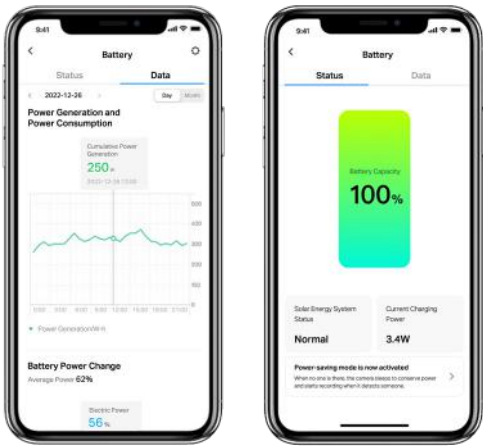
Các góc có thể điều chỉnh cho khả năng ứng dụng rộng rãi

Chọn góc làm việc linh hoạt để phù hợp nhất với tình huống của bạn và tận dụng hiệu quả.



Giám sát từ xa

Thông qua Ứng dụng VIGI, bạn có thể xem công suất hiện tại của pin, công suất tạo dòng điện và công suất tải hiện tại của pin mọi lúc, mọi nơi. Nó cũng cung cấp thông tin hàng ngày và hàng tháng về việc sản xuất và sử dụng năng lượng pin. Bạn sẽ thấy đơn giản hơn để duy trì các rào cản.



Thông số kỹ thuật

Hình ảnh sản phẩm				
Mã sản phẩm	VIGI SP18090*	VIGI SP9030	VIGI SP6030	VIGI SP6020
Công suất	1/2 * 60W/90W tùy chỉnh	90W	60W	60W
Dung lượng pin	1/2/3 * 20.8Ah@10.8V Tùy chỉnh, Ternary Lithium	31.2Ah@10.8V Ternary Lithium	31.2Ah@10.8V Ternary Lithium	20.8Ah@10.8V Ternary Lithium
Nhiệt độ hoạt động	Sạc: -30°C~45°C(Với nhiệt phụ trợ thông minh) Xả: -30°C~60°C(Với nhiệt phụ trợ thông minh)			
Góc độ điều chỉnh	5°/15°/25°/35°/45°/55°			
Tính năng phần mềm	Kiểm soát tải, bảo vệ quá nhiệt pin, hiển thị mức pin, hiển thị công suất phát, hiển thị công suất tải, thống kê công suất phát và tải, lựa chọn múi giờ, lựa chọn khu vực, tiết kiệm ánh sáng ban ngày, cập nhật chương trình cơ sở từ xa, khởi động từ xa			
Đầu ra	Đầu ra 1&2: 9~12.6V/2A, Đầu ra 3: 12V/2A			
Giao diện mạng	Giao diện RJ45 × 1, 10/100 Mbps adaptive			
Chuẩn bảo vệ	IP66			



Quét để biết thêm chi tiết về
Tấm pin năng lượng mặt trời VIGI

*Sản phẩm này có thể đang được phát triển. Sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh và tính năng được hiển thị.



➤➤ Tầm nhìn và sứ mệnh

Omada trong tiếng Hy Lạp nghĩa là “đồng đội”, cũng là tôn chỉ của dòng sản phẩm thiết bị mạng doanh nghiệp của TP-Link, trong việc kết nối mọi trang thiết bị của khách hàng, cung cấp quyền truy cập và kiểm soát tổng thể qua một hệ thống duy nhất, đơn giản hơn, nhanh chóng hơn, bảo mật hơn.

Omada cung cấp giải pháp mạng tất cả trong một, bao gồm các dịch vụ chất lượng cao và sản phẩm hiệu suất cao cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, tích hợp hệ thống mạng hoàn chỉnh bao gồm Access Point, Switch và Router lý tưởng để sử dụng trong khách sạn, trường học, nhà hàng, văn phòng...



Tiếng Hy Lạp: Đồng Đội

➤➤ Hành trình phát triển



Giải Pháp Mạng Doanh Nghiệp của TP-Link

Thương hiệu
6 năm liền

Lọt vào danh sách Báo cáo Magic Quadrant của Gartner năm 2024 về Cơ sở hạ tầng mạng LAN có dây và không dây dành cho doanh nghiệp

1 Trong 12

Nhà cung cấp uy tín toàn cầu cho giải pháp mạng doanh nghiệp

*Nguồn: Gartner, Magic Quadrant for Enterprise Wired and Wireless LAN Infrastructure, Tim Zimmerman, Christian Canales, et al., 6 tháng 3, 2024.

Switch Doanh Nghiệp Doanh số toàn cầu, 4Q23*

Hạng	Thương hiệu	% Doanh số
1	H Brand	17.5%
2	H Brand	16.9%
3	TP-Link	13.0%
4	C Brand	11.6%
5	H Brand	5.7%

WLAN Access Point cho SMB Doanh số toàn cầu, 4Q23*

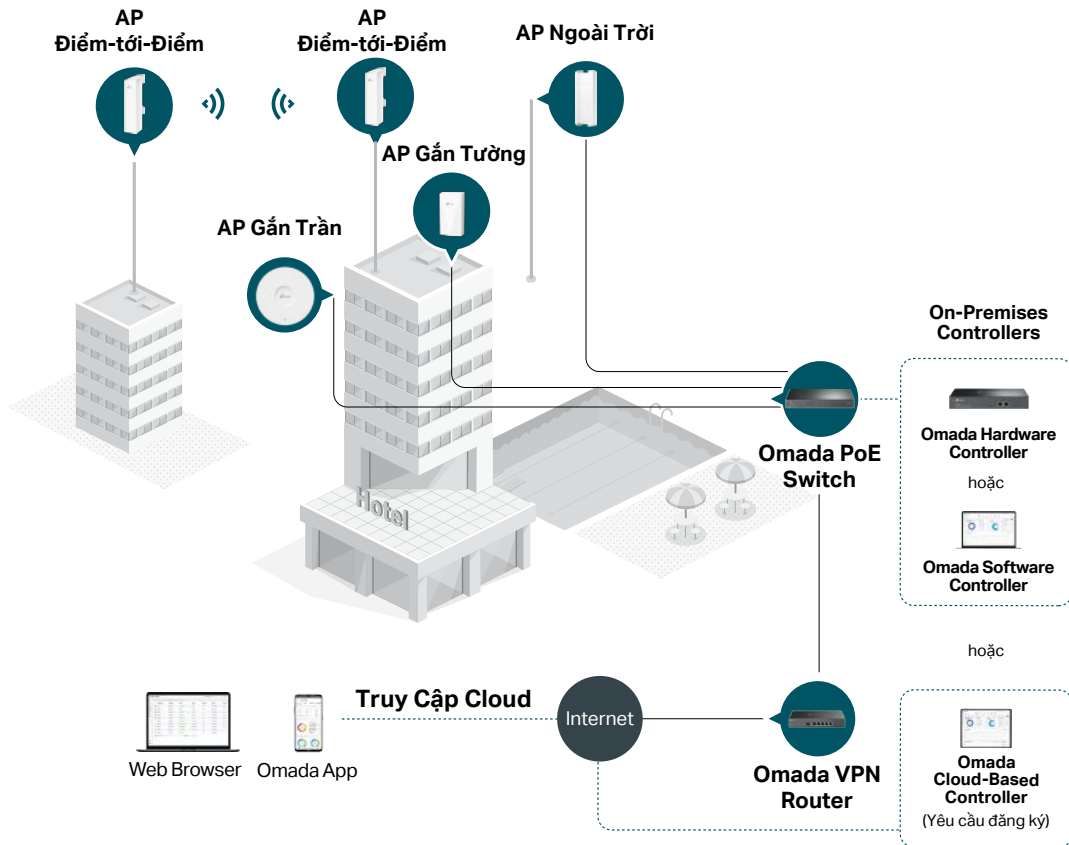
Hạng	Thương hiệu	% Doanh số
1	TP-Link	32.6%
2	U Brand	22.3%
3	R Brand	18.0%
4	H Brand	7.5%
5	H Brand	3.6%

WLAN Access Point cho Doanh Nghiệp và Tập Đoàn Doanh số toàn cầu, 4Q23*

Hạng	Thương hiệu	% Doanh số
1	H Brand	23.6%
2	C Brand	11.9%
3	R Brand	11.0%
4	TP-Link	10.3%
5	H Brand	9.3%

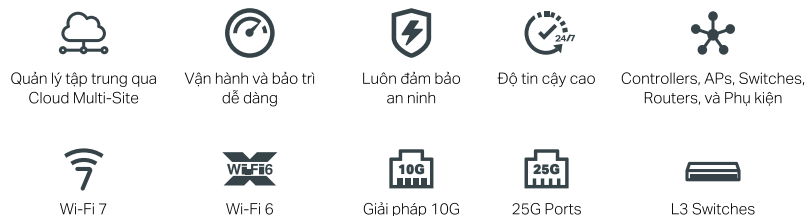
Biểu đồ được tạo bởi TP-Link dựa trên nghiên cứu của Gartner®. Nguồn: Gartner, Thị phần: Thiết bị mạng doanh nghiệp theo phân khúc thị trường, Trên toàn thế giới, 4Q23 (Tóm tắt điều hành) Tháng 12/2023.

Giải pháp Omada SDN và sản phẩm



Software-Defined Networking (SDN)

Omada là mạng SDN với Controller làm bộ điều khiển chính, để thực hiện triển khai tự động các dịch vụ mạng và phân phối dữ liệu tự động trên các Router, Switch và Access Point.



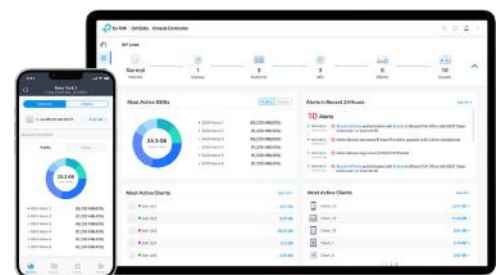
Nền tảng Omada Centralized Management

Controller + Giao diện Quản lý



Omada Essential Cloud miễn phí

Omada Cloud-Based Controller cung cấp các tùy chọn đám mây linh hoạt để quản lý tập trung Access Point, Switch và Gateway. Omada Essential Cloud miễn phí và dễ sử dụng, lý tưởng cho hệ thống camera giám sát. Trong khi đó phiên bản Omada Standard Cloud tính phí sẽ cung cấp nhiều tính năng nâng cao.



Cloud Centralized Management miễn phí, không cần sử dụng phần cứng hay phần mềm.*



*Miễn phí truy cập đám mây vào Omada Hardware Controller hoặc Software Controller. Cloud-Based Controller miễn phí các tính năng cơ bản, các tính năng nâng cao sẽ có mặt trong phiên bản tính phí.

ƯU ĐIỂM CỦA GIẢI PHÁP MẠNG OMADA

TP-Link Omada cung cấp giải pháp mạng tất cả trong một, bao gồm các dịch vụ chất lượng cao và sản phẩm hiệu suất cao cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, tích hợp hệ thống mạng hoàn chỉnh bao gồm Access Point, Switch và Router — lý tưởng để sử dụng trong khách sạn, trường học, nhà hàng, văn phòng...



Giải pháp một cửa với tùy chọn sản phẩm toàn diện



Omada Controllers

- **Cloud-based Controller**
Quy mô Không giới hạn
- **Software Controllers**
Quy mô Không giới hạn
- **Hardware Controllers**
Từ 130 đến 1300 thiết bị



Omada Access Point

- Gắn trần / Gắn tường / Ngoài trời / Wireless Bridge / Mật độ cao / Gpon
- Cổng 10G / 2.5G / GE / FE
- Wi-Fi 7 / 6 / 5 / 4



Omada L3/L2+ Managed/Smart / Easy Managed Switch

- Core / Aggregation / Access Switch
- 25G / 10G / 2.5G / GE / FE Ports
- PoE++ / PoE+ / PoE



Omada Router

- 10G / 2.5G / GE
- Wired / Wireless / 4G+ LTE
- SSL / WireGuard / IPSec VPN / OpenVPN



Easy Smart & Unmanaged Switch

- 10G / 2.5G / GE / FE
- PoE++ / PoE+ / PoE
- Rackmount / Desktop / Wall-Mounting



Accessories

- 10G / 1G SFP Module
- Media Converter
- PoE Adapter
- SFP Cable

Lưu ý: Hệ thống Omada Easy Smart Switch, Unmanaged Switch và phụ kiện không được hỗ trợ quản lý bởi Omada SDN Central.

▶▶ Thời gian Bảo hành dài hơn & Hỗ trợ Kỹ thuật Tốt hơn



Omada Controllers, Gateways, Switch, Indoor Access Point

5 năm bảo hành*



Omada Outdoor Switch, Outdoor Access Point, Accessories

5 năm bảo hành*

Dịch vụ Pre-Sales tốt nhất



Chứng nhận và đào tạo

Cung cấp mọi chứng chỉ và đào tạo cấp độ đầu vào, cấp độ liên kết và cấp độ chuyên nghiệp.



Cố vấn triển khai mạng phù hợp

Tùy chỉnh giải pháp phù hợp với nhu cầu kinh doanh riêng của doanh nghiệp.



Khảo sát chuyên nghiệp

Đội ngũ hỗ trợ chuyên nghiệp của Omada sẽ đưa ra đánh giá chính xác nhất cho nhu cầu kết nối mạng của mỗi doanh nghiệp.

Dịch vụ After-Sales tốt nhất



Thời gian bảo hành dài hơn (tùy theo khu vực / quốc gia)



Đội ngũ hỗ trợ riêng từ Omada (tùy theo khu vực / quốc gia)

Nhận hỗ trợ riêng từ dịch vụ Hotline SMB, Email và Live Chat của Omada, hỗ trợ doanh nghiệp mọi lúc mọi nơi.



Cộng đồng Omada

Các dịch vụ cộng đồng bao gồm bảng Q&A và hỗ trợ thông tin đáng tin cậy.



Nhóm hỗ trợ bản địa hóa

Nhiều nhóm bản địa hóa sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp địa phương.

▶▶ Thương Hiệu Hàng Đầu Thế Giới

Liên kết chiều dọc

TP-Link vận hành các cơ sở sản xuất nội bộ để duy trì tiêu chuẩn cao và kiểm soát chi phí nghiêm ngặt đối với mọi bộ phận, mang lại giá trị tốt hơn so với OEM truyền thống.



Nhà máy

Sản xuất nguồn điện
Sản xuất anten
Sản xuất đầu nối
Nhà máy ép nhựa
Nhà máy ép khuôn

Diện tích: **400.000+ m²**



Cung ứng ổn định

Sản xuất tại chỗ

Vận chuyển toàn cầu

- Chuỗi cung ứng ổn định toàn diện
- Kiểm soát chu kỳ thời gian và cải thiện hiệu quả sản xuất
- Quản lý chất lượng nghiêm ngặt
- Kiểm soát toàn bộ chi phí
- Giải pháp vận chuyển tối ưu với 90% tuyến đi thẳng
- Kho hàng địa phương để có đủ hàng hóa cung ứng và giao hàng nhanh*



*Áp dụng cho thị trường US và có thể khác nhau giữa các khu vực/ quốc gia.

Nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới

- Nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới 13 năm liền*
- Đảm bảo chất lượng nghiêm ngặt trong suốt quá trình thiết kế, phát triển và sản xuất từ đầu đến cuối
- Hơn 20 năm thử nghiệm và sản xuất sản phẩm với độ tin cậy cao và chất lượng đảm bảo theo thời gian

No.1

*Nguồn: IDC Worldwide Quarterly WLAN Tracker, CY2023

▶▶ Chương trình Đối tác

<https://partner.tp-link.com/>

Chương trình Đối tác TP-Link SolutionX là một chương trình đơn giản và hiệu quả, được thiết kế dành riêng cho các đối tác là chuyên gia về giải pháp mạng, bao gồm đơn vị thi công, SI và MSP, mang đến nhiều lợi ích về bán hàng, kỹ thuật, đào tạo và tiếp thị để phát triển doanh nghiệp của bạn. Tham gia Chương trình đối tác SolutionX để tương tác nhiều hơn với các sản phẩm Omada, nhận bộ sản phẩm demo và nhận phần thưởng cho doanh số bán hàng của bạn.

Lưu ý: Chương trình đối tác và các lợi ích có thể khác nhau tùy theo khu vực. Vui lòng liên hệ với đại diện TP-Link tại địa phương để biết thêm thông tin chi tiết.



▶ Đăng ký thầu

▶ Công cụ bán hàng

▶ Kiến thức nền tảng

▶ Tài liệu tiếp thị

▶ Chương trình khuyến mãi

▶ Đào tạo và Chứng chỉ

▶ Hỗ trợ

➤➤ Omada giúp giải phóng công việc cho SI và quản trị viên

Dễ dàng vận hành và bảo trì

Zero-Touch Provisioning*

Cho phép quản trị viên triển khai và cấu hình từ xa các hệ thống mạng multi-site, do đó không cần phải cử kỹ sư đi cấu hình tại chỗ.

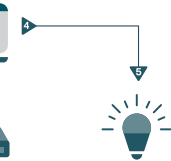
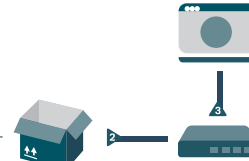
*Zero-Touch Provisioning yêu cầu phải sử dụng Omada Cloud-Based Controller.

SI thiết lập từ xa.

Kỹ sư không cần tới tận nơi để sửa chữa

Bước 1
Cài đặt sẵn thiết bị Omada thông qua Omada Cloud rồi gửi đến tận tay khách hàng.

Bước 4
Đăng ký thiết bị vào hệ thống thông qua Omada Cloud.



Bước 2
Khách hàng kết nối thiết bị vào mạng Internet

Bước 3
Đăng ký tài khoản và kết nối với Omada Cloud.

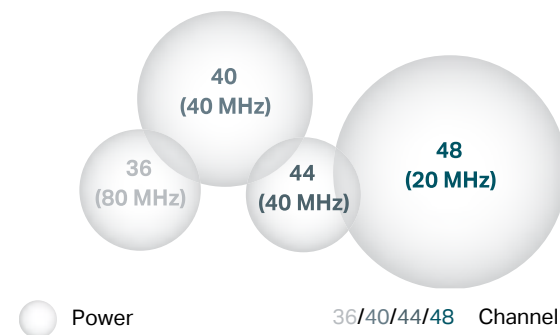
Bước 5
Thiết bị tự động cấu hình thông qua Cloud.

Khách hàng sử dụng tại chỗ

Cắm và chạy

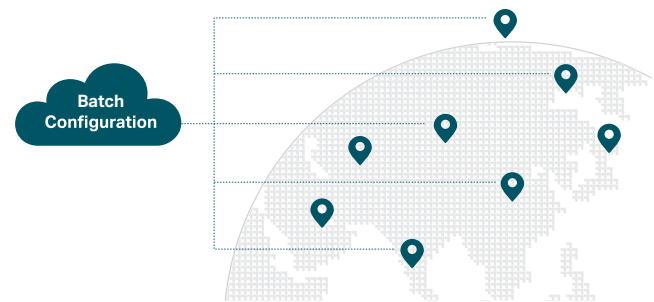
Lựa chọn kênh và Tối ưu hóa công suất

Cung cấp hiệu suất không dây mạnh mẽ, đồng thời giảm đáng kể nhiễu Wi-Fi bằng cách tự động điều chỉnh cài đặt kênh và mức công suất của các AP lân cận trong cùng một mạng.



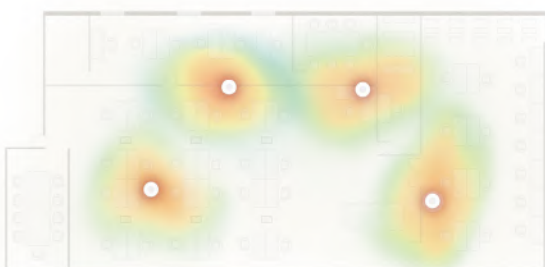
Cấu hình hàng loạt

Cấu hình hàng loạt thiết bị và cập nhật chương trình cơ sở từ xa giúp giải phóng công việc cho SI.

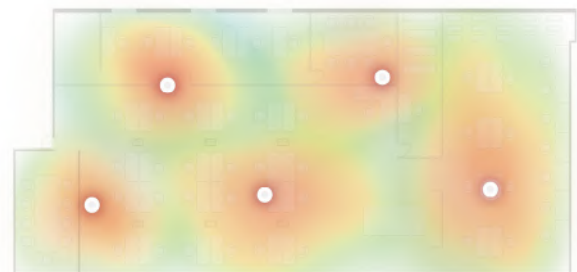


Trình mô phỏng bản đồ nhiệt Wi-Fi để tạo ra các giải pháp Wi-Fi một cách dễ dàng

Mô phỏng hiệu ứng phủ sóng không dây của các AP trên trang web thực tế và xác định số lượng cũng như vị trí thích hợp của các AP theo yêu cầu phủ sóng.



Triển khai AP không hợp lý khi không có Trình mô phỏng bản đồ nhiệt Wi-Fi



Triển khai AP hợp lý với Trình mô phỏng bản đồ nhiệt Wi-Fi

Đồng bộ hóa cấu hình

Đảm bảo doanh nghiệp luôn biết điều gì đang xảy ra với hệ thống mạng của mình. Quan sát kết quả và trạng thái cấu hình thiết bị trong thời gian thực.

Tích hợp công cụ khắc phục sự cố

PING | Traceroute | DNS QUERY | Terminal | Packet Capture

Omada Luôn Tối Ưu Trải Nghiệm Người Dùng

Luôn đảm bảo an ninh

IDS (Hệ thống phát hiện xâm nhập) / IPS (Hệ thống ngăn chặn xâm nhập)

Công cụ IDS/IPS tích hợp tăng cường khả năng phát hiện và phòng thủ mối đe dọa. Ngoài ra còn có cơ sở dữ liệu chữ ký đi kèm và được cập nhật thường xuyên để ngăn chặn tấn công.



DPI (Hệ thống bắt gói và phân tích gói tin chi tiết)

Bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu tích hợp, DPI phân biệt giữa các ứng dụng khác nhau, như dữ liệu tài chính, tải P2P và video hội nghị. Điều này giúp Ops hiểu rõ hơn mục đích của mọi gói IP và giảm chi phí tổng thể, bằng cách ưu tiên lưu lượng truy cập một cách thông minh hơn.



Chức năng bảo mật phong phú

Tường lửa mạnh mẽ và các chức năng bảo mật nâng cao giúp bảo vệ mạng và dữ liệu của bạn.

- 

VPN
Bảo mật cao
- 

Tường lửa
mạnh mẽ
- 

URL/IP/MAC
Bộ lọc
- 

Access
Control
- 

WPA3 mã hóa
nâng cao
- 

Captive
Portal
- 

PPSK

Độ tin cậy cao hơn

Các dịch vụ Cloud được đảm bảo với độ khả dụng 99,9% SLA, phát hiện lỗi tự động 24/7, máy chủ dự phòng cách ly về mặt địa lý và chất lượng sản phẩm đáng tin cậy. Mạng của bạn sẽ hoạt động ngay cả khi lưu lượng quản lý bị gián đoạn.



Nhiều tùy chọn hơn với ứng dụng quản lý Omada App Centralized Management Mode — Giải pháp quản lý AP dễ dàng và nhẹ nhàng

Ứng dụng Omada cung cấp giải pháp quản lý tập trung miễn phí và nhẹ nhàng cho các điểm truy cập, lý tưởng cho mạng Wi-Fi quy mô nhỏ.

- 

Không mất
thêm chi phí
- 

Cloud
Management
- 

Cấu hình
hàng loạt
- 

Công cụ
mạng tích hợp
- 

Cài đặt WIFI
Nhanh chóng
- 

Quản lý
Multi-Network



Giải pháp mạng lý tưởng cho Doanh nghiệp và Khu vực công

Omada là giải pháp lý tưởng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMB)

TP-Link Omada được thiết kế đặc biệt cho khách sạn, trường học, nhà hàng, văn phòng và nhiều hơn nữa. Sản phẩm dựa trên kịch bản sử dụng thực tế nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong các môi trường khác nhau.

Giải pháp mạng doanh nghiệp phổ biến



Khách sạn

- Giải pháp phủ sóng Wi-Fi toàn bộ và kết nối có dây
- Tùy chọn Hybrid Controller giúp quản lý dễ dàng
- Chính sách Wi-Fi cho khách hàng linh hoạt
- Chuyển vùng liền mạch
- PPSK



Trường học

- Wi-Fi mật độ cao với 1K+ người dùng cùng lúc
- Xác thực linh hoạt cho khách / nhân viên / sinh viên
- Tùy chọn Controller linh hoạt giúp quản lý dễ dàng
- Enterprise VPN và bảo mật nâng cao



Văn phòng

- Enterprise VPN và bảo mật
- Xác thực nhân viên thông qua Portal và 802.1X
- Tùy chọn Controller linh hoạt giúp quản lý dễ dàng
- Bộ lọc và quản lý nội dung



Nhà hàng

- Wi-Fi mật độ cao với 1K+ người dùng cùng lúc
- Hệ thống đặt hàng trực tuyến không dây ổn định
- Nâng tầm doanh nghiệp bằng Wi-Fi marketing
- Chuyển vùng liền mạch
- Quản lý dễ dàng

Giải pháp mạng thực tế phổ biến



Switch PoE cho camera giám sát



Wi-Fi tầm xa cho camera giám sát



Wi-Fi cho Thang máy



Wi-Fi doanh nghiệp cho kho hàng



Wi-Fi mật độ cao



Wi-Fi ngoài trời

(Công viên và Bãi biển, Sự kiện ngoài trời, Sân nhà, Hồ bơi, Quán cafe ngoài trời, Bãi đậu xe, Công viên và nhiều hơn nữa)

Các dự án điển hình ở Việt Nam

TP-Link Omada Wi-Fi 7 Event NVIDIA RTX AI PC Day 2024



Tên dự án: Event NVIDIA RTX AI PC Day 2024
Quy mô: 1000+ khách tham quan
Địa điểm: Nhà thi đấu Rạch Miễu, TP. HCM
Sản phẩm: 2x Router ER8411, 1x Switch SG3218XP-M2, 4x Switch SG3210XHP-M2, 10x Wi-Fi 6 EAP660HD, 2x Omada Wi-Fi 7 EAP723, 2x Controller OC300

Lợi ích mang lại

TP-Link đã mang đến sự kiện một loạt thiết bị tiên tiến, bao gồm 2x Router ER8411 với khả năng điều phối dữ liệu mạnh mẽ, 4x Switch SG3218XP-M2 và SG3210XHP-M2 giúp tối ưu hóa băng thông cho các khu vực trình diễn, 10x Omada Wi-Fi 6 EAP660HD và 2x Omada Wi-Fi 7 EAP723 đảm bảo vùng phủ sóng rộng và hiệu suất không dây cao, cùng 2 Controller OC300 hỗ trợ quản lý mạng tập trung, nâng cao trải nghiệm người dùng. Sự hiện diện của TP-Link không chỉ giúp sự kiện diễn ra trơn tru mà còn mang đến cơ hội cho khách tham quan trải nghiệm Wi-Fi 7 tại booth TP-Link, với các thiết bị nổi bật như Archer BE230 và Omada EAP723.



Hệ thống Wi-Fi cho Trường Đại Học Cần Thơ



Tên dự án: Hệ thống Wi-Fi cho Trường Đại Học Cần Thơ
Địa điểm: Cần Thơ, Việt Nam
Sản phẩm: 72x Switch SG3428MP, 37x Switch SG2218P, 800x EAP223 AP, 6x Controller OC300

Lợi ích mang lại

Các giải pháp mạng của Omada đã cung cấp một hệ thống Wi-Fi đáng tin cậy, nâng cao trải nghiệm của sinh viên, giáo viên và nhân viên tại trường Đại Học Cần Thơ.

Ý kiến đánh giá

"Giải pháp của Omada đã giúp toàn bộ sinh viên hiện đang ở ký túc xá của nhà trường có trải nghiệm sử dụng mạng Wi-Fi xuyên suốt, nhanh và ổn định ở khắp mọi nơi, cho cả nhu cầu học tập và giải trí." - Ban quản lý ký túc xá trường Đại Học Cần Thơ.



Hadana Boutique Resort Hội An



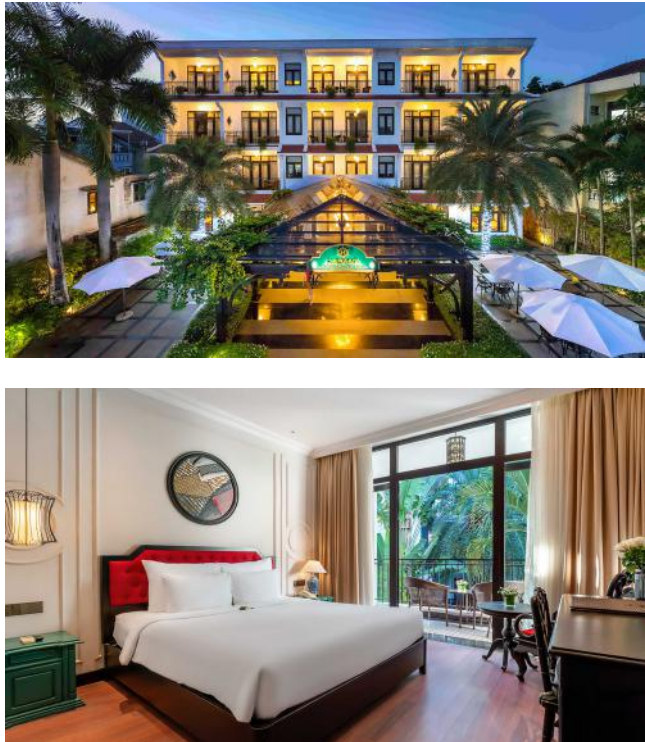
Tên dự án: Hadana Boutique Resort Hội An
Quy mô: 45 phòng
Địa điểm: Hội An, Việt Nam
Sản phẩm: 48x Camera Dome, 32x Camera Bullet, 45x Wall AP

Vấn đề

Hệ thống mạng và giám sát của Hadana Boutique Resort Hội An đã lỗi thời, không đáp ứng nhu cầu khách hàng. Resort nằm cách Phố cổ Hội An 700m, mang đậm nét di sản văn hóa, là nơi lý tưởng cho khách doanh nhân và du lịch tận hưởng sự thanh bình và sang trọng.

Ý kiến đánh giá

"TP-Link đã thực hiện nâng cấp toàn diện hệ thống mạng và giám sát cho khu nghỉ dưỡng của chúng tôi. Giải pháp bao gồm lắp đặt 3 Camera Mini Dome, 45 Camera Dome, 32 Camera Bullet, và 45 Bộ phát Wi-Fi gắn tường. Hệ thống này đảm bảo phủ sóng Wi-Fi liên mạch khắp khu nghỉ dưỡng, mang lại trải nghiệm Internet ổn định và đáng tin cậy. Ngoài ra, hệ thống giám sát được nâng cấp cũng tăng cường bảo mật và sự riêng tư, giúp khách hàng cảm thấy an toàn và thoải mái trong suốt thời gian lưu trú,"
Giám đốc Hadana Boutique resort Hoi An chia sẻ.



Thông số Sản phẩm

➤➤ Omada Controller

Model		On-Premises Controller				Omada Cloud-Based Controller	
		Omada Hardware Controller			Omada Software Controller	Standard	Essential
		OC200	OC300	OC400			
Hình ảnh Sản phẩm							
Thiết kế	Cách sử dụng	Kết nối với mạng nội bộ			Triển khai tới máy chủ mạng nội bộ hoặc Private Cloud	Thanh toán, đăng nhập & sử dụng với zero-touch provisioning	Đăng nhập & sử dụng với zero-touch provisioning
	Mô hình giá	Chỉ phí phần cứng			Miễn phí	Có phí cấp phép thiết bị	Miễn phí cấp phép thiết bị
	Cloud Access	✓ (Miễn phí)			✓ (Miễn phí)	✓ (Có phí)	✓ (Miễn phí)
	Cổng kết nối	2 × 10/100 Mbps Ethernet; 1 × USB 2.0; 1 × Micro USB	2 × Gigabit Ethernet; 1x USB 3.0	2 × 10G SFP+; 4 × Gigabit Ethernet; 2x USB 3.0	-	-	
Phần cứng	Power Supply	802.3af/at PoE; Micro USB (DC 5 V / Minimum 1A)	100~240 VAC; 50/60 Hz	100~240 VAC; 50/60 Hz; Redundant Power Supply	-	-	
	Kích thước	3.9 × 3.9 × 1.0 in (100 × 98 × 25 mm)	11.6 × 7.1 × 1.7 in (294 × 180 × 44 mm)	17.3 × 7.1 × 1.7 in (440×180×44 mm)	-	-	
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0~40 °C (32~104 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40~70 °C (-40~158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5~90% RH không ngưng tụ			-	-	
Quản lý Thiết bị	Thiết bị hỗ trợ	Omada Access Point, L3/L2+ Managed, Smart, Easy Managed Switch, Router					
	Quy mô quản lý	≤100 APs + 20 Switch + 10 Router; ≤1,000 Clients	≤500 APs + 100 Switch + 100 Router; ≤15,000 Clients	≤1000 APs + 200 Switch + 100 Router; ≤30,000 Clients	Không giới hạn (Khuyến nghị≤10,000)*	Không giới hạn**	
	Qui mô hệ thống mạng	Mạng vừa và nhỏ			Mạng trung bình và lớn	Mạng đa điểm trung bình và lớn	
	AP Automatic Discovery	✓					
	AP Unified Configuration	✓					
	VPN	✓					
Quản lý Hệ thống	Zero-Touch Provisioning	-	-	-	-	✓	
	L3 Management	✓					
	Multi-Site Management	✓					
	Multi-User Privilege Assignment	✓					
	Wi-Fi Heatmap Simulator	✓					
	Network Summary Report	✓					-
	Abnormal Event Warnings and Notifications	✓					-
	Batch Configuration	✓					
	Batch Firmware Upgrading	✓					
	Online Firmware Upgrade	✓					
	Reboot Schedule	✓					-
Bảo mật	Management VLAN	✓					
	MAC Filter	✓					-
	Access Control	✓					
	SSID to VLAN Mapping	✓					
Tính năng Mạng không dây	Lựa chọn kênh tự động	✓					-
	Điều chỉnh công suất truyền tự động	✓					
	Captive Portal	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal					
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming	✓					
	Mesh	✓					
	Band Steering	✓					
	Load Balance	✓					
	Beamforming	✓					
	Rate Limit	✓					
Wireless Schedule	✓						

Omada Wi-Fi 7 Access Point

		AP Gắn Trần
		Wi-Fi 7
Hình ảnh Sản phẩm		
Model		EAP723
Mô tả Sản phẩm		BE5000 Ceiling Mount Wi-Fi 7 Access Point
Thiết kế	Wi-Fi Class	US: BE5000
	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	688 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	4324 Mbps (US version) 2882 Mbps (EU version)
	Wi-Fi Speed (6 GHz)	-
	Ethernet Port	1 × 2.5 G
	EHT320	✓
	Bluetooth	✓
	Power Supply	802.3bt PoE or 12V DC
	Mounting	Ceiling/ Wall mounting (kèm theo hộp)
	Kích thước (W×D×H)	11.0×11.0×1.8 in (280×280×45 mm)
Management	Concurrent Clients	640
	Omada Software Controller	✓
	Omada Hardware Controller	✓
	Cloud Access	✓
	Omada App	✓
Tính năng Mạng không dây	Standalone Management	✓
	4096-QAM	✓
	Multi-Link Operation (MLO)	✓
	Multi-RU	✓
	4× Longer OFDM Symbol	✓
	OFDMA	✓
	BSS Coloring	✓
	MU-MIMO	✓
	Mesh*	✓
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓
	Beamforming	✓
	Airtime Fairness	✓
	Automatic Channel Selection*	✓
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm
	Multiple SSID	24 (8 on each radio)
Bảo mật	Tính năng khác	Band Steering, Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule
	Captive Portal*	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal
	Access Control	✓
	Wireless MAC Address Filtering	✓
	SSID to VLAN Mapping	✓
	Rogue AP Detection	✓
	802.1X Support	✓
	WPA3	✓
	Encryption	WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise, WPA3-Personal/Enterprise

*Các tính năng này yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.

Omada Access Point Gắn Trần

		Ceiling Mount AP				
		Wi-Fi 6				
Wi-Fi Class		AX3600	AX3600	AX3000	AX1800	
Hình ảnh Sản phẩm						
Model		EAP673 / EAP670 (v2)	EAP660 HD (v2 and above)	EAP653 (1/5-pack) / EAP650	EAP620 HD	EAP613 / EAP610
Mô tả Sản phẩm		AX5400 Ceiling Mount Wi-Fi 6 Access Point	AX3600 Ceiling Mount Wi-Fi 6 Access Point	AX3000 Ceiling Mount Wi-Fi 6 Access Point	AX1800 Ceiling Mount Wi-Fi 6 Access Point	
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	574 Mbps	1148 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	4804 Mbps	2402 Mbps	2402 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps
	Ethernet Port	1× 2.5 G	1× 2.5 G	1× GE	1× GE	1× GE
	Antenna	2× 5 dBi (2.4 GHz) 4× 5 dBi (5 GHz) 1 Bluetooth Internal Antenna	4 Antennas (2.4 GHz) 4 Antennas (5 GHz) 1 Bluetooth Internal Antenna	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 5 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 5 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 5 dBi (5 GHz)
	HE160	✓	-	✓	-	-
	Bluetooth	✓	✓	-	-	-
	Power Supply	802.3at PoE or 12V/2A DC (DC Adapter included in the box of EAP670)	802.3at PoE or 12V DC (DC Adapter included)	802.3at PoE or 48V Passive PoE or 12V/1.2A DC (DC Adapter included in the box of EAP650)	802.3at PoE or 48V Passive PoE or 12V/1.5A DC (DC Adapter included)	802.3at PoE or 48V Passive PoE or 12V/1A DC (DC Adapter included in the box of EAP610)
	Mounting	Ceiling/ Wall mounting (kèm theo hộp)				
	Kích thước (W×D×H)	8.7×8.7×1.3 in (220×220×32.5 mm)		6.3 × 6.3 × 1.3 in (160 × 160 × 33.6 mm)		
	Concurrent Clients	256	1024	256	1024	256
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0–40 °C (32–104 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40–70 °C (-40–158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10–90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5–90% RH không ngưng tụ				
Management	Omada Software Controller	✓				
	Omada Hardware Controller	✓				
	Cloud Access	✓				
	Omada App	✓				
	Standalone Management	✓				
Tính năng Mạng không dây	1024-QAM	✓				
	4× Longer OFDM Symbol	✓				
	OFDMA	✓				
	BSS Coloring	✓				
	MU-MIMO	✓				
	Mesh*	✓				
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓				
	Beamforming	✓				
	Airtime Fairness	✓				
	Automatic Channel Selection	✓				
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm				
	Multiple SSIDs	16 (8 on each radio)				
	Others	Band Steering, Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule				
Bảo mật	Captive Portal*	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal				
	Access Control	✓				
	Wireless MAC Address Filtering	✓				
	SSID to VLAN Mapping	✓				
	Rogue AP Detection	✓				
	802.1X Support	✓				
	WPA3	✓				
Encryption		WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise, WPA3-Personal/Enterprise				

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.

Omada Access Point Gắn Trần

		AP Gắn Trần				
		Wi-Fi 5			Wi-Fi 4	
Wi-Fi Class		AC1750		AC1350	N300	
Hình ảnh Sản phẩm						
Model		EAP265 HD	EAP245 (1/5-pack)	EAP225 / EAP223	EAP115	EAP110
Mô tả Sản phẩm		AC1750 Wireless MU-MIMO Gigabit Access Point Gắn Trần		AC1350 Wireless MU-MIMO Gigabit Access Point Gắn Trần	300Mbps Wireless N Access Point Gắn Trần	
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	450 Mbps	450 Mbps	450 Mbps	300 Mbps	300 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	1300 Mbps	1300 Mbps	867 Mbps	-	-
	Ethernet Ports	2× GE	2× GE	1× GE	1× 10/100 Mbps	1× 10/100 Mbps
	Antennas	3× 3.5 dBi (2.4 GHz) 3× 4 dBi (5 GHz)	3× 3.5 dBi (2.4 GHz) 3× 4 dBi (5 GHz)	3× 3.5 dBi (2.4 GHz) 2× 4 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz)
	Power Supply	802.3af PoE or Passive PoE (PoE Adapter kèm theo hộp)		802.3af PoE or Passive PoE (PoE Adapter kèm theo hộp EAP225)	802.3af PoE or 9V/0.6A DC (Power Adapter kèm theo hộp)	24V Passive PoE (Power Adapter kèm theo hộp)
	Mounting	Ceiling/ Wall mounting (kèm theo hộp)				
	Kích thước (W×D×H)	8.1 × 7.1 × 1.5 in (205.5×181×37.1 mm)			7.5×6.8×1.2 in (189.4×172.3×29.5 mm)	
	Concurrent Client	640	228	228	100	100
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0–40 °C (32–104 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40–70 °C (-40–158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10–90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5–90% RH không ngưng tụ				
Management	Omada Software Controller	✓				
	Omada Hardware Controller	✓				
	Cloud Access	✓				
	Omada App	✓				
	Standalone Management	✓				
Wireless Functions	MU-MIMO	✓			-	
	Mesh*	✓			-	
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓			-	
	Beamforming	✓			-	
	Airtime Fairness, Band Steering	✓			-	
	Automatic Channel Selection	✓				
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm				
	Multiple SSIDs	16 (8 on each radio)			8	
	Others	Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule				
Bảo mật	Captive Portal*	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal				
	Access Control	✓				
	Wireless MAC Address Filtering	✓				
	SSID to VLAN Mapping	✓				
	Rogue AP Detection	✓				
	802.1X Support	✓				
	WPA3	-				
	Encryption	WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise				

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.

Omada Access Point Gắn Tường

		AP Gắn Tường					
		Wi-Fi 6			Wi-Fi 5		Wi-Fi 4
Wi-Fi Class		AX3000		AX1800	AC1200		N300
Hình ảnh Sản phẩm							
Model		EAP655-Wall	EAP650-Wall	EAP615-Wall	EAP235-Wall	EAP230-Wall	EAP115-Wall
Mô tả Sản phẩm		AX3000 Wall Plate Wi-Fi 6 Access Point		AX1800 Wall Plate Wi-Fi 6 Access Point	AC1200 Wireless MU-MIMO Gigabit Access Point Gắn Tường		300 Mbps Wireless N Access Point Gắn Tường
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	2402 Mbps	2402 Mbps	1201 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	-
	Ethernet Port	4× GE	2× GE	4× GE	4× GE	2× GE	2× 10/100 Mbps
	Antenna	2× 3 dBi (2.4 GHz) 2× 5 dBi (5 GHz)	2× 3 dBi (2.4 GHz) 2× 5 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 4 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 4 dBi (5 GHz)	2× 4 dBi (2.4 GHz) 2× 3.6 dBi (5 GHz)	2× 1.8 dBi (2.4 GHz)
	HE160	✓	✓	-	-	-	-
	Power Supply	802.3af/at PoE**	802.3af PoE	802.3af/at PoE**	802.3af/at PoE**	802.3af PoE	802.3af PoE
	PoE Passthrough	✓	-	✓	✓	-	-
	Mounting	Wall Plate Mounting (kèm theo hộp)					
	Kích thước (W×D×H)	5.6×3.4×1.7 in (143×86×42.6 mm)	3.4×3.4×1.7 in (86.8×86.8×42.6 mm)	5.6×3.4×0.8 in (143×86×20 mm)	5.6×3.4×0.8 in (143×86×20 mm)	3.4×3.4×1.2 in (86.8×86.8×30.2 mm)	3.4×3.4×1.2 in (86.8×86.8×30.2 mm)
	Concurrent Clients	128	128	128	200	200	100
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0–40 °C (32–104 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40–70 °C (-40–158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10–90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5–90% RH không ngưng tụ					
Management	Omada Software Controller	✓					
	Omada Hardware Controller	✓					
	Cloud Access	✓					
	Omada App	✓					
	Standalone Management	✓					
Tính năng Mạng không dây	1024-QAM	✓			-		
	4× Longer OFDM Symbol	✓			-		
	OFDMA	✓			-		
	BSS Coloring	✓			-		
	MU-MIMO	-	-	✓	✓	✓	-
	Mesh*	-	-	-	-	-	-
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓			-		
	Beamforming	✓			✓	✓	-
	Band Steering	✓			✓	✓	-
	Automatic Channel Selection	✓			✓		
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm					
	Multiple SSIDs	16 (8 on each radio)			16 (8 on each radio)		8
	Others	Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule					
Bảo mật	Captive Portal*						
	Access Control						
	Wireless MAC Address Filtering						
	SSID to VLAN Mapping						
	Rogue AP Detection						
	802.1X Support						
	WPA3				-		
	Encryption				WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise		

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.
**Cần có nguồn điện PoE 802.3at khi sử dụng đường truyền PoE của các Access Point gắn tường này.
*** Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada Access Point Ngoài Trời

		AP Ngoài Trời					
		Wi-Fi 6				Wi-Fi 5	Wi-Fi 4
Wi-Fi Class		AX3000	AX1800			AC1200	N300
Hình ảnh Sản phẩm							
Model		EAP650-Outdoor	EAP625-Outdoor HD	EAP623-Outdoor HD	EAP610-Outdoor	EAP225-Outdoor	EAP110-Outdoor
Mô tả Sản phẩm		AX3000 Indoor/ Outdoor Wi-Fi 6 Access Point	AX1800 Indoor/Outdoor Wi-Fi 6 Access Point			AC1200 Wireless MU- MIMO Gigabit Indoor/ Access Point Ngoài Trời	300Mbps Wireless N Access Point Ngoài Trời
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	300 Mbps	300 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	2402 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps	867 Mbps	-
	Ethernet Port	1× GE	1× GE	1× GE	1× GE	1× GE	1× 10/100 Mbps
	Antenna	2×4 dBi (2.4 GHz) 2×5 dBi (5 GHz)	2×3 dBi (2.4 GHz) 2×5 dBi (5 GHz)	2×4 dBi (2.4 GHz) 2×5 dBi (5 GHz)	2×4 dBi (2.4 GHz) 2×5 dBi (5 GHz)	2×3 dBi (2.4 GHz) 2×4 dBi (5 GHz)	2× 3 dBi (2.4 GHz)
	HE160	✓	-	-	-	-	-
	Power Supply	802.3at PoE or 48V Passive PoE (nguồn kèm theo hộp)	802.3at PoE or 48V Passive PoE	802.3at PoE or 48V Passive PoE	802.3at PoE or 48V Passive PoE (nguồn kèm theo hộp)	802.3af PoE or 24V Passive PoE (nguồn kèm theo hộp)	24V Passive PoE (nguồn kèm theo hộp)
	Weatherproof	IP67	IP67	IP67	IP67	IP65	IP65
	Mounting	Pole/Wall Mounting (kèm theo hộp)					
	Kích thước (W×D×H, without antenna & mounting kit)	11.0×4.2×2.2 in (280.4×106.5× 56.8 mm)	11.0×7.2×2.2 in (280.4×182.2× 56.9 mm)	11.0×4.2×2.2 in (280.4×106.5×56.8 mm)		8.5×1.8×1.1 in (215×46×27 mm)	
	Concurrent Clients	256	1024	1024	256	228	100
Điều kiện Môi trường		Nhiệt độ Hoạt động: -30~70 °C (-22~158 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40~70 °C (-40~158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5~90% RH không ngưng tụ					
Management	Omada Software Controller	✓					
	Omada Hardware Controller	✓					
	Cloud Access	✓					
	Omada App	✓					
	Standalone Management	✓					
Tính năng Mạng không dây	1024-QAM	✓					-
	4× Longer OFDM Symbol	✓					-
	OFDMA	✓					-
	BSS Coloring	✓					-
	MU-MIMO	✓			✓	-	
	Repeater Mode	✓			✓		
	Mesh*	✓			✓	-	
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓			✓	-	
	Beamforming	✓			✓	-	
	Airtime Fairness, Band Steering	✓			✓	-	
	Automatic Channel Selection	✓			✓	✓	
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm					
	Multiple SSIDs	16 (8 on each radio)				16 (8 on each radio)	8
	Others	Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule					
	Bảo mật	Captive Portal*	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal				
Access Control		✓					
Wireless MAC Address Filtering		✓					
SSID to VLAN Mapping		✓					
Rogue AP Detection		✓					
802.1X Support		✓					
WPA3		✓				-	
Encryption		WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise, WPA3-Personal/Enterprise				WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/ Enterprise	

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.

Omada AP P2P

		AP P2P		
		Wi-Fi 5		Wi-Fi 4
Wi-Fi Class		AC867		N300
Hình ảnh Sản phẩm				
Model		EAP215-Bridge KIT	EAP211-Bridge KIT	EAP115-Bridge KIT
Mô tả Sản phẩm		5GHz 867Mbps Long-range Indoor/Access Point Ngoài Trời		5GHz 300Mbps Long-range Indoor/Access Point Ngoài Trời
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	-	-	-
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	867 Mbps	867 Mbps	300 Mbps
	Ethernet Port	3× GE	3× GE	3× 10/100 Mbps
	Antenna	2× 11 dBi (5 GHz)	2× 7 dBi (5 GHz)	2× 11 dBi (5 GHz)
	Power Supply	Passive PoE and 12V DC (nguồn kèm theo hộp)		
	Chống chịu môi trường	IP65	IP65	IP65
	Mounting	Pole/Wall Mounting (kèm theo hộp)		
	Kích thước (W×D×H, without mounting kit)	8.8×3.1×2.4 in (224×79×60 mm)		
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: -40~70 °C (-40~158 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40~70 °C (-40~158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5~90% RH không ngưng tụ		
Ứng dụng quản lý	Omada Software Controller	✓		
	Omada Hardware Controller	✓		
	Cloud Access	✓		
	Omada App	✓		
	Standalone Management	✓		
Tính năng Mạng không dây	Mesh*	✓		
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	-		
	Beamforming	✓		
	Airtime Fairness	✓		

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal yêu cầu sử dụng Omada SDN Controller.

Omada Desktop Access Point và GPON Access Point

		Desktop APs	GPON Desktop APs	GPON Wall Plate APs
		Wi-Fi 6	Wi-Fi 6	Wi-Fi 6
Wi-Fi Class		AX3000	AX1800	AX1800
Hình ảnh Sản phẩm				
Model		EAP650-Desktop***	EAP610GP-Desktop***	EAP615GP-Wall***
Mô tả Sản phẩm		AX3000 Desktop Wi-Fi 6 Access Point	AX1800 Desktop Wi-Fi 6 GPON Access Point	AX1800 Wall Plate Wi-Fi 6 GPON Access Point
Thiết kế	Wi-Fi Speed (2.4 GHz)	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps
	Wi-Fi Speed (5 GHz)	2402 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps
	Port	4× GE RJ45, 1× RJ11	4× GE RJ45, 1× RJ11, 1× PON	2× GE RJ45, 1× RJ11, 1× PON
	HE160	✓	-	-
	Power Supply	802.3af/at PoE** and DC (nguồn kèm theo hộp)	DC (nguồn kèm theo hộp)	100~240 VAC; 50/60 Hz (AC Plug)
	PoE Passthrough	✓	802.3af PoE Out	-
	Mounting	Desktop/Wall-Mounting (kèm theo hộp)	Desktop/Wall-Mounting (kèm theo hộp)	Wall Plate Mounting (kèm theo hộp)
	Dimensions (W×D×H)	175×140×33 mm (TBD)	175×140×33 mm (TBD)	143×86×38 mm (TBD)
	Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0–40 °C (32–104 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40–70 °C (-40–158 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10–90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5–90% RH không ngưng tụ		
Ứng dụng quản lý	Omada Software Controller	✓		
	Omada Hardware Controller	✓		
	Cloud Access	✓		
	Omada App	✓		
	Standalone Management	✓		
Tính năng Mạng không dây	1024-QAM	✓		
	4× Longer OFDM Symbol	✓		
	OFDMA	✓		
	BSS Coloring	✓		
	MU-MIMO	✓		
	Mesh*	✓		
	Chuyển vùng liên mạch / AI Roaming*	✓		
	Beamforming	✓		
	Airtime Fairness	✓		
	Automatic Channel Selection	✓		
	Transmit Power Control	Adjust Transmit Power on dBm		
	Multiple SSIDs	16 (8 on each radio)		
	Others	Band Steering, Load Balancing, Rate Limit, Wireless / Reboot Schedule		
Bảo mật	Captive Portal*	SMS, Voucher, Local User, Simple Password, External RADIUS Portal		
	Access Control	✓		
	Wireless MAC Address Filtering	✓		
	SSID to VLAN Mapping	✓		
	Rogue AP Detection	✓		
	802.1X Support	✓		
	WPA3	✓		
	Encryption	WPA-Personal/Enterprise, WPA2-Personal/Enterprise, WPA3-Personal/Enterprise		

*Omada Mesh, Chuyển vùng liên mạch, và Captive Portal cần sử dụng Omada SDN Controller.
**Cần có nguồn điện PoE 802.3at khi sử dụng đường truyền PoE của các Access Point này.
*** Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada L3 Managed Switch

		10 Gbps with 25G Uplink	1 Gbps with 10G Uplink			
Hình ảnh Sản phẩm						
Model		SX6632YF	SG6654XHP	SG6654X	SG6428XHP	SG6428X
Layer		L3 Managed				
Phần cứng	Gigabit RJ45 Ports	-	48, all support PoE	48	24, all support PoE	24
	10G SFP+ Slots	26	6	6	4	4
	25G SFP28 Slots	6	-	-	-	-
	USB Port	2× USB 3.0	2× USB 2.0	2× USB 2.0	2× USB 2.0	2× USB 2.0
	Other Port	1× RJ45/USB Type C Console Combo Port, 1× RJ45 Management Port				
	Power Supply	100-240 VAC, 50/60 Hz				
	RPS (Redundant Power Supply)	✓ (thay thế tại chỗ và thay nóng)**	✓ (thay thế tại chỗ và thay nóng)**	✓ (fixed)	✓ (thay thế tại chỗ và thay nóng)**	✓ (fixed)
	Physical Stacking Number	4				
	Quạt	4× Quạt (thay thế tại chỗ và thay nóng)	4× Quạt (thay thế tại chỗ và thay nóng)	4× Quạt (fixed)	4× Quạt (thay thế tại chỗ và thay nóng)	4× Quạt (fixed)
	Dimensions (W×D×H)	17.3×15.0×1.7 in (440×380×44 mm)	17.3×16.5×1.7 in (440×420×44 mm)	17.3×15.0×1.7 in (440×380×44 mm)	17.3×16.5×1.7 in (440×420×44 mm)	17.3×15.0×1.7 in (440×380×44 mm)
	Kiểu lắp đặt (Kits Included)	Rackmount				
	Nhiệt độ Hoạt động	0~45 °C				
PoE	Chuẩn PoE	-	802.3af/at	-	802.3af/at	-
	PoE Port	-	48	-	24	-
	PoE Power Budget	-	Lên đến 1440W*	-	Lên đến 720W*	-
	PoE Auto Recovery	-	✓	-	✓	-
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	820	216	216	128	128
	Forwarding Rate (Mpps)	610.1	160.7	160.7	95.2	95.2
	MAC Address Table	128K	32K			
	Packet Buffer	8 MB	3 MB			
L3 Features	Static Routing	✓				
	PIM-DM	✓				
	RIP	✓				
	OSPF	✓				
	Others	ECMP, Multicast Routing, VRRP, DHCP Server/Relay, ARP Proxy				
L2 Features	VLAN	802.1Q/MAC/Protocol/Private/Voice/Multicast/Management VLAN				
	QoS	✓				
	Others	V1/V2/V3 IGMP Snooping, Multicast, STP/RSTP/MSTP, ERPS, Loopback Detection, IPv6, QinQ, MAC Flapping, Rate Limit, Port Isolation, Port Mirroring, Static LAG / LACP, DHCP Snooping				
Bảo mật	Bảo mật Functions	DoS Defend, Access Control List, IP + MAC + PORT + VID Binding, Storm Control, Port Bảo mật, SSH & SSL, IP Source Guard, Dynamic ARP Inspection, IEEE 802.1X Authentication				
Quản lý Hệ thống	Controller Mode	Omada Software/Hardware Controller; Omada App; Automatic Device Discovery; Batch Configuration; Batch Firmware Upgrading; Intelligent Network Monitoring; Abnormal Event Warnings; Unified Configuration; Reboot Schedule				
	Standalone Mode	CLI, SPAN/ RSPAN, sFlow, Cable Diagnostics, SNMP				

*Nguồn cấp PoE của SG6428XHP và SG6654XHP tùy thuộc vào module nguồn điện.
**Nguồn điện dự phòng có thể thay thế tại hiện trường cần phải mua riêng.

Omada L2+ Managed Switch

		Full 10G				2.5GE + 10G Uplink					
Hình ảnh Sản phẩm											
Model		SX3206HPP	SX3032F*	SX3016F	SX3008F	SG3428XPP-M2	SG3218XP-M2	SG3210XHP-M2	SG3428X-M2	SG3210X-M2	SG2210XMP-M2
Layer		L2+ Managed									Smart
Phần cứng	2.5G RJ45 Port	-	-	-	-	24, all support PoE	16 (ports 1–8 support PoE)	8, all support PoE	24	8	8, all support PoE
	10G RJ45 Port	4, all support PoE	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	10G SFP+ Slot	2	32	16	8	4	2	2	4	2	2
	Console Port	1 (RJ45) + 1 (Micro-USB)									-
	Power Supply	100-240 VAC, 50/60 Hz									53.5VDC/3.37A Power Adapter
	RPS (Redundant Power Supply)	-	√ (fixed)	√ (fixed)	-	-	-	-	-	-	-
	Fanless	2 Quạt	2 Quạt	1 Quạt	√	3 Quạt	2 Quạt	2 Quạt	1 Quạt	√	√
	Kích thước (W×D×H)	294×180×44 mm	440×330×44 mm	440×220×44 mm	440×180×44 mm	440×330×44 mm	440×220×44 mm	440×180×44 mm	440×180×44 mm	294×180×44 mm	226×131.2×35 mm
	Kiểu lắp đặt	Rackmount / Desktop	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount / Desktop	Desktop/Wall-Mounting
	Nhiệt độ Hoạt động	0–50 °C	0–45 °C	0–45 °C	0–50 °C	0–40 °C	0–40 °C	0–50 °C	0–40 °C	0–50 °C	0–40 °C
PoE	Chuẩn PoE	802.3af/at/bt (Type 3)	-	-	-	802.3af/at/bt (Type 3)	802.3af/at	802.3af/at	-	-	802.3af/at
	PoE Port	4× PoE++ (lên đến 60W mỗi port)	-	-	-	8× PoE++ (lên đến 60W mỗi port) 16× PoE+	8× PoE+	8× PoE+	-	-	8× PoE+
	PoE Power Budget	200 W	-	-	-	500 W	240 W	240 W	-	-	160 W
	PoE Auto Recovery	√	-	-	-	√	√	√	-	-	√
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	120	640	320	160	200	120	80	200	80	80
	Forwarding Rate (Mpps)	89.3	476.2	238.1	119.0	148.8	89.3	59.5	148.8	59.5	59.5
	MAC Address Table	32 K				32 K	16 K	16 K	32 K	16 K	16 K
	Jumbo Frame	9 KB									
L2+ Features	Static Routing	√									
	DHCP Server/Relay	√									
	ARP Proxy	√									
L2 Features	IGMP Snooping	V1/V2/V3									
	STP/RSTP/MSTP	√									
	Loopback Detection	√									
	QinQ	√									
	VLAN	802.1Q/MAC/Protocol/Private/Voice VLAN									
	QoS	8 Queues, Port/802.1p/DSCP QoS									
	Rate Limit	√									
	Port Isolation	√									
	Port Mirroring	√									
	Link Aggregation	Static LAG / LACP									
	DHCP Snooping	√									
Bảo mật	Bảo mật Function	DoS Defend, Access Control List, IP + MAC + PORT + VID Binding, Storm Control, Port Bảo mật, SSH & SSL, IP Source Guard, Dynamic ARP Inspection, IEEE 802.1X Authentication									
Quản lý Hệ thống	Controller Mode	Omada Software/Hardware Controller; Omada App; Automatic Device Discovery; Batch Configuration; Batch Firmware Upgrading; Intelligent Network Monitoring; Abnormal Event Warnings; Unified Configuration; Reboot Schedule									
	Standalone Mode	Web, CLI, SNMP, and RMON									

*Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada L2+ Managed Switch

		1GE + 10G Uplink							1GE				
Hình ảnh Sản phẩm													
Model		SG3452XMPP*	SG3452XP	SG3428XMPP	SG3428XMP	SG3452X	SG3428X	SG3428XF	SG3452P	SG3452	SG3428MP	SG3428	SG3210
Layer		L2+ Managed											
Phần cứng	Gigabit RJ45 Port	48, all support PoE	48, all support PoE	24, all support PoE	24, all support PoE	48	24	-	48, all support PoE	48	24, all support PoE	24	8
	Gigabit SFP Slot	-	-	-	-	-	-	20	4	4	4	4	2
	Gigabit RJ45/ SFP Combo Port	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-
	10G SFP+ Slot	4	4	4	4	4	4	4	-	-	-	-	-
	Console Port	1 (RJ45) + 1 (Micro-USB)											
	Power Supply	100-240 VAC, 50/60 Hz											
	RPS (Redundant Power Supply)	-	-	-	-	-	-	√ (fixed)	-	-	-	-	-
	Fanless	3 Quạt	3 Quạt	3 Quạt	2 Quạt	√	√	1 Quạt	3 Quạt	√	2 Quạt	√	√
	Kích thước (W×D×H)	440×330×44 mm	440×330×44 mm	440×330×44 mm	440×330×44 mm	440×220×44 mm	440×180×44 mm	440×220×44 mm	440×330×44 mm	440×220×44 mm	440×330×44 mm	440×180×44 mm	294×180×44 mm
	Kiểu lắp đặt	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount / Desktop
	Nhiệt độ Hoạt động	0–40 °C	0–40 °C	0–40 °C	0–45 °C	0–45 °C	0–45 °C	0–45 °C	0–40 °C	0–40 °C	0–45 °C	0–45 °C	0–45 °C
PoE	Chuẩn PoE	802.3af/at/bt (Type 4)	802.3af/at	802.3af/at/bt (Type 4)	802.3af/at	-	-	-	802.3af/at	-	802.3af/at	-	-
	PoE Port	8× PoE++ (lên đến 90W mỗi port) 40× PoE+	48× PoE+	8× PoE++ (lên đến 90W mỗi port) 16× PoE+	24× PoE+	-	-	-	48× PoE+	-	24× PoE+	-	-
	PoE Power Budget	800 W(TBD)	500 W	500 W	384 W	-	-	-	384 W	-	384 W	-	-
	PoE Auto Recovery	√	√	√	√	-	-	-	√	-	√	-	-
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	176	176	128	128	176	128	128	104	104	56	56	20
	Forwarding Rate (Mpps)	131.0	131.0	95.2	95.2	131.0	95.2	95.2	77.4	77.4	41.7	41.7	14.9
	MAC Address Table	16 K							16 K	16 K	16 K	16 K	8 K
	Jumbo Frame	9 KB											
L2+ Features	Static Routing	√											
	DHCP Server/ Relay	√											
	ARP Proxy	√											
L2 Features	IGMP Snooping	V1/V2/V3											
	STP/RSTP/ MSTP	√											
	Loopback Detection	√											
	QinQ	√											
	VLAN	802.1Q/MAC/Protocol/Private/Voice VLAN											
	QoS	8 Queues, Port/802.1p/DSCP QoS											
	Rate Limit	√											
	Port Isolation	√											
	Port Mirroring	√											
	Link Aggregation	Static LAG / LACP											
	DHCP Snooping	√											
Bảo mật	Bảo mật Functions	DoS Defend, Access Control List, IP + MAC + PORT + VID Binding, Storm Control, Port Security, SSH & SSL, IP Source Guard, Dynamic ARP Inspection, IEEE 802.1X Authentication											
Quản lý Hệ thống	Controller Mode	Omada Software/Hardware Controller; Omada App; Automatic Device Discovery; Batch Configuration; Batch Firmware Upgrading; Intelligent Network Monitoring; Abnormal Event Warnings; Unified Configuration; Reboot Schedule											
	Standalone Mode	Web, CLI, SNMP, and RMON											

*Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada Smart Switch

		GE											FE + GE
Hình ảnh Sản phẩm													
Model		SG2452LP**	SG2428P	SG2428LP	SG2218P	SG2218	SG2016P	SG2210MP	SG2210P	SG2008P	SG2005P-PD	SG2008	SL2428P
Layer			Smart										
Phần cứng	10/100 Mbps RJ45 Port	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24, all support PoE
	Gigabit RJ45 Port	48 (ports 1–32 support PoE)	24, all support PoE	24 (ports 1–16 support PoE)	16, all support PoE	16	16 (ports 1–8 support PoE)	8, all support PoE	8, all support PoE	8 (ports 1–4 support PoE)	5 (ports 1–4 support PoE out)	8 (including 1 PD Port)	-
	Gigabit SFP Slot	4	4	4	2	2	-	2	2	-	-	-	-
	Gigabit RJ45/ SFP Combo Port	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
	Power Supply	100-240 VAC, 50/60 Hz					53.5VDC/ 2.43A	100-240 VAC, 50/60 Hz	53.5 VDC / 1.31A		Obtain Power from 802.3af/at/bt PoE Source	12 VDC/1 A External Adapter or Obtain Power from PoE Source	100–240 VAC, 50/60 Hz
	Fanless	✓	2 Quạt	✓	1 Quạt	✓	✓	1 Quạt	✓	✓	✓	✓	2 Fans
	Kích thước (W×D×H)	440×330×44 mm	440×220×44 mm	440×220×44 mm	440×180×44 mm	440×180×44 mm	286×111.7×25.4 mm	294×180×44 mm	209×126×26 mm	209×126×26 mm	170×100×38.5 mm	209×126×26 mm	440×180×44 mm
	Kiểu lắp đặt	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Rackmount	Desktop/ Wall-Mounting	Rackmount / Desktop	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting	Pole/Wall-Mounting (Kits Included)	Desktop/ Wall-Mounting	Rackmount
	Weatherproof	-	-	-	-	-	-	-	-	-	IP55	-	-
	Nhiệt độ Hoạt động	0–40 °C	0–50 °C	0–40 °C	0–50 °C	0–40 °C	0–40 °C	0–50 °C	0–40 °C	0–40 °C	-40–60 °C	0–40 °C	0–50 °C
PoE	Chuẩn PoE	802.3af/at	802.3af/at	802.3af/at	802.3af/at	-	802.3af/at	802.3af/at	802.3af/at	802.3af/at	PoE in: 802.3af/at/bt PoE out: 802.3af/at	-	802.3af/at
	PoE Port	32× PoE+	24× PoE+	16× PoE+	16× PoE+	-	8× PoE+	8× PoE+	8× PoE+	4× PoE+	4× PoE+ out 1× PoE++ in	-	24× PoE+
	PoE Power Budget	230 W (TBD)	250 W	150 W	150 W	-	120 W	150 W	61 W	62 W	Up to 64 W*	-	250 W
	PoE Auto Recovery	✓	✓	✓	✓	-	✓	✓	✓	✓	✓	-	✓
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	104	56	56	36	36	32	20	20	16	10	16	12.8
	Forwarding Rate (Mpps)	77.4	41.7	41.7	26.8	26.8	23.8	14.9	14.9	11.9	7.4	11.9	9.5
	MAC Address Table	16 K	8 K										
	Jumbo Frame	9 KB											
L2+ Features	Static Routing	✓											
	DHCP Server/ Relay	✓											
	ARP Proxy	✓											
L2 Features	IGMP Snooping	V1/V2/V3											
	STP/RSTP/ MSTP	✓											
	Loopback Detection	✓											
	QinQ	✓											
	VLAN	802.1Q/MAC/Protocol/Voice VLAN											
	QoS	8 Queues, Port/802.1p/DSCP QoS											
	Rate Limit	✓											
	Port Isolation	✓											
	Port Mirroring	✓											
	Link Aggregation	Static LAG / LACP											
	DHCP Snooping	✓											
Bảo mật	Bảo mật Functions	DoS Defend, Access Control List, IP + MAC + PORT + VID Binding, Storm Control, Port Security, SSH & SSL, IP Source Guard, Dynamic ARP Inspection, IEEE 802.1X Authentication											
Quản lý Hệ thống	Controller Mode	Omada Software/Hardware Controller; Omada App; Automatic Device Discovery; Batch Configuration; Batch Firmware Upgrading; Intelligent Network Monitoring; Abnormal Event Warnings; Unified Configuration; Reboot Schedule											
	Standalone Mode	Web, CLI, SNMP, and RMON											

*Nguồn cấp PoE của SG2005P-PD: 64 W khi được cấp nguồn bởi 802.3bt Loại 4 (90 W), 44 W khi được cấp nguồn bởi 802.3bt Loại 3 (60 W), 19 W khi được cấp nguồn bởi 802.3at Loại 4, 6 W khi được cấp nguồn bởi 802.3at, 6 W khi được cấp nguồn bởi 802.3af

**Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada Easy Managed Switch

		GE		
Hình ảnh Sản phẩm				
Model		ES210GP*	ES205GP*	ES205G
Layer		Easy Managed		
Phần cứng	Gigabit RJ45 Port	9 (ports 1–8 support PoE)	5 (ports 1–4 support PoE)	5
	Gigabit RJ45/SFP Combo Port	1	-	-
	Power Supply	53.5 VDC/2.43 A	53.5 VDC/1.31 A	5 VDC/ 0.6 A
	Fanless	✓	✓	✓
	Dimensions (W×D×H)	209×126×26 mm	99.8×98×25 mm	100×98×25 mm
	Installation (Kits Included)	Desktop/Wall-Mounting	Desktop/Wall-Mounting	Desktop/Wall-Mounting
PoE	PoE Standard	802.3af/at	802.3af/at	-
	PoE Port	8	4	-
	PoE Power Budget	120W (TBD)	63W (TBD)	-
	PoE Auto Recovery	✓	✓	-
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	20	10	10
	Forwarding Rate (Mpps)	14.9	7.4	7.4
	MAC Address Table	8K	8K	8K
	Jumbo Frame	15K	15K	15K
Tính năng Phần mềm	IGMP Snooping	V1/V2/V3		
	Loopback Detection	✓		
	802.1Q VLAN	✓		
	QoS	8 Queues, Port/802.1p/DSCP QoS		
	Rate Limit	✓		
	Port Isolation	✓		
	Port Mirroring	✓		
	Static LAG Link Aggregation	✓		
	DHCP Snooping	✓		
Quản lý Hệ thống	Controller Mode	Omada Software/Hardware Controller; Omada App; Automatic Device Discovery; Batch Configuration; Batch Firmware Upgrading; Intelligent Network Monitoring; Abnormal Event Warnings; Unified Configuration; Reboot Schedule		
	Standalone Mode	✓		

*Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.

Omada Easy Smart và Unmanaged Switch

		Multi-Gigabit Unmanaged Switch			
		10GE		2.5GE	
Hình ảnh Sản phẩm					
Model		DS1008X	DS105X	DS108G-M2	DS105G-M2
Phần cứng	RJ45 Port	8× 10GE	5× 10GE	8× 2.5GE	5× 2.5GE
	Casing	Kim loại			
	Fanless	1 Quạt (Intelligent fan speed adjustment)	✓	✓	✓
	Auto-Negotiation	100Mbps/1Gbps/2.5Gbps/5Gbps/10Gbps		100Mbps/1Gbps/2.5Gbps	
	Kích thước (W×D×H)	294×180×44 mm	226×131×35 mm	158×101×25 mm	100×98×25 mm
	Kiểu lắp đặt (Kits Included)	Rackmount/Desktop	Desktop/Wall-mounting	Desktop/Wall-mounting	Desktop/Wall-mounting
	Cable Requirements	Cat 5e: Max 5 Gbps (100 m) Cat 6: Max 10 Gbps (55 m); 5 Gbps (100 m) Cat 6a: Max 10 Gbps (100 m)		Cat 5e / Cate 6 / Cat 6a: Max 2.5 Gbps (100 m)	
	Nhiệt độ Hoạt động	0–50 °C	0–40 °C	0–40 °C	0–40 °C
Hiệu năng	Switch Capacity (Gbps)	160	100	40	25
	Forwarding Rate (Mpps)	119.0	74.4	29.8	18.6
	MAC Address Table	16 K	16 K	4 K	4 K
	Jumbo Frame	12 KB	12 KB	12 KB	12 KB
Tính năng	Cắm và chạy	✓	✓	✓	✓
	802.3X Flow Control	✓	✓	✓	✓
	802.1P/DSCP QoS	✓	✓	✓	✓
	Others	Green Technology, Flow Control, Rate Limit, IGMP Snooping			

Omada Easy Smart và Unmanaged Switch

		Gigabit Easy Smart and Unmanaged Switch (Non-PoE)									
		Easy Smart					Unmanaged				
Hình ảnh Sản phẩm											
Model		DS1024GE	DS1016GE	DS116GE	DS108GE	DS105GE	DS1024G	DS1016G	DS108G	DS105G	
Phần cứng	Gigabit RJ45 Port	24	16	16	8	5	24	16	8	5	
	Casing	Metal									
	Fanless	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
	Kích thước	440×140×44 mm	440×140×44 mm	286×111.7×25.4 mm	158×101×25 mm	100×98×25 mm	440×140×44 mm	440×140×44 mm	158×101×25 mm	100×98×25 mm	
	Kiểu lắp đặt	Rackmount			Desktop / Wall Mounting			Rackmount		Desktop / Wall Mounting	
	PoE	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hiệu năng	Switching Capacity (Gbps)	48	32	32	16	10	48	32	16	10	
	Forwarding Rate (Mpps)	35.7	23.8	23.8	11.9	7.4	35.7	23.8	11.9	7.4	
	MAC Address	8K	8K	8K	4K	2K	8K	8K	4K	2K	
	Jumbo Frame	10 KB	10 KB	10 KB	16 KB	16 KB	10 KB	10 KB	16 KB	16 KB	
	Green Tech	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tính năng	Management	Web-based user interface and management utility*					-	-	-	-	
	802.1p/DSCP QoS	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
	IGMP Snooping	✓	✓	✓	✓	✓	-	-	✓	✓	
	MTU/Port/Tag VLAN	✓	✓	✓	✓	✓	MTU VLAN (Isolation Mode)		-	-	
	Loop Prevention	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
	Link Aggregation	✓	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	
	Network Monitoring	Port Mirroring, Loop Prevention, and Cable Diagnostics					-	-	-	-	
	Rate Limit	✓	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	
Storm Control	✓	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-		

*Omada Easy Smart Switch tương thích Plug and Play, và có thể dễ dàng quản lý thông qua giao diện người dùng và tiện ích quản lý dựa trên web. Tuy nhiên, sản phẩm này không hỗ trợ Omada SDN Central Management.

		Unmanaged PoE Switch						
		GE				FE		
Hình ảnh Sản phẩm								
Model		DS1018GMP	DS110GMP	DS108GP	DS106GPP	DS105GP	DS111P	DS106P
Phần cứng	10/100 Mbps RJ45 Port	-	-	-	-	-	8	6
	Gigabit RJ45 Port	16	9	8	6	5	2	-
	Gigabit Fiber Port	-	-	-	-	-	1× SFP	-
	Gigabit RJ45/SFP Combo Port	2	1	-	-	-	-	-
	Casing	Kim loại						
	Fanless	-	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Kích thước	440×180×44 mm	209×126×26 mm	158×101×25 mm	158×101×25 mm	100×98×25 mm	209×126×26 mm	158×101×25 mm
	Kiểu lắp đặt	Rackmount		Desktop / Wall Mounting				
Hiệu năng	PoE	16 ports, 802.3af/at, 250 W PoE Budget	8 ports, 802.3af/at, 123 W PoE Budget	8 ports, 802.3af/at, 65 W PoE Budget	4 ports, 802.3af/at/bt type 3 (Port 1), 802.3af/at (Ports 2-4), 64 W PoE Budget	4 ports, 802.3af/at, 65 W PoE Budget	8 ports, 802.3af/at, 65 W PoE Budget	4 ports, 802.3af/at, 67 W PoE Budget
	Switching Capacity (Gbps)	36	20	16	12	10	7.6	1.2
	Forwarding Rate (Mpps)	26.8	14.9	11.9	8.9	7.4	5.7	0.9
	MAC Address	8K	4K	4K	2K	2K	2K	2K
	Jumbo Frame	10 KB	16 KB	16 KB	16 KB	16 KB	16 KB	2 KB
Tính năng	Priority Mode	Ports 1–4	Ports 1–2	-	-	-	-	Ports 1–2
	Extend Mode	Ports 1–4	Ports 1–4	Ports 1–2	Ports 1–2	Ports 1–2	Ports 1-4/1-8	Ports 1–4
	Isolation Mode	Ports 1-8/9-16	Ports 1-4/5-8	-	-	-	Ports 1-8	-
	PoE Auto Recovery	Ports 1-16	Ports 1-8	Ports 1–8	Ports 1–4	Ports 1–4	Ports 1-8	Ports 1–4
	Green Tech	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	802.1p/DSCP QoS	✓	✓	✓	✓	✓	-	-
	IGMP Snooping	-	✓	✓	✓	✓	-	-

Omada Router

		Wired Router					Integrated Router		Wi-Fi Router		4G Wi-Fi Router
		10GE	2.5GE		GE		10GE	GE	GE		GE
Hình ảnh Sản phẩm											
Model		ER8411	ER7412-M2*	ER707-M2	ER7206 (v2)	ER605 (v2)	ER8411C-M2*	ER7212PC	ER706W	ER605W*	ER706W-4G
Thiết kế	Port	• 2× 10G SFP+ (1 WAN, 1 WAN/LAN) • 1× GE SFP WAN/LAN • 8× GE RJ45 WAN/LAN	• 2× 2.5G RJ45 WAN/LAN • 2× GE SFP WAN/LAN • 8× GE RJ45 WAN/LAN	• 2× 2.5G RJ45 (1 WAN, 1 WAN/LAN) • 1× GE SFP WAN/LAN • 4× GE RJ45 WAN/LAN	• 5× GE RJ45 (1 WAN, 4 WAN/LAN) • 1× GE SFP WAN/LAN	• 5× GE RJ45 (1 WAN, 2 WAN/LAN, 2 LAN)	• 2× 10G SFP+ (1 WAN, 1 WAN/LAN) • 1× 2.5G RJ45 WAN/LAN • 8× GE RJ45 WAN/LAN	• 10× GE RJ45 (1 WAN, 1 WAN/LAN, 8 PoE+ LAN) • 2× GE SFP WAN/LAN	• 5× GE RJ45 (1 WAN, 4 WAN/LAN) • 1× GE SFP WAN/LAN	• 5× GE RJ45 (1 WAN, 2 WAN/LAN, 2 LAN)	• 5× GE RJ45 (1 WAN, 4 WAN/LAN) • 1× GE SFP WAN/LAN • 1× Nano SIM Card Slot
	Số lượng WAN Port	Lên đến 10 WAN	Lên đến 11 WAN	Lên đến 6 WAN	Lên đến 5 WAN	Lên đến 3 WAN	Lên đến 10 WAN	Lên đến 4 WAN	Lên đến 5 WAN	Lên đến 3 WAN	Lên đến 5 WAN
	Console Port	1× RJ45	1× RJ45	-	-	-	-	-	-	-	-
	USB Port [†]	2× USB 3.0 (One Supports LTE backup)	1× USB 3.0 (Supports LTE backup)	1× USB 2.0 (Supports LTE backup)	1× USB 3.0 (Supports LTE backup)	1× USB 2.0 (Supports LTE backup)	1× USB 3.0 (Supports LTE backup)	-	1× USB 3.0 (Supports LTE backup)	-	-
	PoE	-	-	-	-	-	-	8× GE RJ45 LAN PoE+ Ports, 110 W PoE Budget	-	-	-
	Embedded Controller	-	-	-	-	-	✓	✓	-	-	-
	Wi-Fi	-	-	-	-	-	-	-	AX3000 Wi-Fi 6 (574+2402)	AC1350 Wi-Fi 5 (450+867)	AX3000 Wi-Fi 6 (574+2402)
	4G LTE	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4G+ Cat6 300 Mbps
	RPS (Redundant Power Supply)	✓ (fixed)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vi xử lý	Quad-Core, 2.2 GHz	Quad-Core	Dual-Core	Dual-Core	Dual-Core	Quad-Core	Dual-Core	Dual-Core	Single-Core	Dual Core
	Kích thước (W×D×H)	440×220×44 mm	294×180×44 mm	226×131×35 mm	226×131×35 mm	158×101×25 mm	440×220×44 mm	226×131×35 mm	226×131×35 mm	215×117×32 mm	226×131.2×35 mm
	Kiểu lắp đặt	Rackmount	Rackmount/ Desktop	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting	Rackmount	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting	Desktop/ Wall-Mounting
Hiệu năng	Concurrent Sessions	2,300,000	TBD	500,000	150,000	150,000	TBD	24,980	150,000	TBD	150,000
	NAT (Static IP) Download Throughput	9449 Mbps	TBD	2364 Mbps	940.5 Mbps	945.77 Mbps	TBD	942.1 Mbps	936.1 Mbps	TBD	940.1Mbps
	IPSec VPN Throughput (ESP-SHA1-AES256)	3099.4 Mbps	TBD	673.3 Mbps	617.1 Mbps	259.78 Mbps	TBD	168.5 Mbps	646.9 Mbps	TBD	652.2Mbps
	WAN Connection Type	Static/Dynamic IP, PPPoE, PPTP, L2TP, 6to4 Tunnel, Pass-Through, Mobile Broadband: 4G/3G modem for backup via USB port**									
IPSec VPN	IPSec VPN Tunnel	300	TBD	100	100	20	TBD	20	100	3	100
	Authentication & Encryption	DES, 3DES, SHA1, SHA256, SHA384, SHA512, AES128, AES192, AES256 Encryption Algorithm; IKE v1/v2									
	IPSec NAT Traversal (NAT-T)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PPTP VPN	PPTP VPN Tunnels	300 (Shared with L2TP)	TBD	60 (Shared with L2TP)	50	16	TBD	16	50	3	50
	PPTP VPN Server	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	PPTP VPN Client	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
L2TP VPN	L2TP VPN Tunnels	300 (Shared with PPTP)	TBD	60 (Shared with L2TP)	50	16	TBD	16	50	3	50
	L2TP VPN Server	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	L2TP VPN Client	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
OpenVPN	OpenVPN Tunnels***	110	TBD	66	55	16	TBD	16	55	18	55
Other VPN [†]		WireGuard, SSL, GRE	WireGuard, SSL, GRE	WireGuard, SSL, GRE	WireGuard, SSL, GRE	WireGuard, GRE	TBD	-	WireGuard, SSL, GRE	-	WireGuard, SSL, GRE
Bảo mật		Access Control List, URL/Keyword Filter, DoS Defense, ARP Inspection, MAC Filter									
Cân bằng tải		Multi-WAN Load Balance, Application Optimized Routing, Line Backup, Online Detection, Smart Load Balance									
NAT		One-to-One NAT, Multiple-nets NAT, Virtual Server, Port Triggering, ALG									
Routing		Static Routing, Policy Routing									
Quản lý Hệ thống		Centralized Cloud Management via Web UI or Omada App, SNMP v1/v2c/v3, Web Interface, Standalone Management									

*Các sản phẩm này đang trong giai đoạn phát triển nên hình ảnh và thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi.
**ER7212PC không hỗ trợ băng thông rộng di động modem 4G/3G để sao lưu qua cổng USB
***Các tính năng này yêu cầu sử dụng Omada Hardware Controller, Software Controller, hoặc Cloud-Based Controller
[†]GRE VPN được hỗ trợ ở chế độ độc lập
[†]LTE Backup yêu cầu sử dụng khóa USB.

Omada PoE Adapter

	PoE Injectors					PoE Splitter	PoE Extender	Passive PoE Adapters		
	10GE	2.5GE	GE			GE	FE	GE		
Hình ảnh Sản phẩm										
Model	POE380S	POE260S	POE170S	POE160S	POE150S	POE10R	POE10E	POE4824G	POE4818G	POE2412G
Mô tả Sản phẩm	10G PoE++ Injector	2.5G PoE+ Injector	PoE++ Injector	PoE+ Injector	PoE Injector	PoE Splitter	Fast Ethernet PoE+ Extender	48V 24W Passive PoE Adapter	48V 18W Passive PoE Adapter	24V 12W Passive PoE Adapter
Chuẩn PoE	802.3af/at/bt type3/bt type4	802.3af/at	802.3af/at/bt type 3	802.3af/at	802.3af	802.3af	802.3af/at	Passive PoE		
RJ45 Port	• 1× 10GE RJ45 LAN • 1× 10GE RJ45 PoE	• 1× 2.5GE RJ45 LAN • 1× 2.5GE RJ45 PoE	• 1× Gigabit RJ45 LAN • 1× Gigabit RJ45 PoE	• 1× Gigabit RJ45 LAN • 1× Gigabit RJ45 PoE	• 1× Gigabit RJ45 LAN • 1× Gigabit RJ45 PoE		2× FE RJ45 PoE (1× PoE in, 1× PoE out)	• 1× Gigabit RJ45 LAN • 1× Gigabit RJ45 PoE		
Nguồn vào	100–240 VAC	100–240 VAC	100–240 VAC	100–240 VAC	48 VDC/ 0.5 A	Max. 15.4 W (AutoDetermination)	802.3af/at	100–240 VAC	100–240 VAC	100–240 VAC
Nguồn ra	Max. 90 W (AutoDetermination)	Max. 30 W (AutoDetermination)	Max. 60 W (AutoDetermination)	Max. 30 W (AutoDetermination)	Max. 15.4 W (AutoDetermination)	5/9/12 VDC	Max. 20 W (AutoDetermination)	48 V 0.5 A	48 V 0.375 A	24 V 0.5 A
Cắm và chạy	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kích thước (W×D×H)	155×70×42 mm	125×59.4×36.8 mm	155×70×42 mm	125×59.4×36.8 mm	80.8×54×24 mm	80.8×54×24 mm	71×26×16.2 mm	110×57×38.8 mm	85.8×43.9×35 mm	85.8×43.9×35 mm
Kiểu lắp đặt	Desktop / Wall-Mounting	Desktop / Wall-Mounting	Desktop / Wall-Mounting	Desktop / Wall-Mounting	Desktop	Desktop	Desktop	Desktop / Wall-Mounting	Desktop / Wall-Mounting	Desktop / Wall-Mounting
Nhiệt độ Hoạt động	0–45 °C (32–113 °C)	0–40 °C (32–104 °C)	0–45 °C (32–113 °C)	0–40 °C (32–104 °C)			0–45 °C (32–113 °C)	0–40 °C (32–104 °C)		
Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Bảo quản: -40°C to 70°C (-40°F to 158°F) Độ ẩm Hoạt động: 10% to 90%RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5% to 90%RH không ngưng tụ									

Omada Reverse PoE Switch

	Gigabit Reverse PoE Switch
Hình ảnh Sản phẩm	
Model	RP108GE
Port	7 Gigabit Passive PoE-in RJ45 Ports Voltage: 24/48 V (mixture is not supported) 1 Gigabit Passive PoE-out RJ45 Port Voltage: depending on the input voltage of PoE-in ports 1 DC Output Port Voltage: 5/12 V
Power pin of Ethernet cable	4/5+ 7/8-
PoE Supply	Passive PoE
Kích thước	6.2 × 3.9 × 1.0 in (158 × 99.1 × 25 mm)
Kiểu lắp đặt	Desktop/Wall-Mounting
Switching Capacity	16 Gbps
Features	VLAN IGMP Snooping QoS Manageable via web browser or Utility

Omada Media Converter

	Omada 100 Mbps Media Converter						
Hình ảnh Sản phẩm							
Model	MC100CM	MC110CS	MC111CS	MC112CS	FC111A-20	FC111B-20	FC111PB-20
Nguồn đầu vào	9 VDC / 0.6A				5 VDC / 0.6 A		48 VDC / 0.5A
Fiber Port	2× 100 Mbps SC Fiber Ports		1× 100 Mbps SC Fiber Port		1× 100 Mbps SC Fiber Port		
Copper Port	1× 100 Mbps RJ45 Port				1× 100 Mbps RJ45 Port		1× 100 Mbps RJ45 PoE Port
Khoảng cách Truyền tải	2 km	20 km			20 km		
Kiểu cáp	Multi-mode	Single-mode			Single-mode		
Số lượng cáp	Dual Fibers		Single Fiber		Single Fiber		
Chiều dài sóng	1310 nm		TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm
Kích thước (W × D × H)	3.7×2.9×1.1 in (94.5×73.0×27.0 mm)						
Nhiệt độ Hoạt động	0~40 °C (32~104 °C)				0~50 °C (32~122 °C)		
Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Bảo quản: -40~70 °C (-40~158 °F) Độ ẩm Hoạt động: 10~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5~90% RH không ngưng tụ						

	Omada Gigabit Media Converter							
Hình ảnh Sản phẩm								
Model	MC200CM	MC210CS	MC220L	FC311A-2	FC311B-2	FC311A-20	FC311B-20	
Nguồn đầu vào	9V/0.6A			5V/0.6A				
Fiber Port	2 × 1000 Mbps SC Fiber Ports		1 × Gigabit SFP Port	1× 1000 Mbps SC Fiber Port				
Copper Port	1× 10/100/1000 Mbps RJ45 Port (Auto MDI/MDIX)			1× 10/100/1000 Mbps RJ45 Port (Auto MDI/MDIX)				
Khoảng cách Truyền tải	550 m	20 km	Depends on the used SFP module	2 km		20 km		
Kiểu cáp	Multi-Mode	Single-Mode		Single-Mode				
Số lượng cáp	Dual Fibers			Single Fiber				
Chiều dài sóng	850 nm	1310 nm		TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	
Kích thước (W × D × H)	3.7×2.9×1.1 in (94.5×73.0×27.0 mm)							
Nhiệt độ Hoạt động	0–40 °C (32–104 °C)			0–50 °C (32–122 °F)				
Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Bảo quản: -40–70 °C (-40–158 °F) Độ ẩm Hoạt động: 10–90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5–90% RH không ngưng tụ							

	Omada Power Chassis	
Hình ảnh Sản phẩm		
Model	MC1400	FC1420
Nguồn đầu vào	• Lên đến 14 Media Converter Units • 9 VDC / 0.6 A Power Output • Redundant Power Supply • Hot-Swappable	• Lên đến 14 Media Converter Units • 5 VDC / 0.6 A Power Output • Redundant Power Supply • Hot-Swappable

Omada Rackmount Kit

	Omada Rackmount Kit	
Hình ảnh Sản phẩm		
Model	RackMount Kit-19	RackMount Kit-13
Nguồn đầu vào	• Compatible with Omada 19-inch rack mount Switch and other products. • Reliable metal materials	• Compatible with Omada 13-inch rack mount Switch and other products. • Reliable metal materials

Omada SFP/SFP+ Module

	100G QSFP28	10G SFP+ Module			Gigabit SFP Module								SFP/SFP+ RJ45 Modules	
Hình ảnh Sản phẩm	TBU													
Model	SM9110-SR4	SM5110-LR	SM5110LSA-10 / SM5110LSB-10	SM5110-SR	SM311LS	SM311LM	SM321A	SM321B	SM321A-2	SM321B-2	SM331T	SM5310-T	SM311T	
Tốc độ truyền tải	100 Gbps	10 Gbps			1.25 Gbps								10.31 Gbps	1.25 Gbps
Fiber Port		2× LC/UPC Duplex Ports			2× LC/UPC Duplex Ports		1× LC/UPC Duplex Port						-	
RJ45 Port		-											1× 10 Gbps RJ45 Ports	1× 1000 Mbps RJ45 Ports
Khoảng cách Truyền tải	550m	10 km	10km	300 m	20 km	550 m	20 km		2 km		100 m	30 m	100 m	
Kiểu truyền tải		Dual Single-Mode Fibers		Dual Multi-Mode Fibers	Dual Single-Mode Fibers	Dual Multi-Mode Fibers	Single Single-Mode Fiber						Cat6a hoặc cấp mạng nhanh hơn	Cat5e hoặc cấp mạng nhanh hơn
Chiều dài sóng	850m	1310nm	SA-10: 1330nm / 1270nm SB-10: 1270nm / 1330nm	850nm	1310 nm	850 nm	TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	TX: 1550 nm RX: 1310 nm	TX: 1310 nm RX: 1550 nm	TBU	-	-	
Nhiệt độ Hoạt động		0~70 °C (32~158 °C)												
Điều kiện Môi trường		Nhiệt độ Bảo quản: -40°C to 70°C (-40°F to 158°F) Độ ẩm Hoạt động: 10% - 90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5% - 90% RH không ngưng tụ												

Omada 10G SFP+ Direct Attach Cable

	Omada 10G SFP+ Direct Attach Cable		25G SFP28 Cable	100G QSFP28 Cable
Hình ảnh Sản phẩm				TBU
Model	SM5220-3M	SM5220-1M	SM6220-1M	SM9220-1M
Chiều dài	3 m	1 m	1 m	1 m
Chuẩn kết nối	10G SFP+ đầu nối ở cả hai bên		25G SFP28 đầu nối ở cả hai bên	100G QSFP28 đầu nối ở cả hai bên
Chuẩn cấp nối	Passive Twinax			
Tốc độ truyền tải	10 Gbps		25 Gbps	100 Gbps
Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Hoạt động: 0~70 °C (32~158 °F); Nhiệt độ Bảo quản: -40~80 °C (-40~176 °F); Độ ẩm Hoạt động: 10~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5~90% RH không ngưng tụ			

Omada Power Supply Module

	Omada Power Supply Module		
Hình ảnh Sản phẩm			
Model	PSM500-AC	PSM900-AC	PSM550-AC
Nguồn đầu vào	100 V~240 V~ 50/60 Hz 8A	100-120V ~ 50/60Hz 12A or 121-240V~ 50/60Hz 10A (khác biệt tùy khu vực)	100 V~240 V~ 50/60 Hz 7A
Điện áp đầu ra	53.5 VDC	53.5 VDC	12 VDC
Điện áp đầu ra tối đa	9.35 A	16.5 A	45 A
Nguồn điện đầu ra tối đa	500 W	900 W	550 W
Model tương thích	SG6654XHP & SG6428XHP		SX6632YF
Quạt	✓	✓	✓
Kích thước	259.5×95.8×40.1 mm		225.0×73.5×40.0 mm
Nhiệt độ Hoạt động	0~45 °C (32~113 °F)		
Điều kiện Môi trường	Nhiệt độ Bảo quản: -40~70 °C (-40~158 °F) Độ ẩm Hoạt động: 10%~90% RH không ngưng tụ; Độ ẩm Bảo quản: 5%~90% RH không ngưng tụ		



➤➤ Tầm nhìn và sứ mệnh

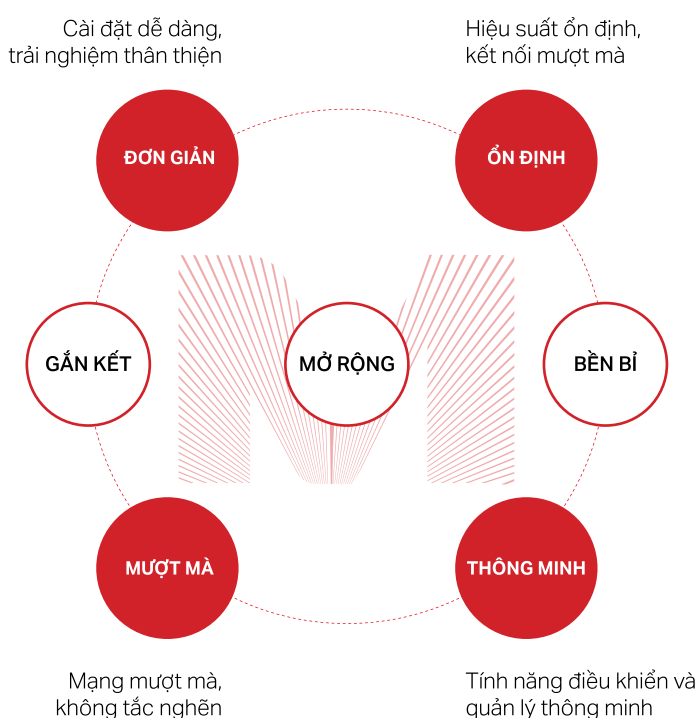
Mercusys là thương hiệu con của TP-Link - Nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới*. Sứ mệnh của Mercusys rất đơn giản. Chúng tôi cố gắng cung cấp khả năng truy cập internet tuyệt vời cho càng nhiều người càng tốt. Chúng tôi tin rằng, trong một thế giới ngày càng kết nối, mọi người nên có quyền truy cập vào nguồn thông tin và giải trí vô cùng phong phú hiện nay.

Mercusys chuyên cung cấp các thiết bị thiết yếu tạo nên xương sống cho cuộc sống kết nối của bạn. Một loạt các bộ định tuyến Wi-Fi, bộ chuyển đổi Wi-Fi, bộ mở rộng sóng, điểm truy cập và switch SOHO giúp bạn tận dụng tối đa kết nối internet của mình và biến ngôi nhà hoặc văn phòng nhỏ của bạn thành một trung tâm kết nối thịnh vượng.

MERCUSYS®

Powered by  tp-link

➤➤ Triết lý kinh doanh



Triết lý của chúng tôi nhấn mạnh vai trò trung tâm của nghiên cứu và phát triển trong việc tạo ra các sản phẩm có khả năng cải thiện cuộc sống hàng ngày. Mercusys là nơi có một đội ngũ lớn các kỹ sư nghiên cứu và phát triển tận tâm với nhiều năm kinh nghiệm. Chúng tôi hợp tác với các chuyên gia kỹ thuật hàng đầu từ khắp nơi trên thế giới và phát triển các sản phẩm sáng tạo thông qua quan hệ đối tác với các nhà sản xuất chipset nổi tiếng, bao gồm cả MediaTek và Qualcomm.

Mercusys có cam kết mạnh mẽ về sự xuất sắc, mạng lưới toàn cầu rộng lớn và ước mơ làm phong phú thêm cuộc sống thông qua các kết nối tốt hơn. Chúng tôi tự hào cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, ổn định giúp bạn tiếp xúc với thế giới kỹ thuật số và giúp bạn tận hưởng trải nghiệm trực tuyến trọn vẹn hơn.

Mercusys cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy của bạn và mở rộng tầm nhìn của bạn để bao gồm tiềm năng vô tận về kết nối con người có giá trị mà internet mang lại.

*Nguồn: IDC Worldwide Quarterly WLAN Tracker (CY2023).

▶▶ Hành trình phát triển

MERCUSYS đã thành lập các chi nhánh tại 27 quốc gia và khu vực bao gồm Vương quốc Anh, Nga và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Doanh số bán sản phẩm của MERCUSYS bao gồm hơn 80 quốc gia và khu vực trên thế giới. Từ năm 2020, MERCUSYS đã có doanh thu tăng trưởng vượt trội trên tất cả các quốc gia hoạt động.

80+

Quốc gia và
Vùng lãnh thổ



130+

Cửa hàng online

31000+

Điểm bán lẻ



▶▶ Cam kết chất lượng sản phẩm

MERCUSYS có chung đội ngũ R&D, dây chuyền sản xuất và chuỗi cung ứng với TP-Link, từ nghiên cứu và phát triển sản phẩm đến sản xuất, từ lưu trữ nguyên liệu thô đến vận chuyển sản phẩm, từ kho hàng đến người dùng cuối, chúng tôi kiểm soát từng chi tiết để đảm bảo chất lượng của từng sản phẩm bán ra.



Đội ngũ R&D giàu kinh nghiệm

Thử nghiệm nghiêm ngặt trong giai đoạn R&D



Quản lý chuỗi cung ứng

IQC (Kiểm soát chất lượng đầu vào)
VQA (Kiểm soát chất lượng nhà cung cấp)



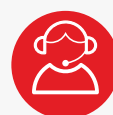
Sản xuất

IPQC (Kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất)
FQA (Đảm bảo chất lượng nhà máy)
Thử nghiệm nghiêm ngặt trong giai đoạn sản xuất



Giao hàng

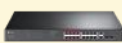
OQC (Kiểm soát chất lượng đầu ra)
Quản lý Logistics



Dịch vụ khách hàng

Đảm bảo dịch vụ sau bán hàng

>> PoE Switch

Model	MS118CP	MS110GMP	MS110CMP	MS110CP	MS110P	MS108GP	MS106LP	MS105GP
Hình ảnh								
Giá bán	5.190.000 ^Đ	2.450.000 ^Đ	1.790.000 ^Đ	1.390.000 ^Đ	1.290.000 ^Đ	1.600.000 ^Đ	1.090.000 ^Đ	1.290.000 ^Đ
Cổng RJ45	16*FE+2*GE	10*GE	8*FE+2*GE	8*FE+2*GE	8*FE	8*GE	6*FE	5*GE
Cổng PoE+	16PoE+ 190w	8PoE+ 115w	8PoE+ 115w	8PoE+ 65w	8PoE+ 65w	7PoE+ 65w	4PoE+ 40W	4PoE+ 65W
Green Technology	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Flow Control	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Auto Negotiation	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cắm & Dùng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chế độ mở rộng	1-16	1-8	1-8	1-8	1-8	1-7	1-4	1-4
Chế độ cô lập	1-16	1-8	1-8	1-8	1-8	1-7	1-4	1-4
Tự phục hồi PoE	1-16	1-8	1-8	1-8	1-8	-	1-4	-
Cổng ưu tiên	1-8	1-2	-	-	1-2	1-2	1-2	1-2



Model	MS124GS	MS116GS	MS108GS	MS105GS	MS108G	MS105G	MS108	MS105
Hình ảnh								
Giá bán	3.980.000 ^Đ	2.960.000 ^Đ	990.000 ^Đ	790.000 ^Đ	890.000 ^Đ	690.000 ^Đ	460.000 ^Đ	360.000 ^Đ
Cổng RJ45	24*GE	16*GE	8*GE	5*GE	8*GE	5*GE	8*FE	5*FE
Tốc độ truyền	35.7Mbps	23.8Mbps	11.9Mbps	7.7Mbps	11.9Mbps	7.7Mbps	11.9Mbps	7.7Mbps
Chất liệu	Kim loại	Kim loại	Kim loại	Kim loại	Nhựa	Nhựa	Nhựa	Nhựa
Lắp đặt	Rackmount	Rackmount	Desktop/Wall Mount					
Khác	Green Technology , Power Saving							

Wi-Fi 7

Kết nối vượt trội chưa từng có



Router WiFi 7

Model	BE900	GE650	GE230	BE400	BE230	MR27BE	MR25BE
Hình ảnh							
Giá bán	LIÊN HỆ			5.990.000 ^Đ	4.300.000 ^Đ	3.200.000 ^Đ	2.950.000 ^Đ
Tốc độ Wi-Fi	BE24000 2.4GHz: 1376 Mbps 5GHz 1: 5760 Mbps 5GHz 2: 5760 Mbps 6GHz: 11520 Mbps	BE11000 2.4GHz: 574 Mbps 5GHz: 4320 Mbps 6GHz: 5760 Mbps	BE3600 2.4GHz: 688 Mbps 5GHz: 2882 Mbps	BE6500 5 GHz: 5764 Mbps 2.4 GHz: 688 Mbps	BE3600 5 GHz: 2882 Mbps 2.4 GHz: 688 Mbps	BE3600 5 GHz: 2882 Mbps 2.4 GHz: 688 Mbps	BE3600 5 GHz: 2882 Mbps 2.4 GHz: 688 Mbps
Cổng	1*10Gbps WAN/LAN (RJ45/SFP+ Combo) 1*10Gbps WAN/LAN 4*2.5Gbps LAN, 1*1Gbps LAN 1*USB 3.0,1*USB 2.0	1*5Gbps WAN 1*5Gbps LAN 3*2.5Gbps LAN 1*USB 3.0	1*2.5 Gbps WAN 1*2.5 Gbps LAN 3*1 Gbps LAN1*USB3.0	1*2.5 Gbps WAN 1*2.5 Gbps LAN 3*1 Gbps LAN1*USB3.0	1*2.5 Gbps WAN 1*2.5 Gbps LAN 3*1 Gbps LAN1*USB3.0	1* 2.5 Gbps WAN 1* 2.5 Gbps LAN 2* 1 Gbps LAN	1* 1 Gbps WAN 4* 1 Gbps LAN
Chip xử lý	CPU hiệu năng cực cao					CPU hiệu năng cao	
EasyMesh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tính năng	Màn hình LED + Cảm ứng Beamforming Homeshield Parentals Control VPN, QoS Smart Connect IoT Network, Guest Network WPA3 AP Mode Tether APP	Game Panel (Network Status, Router Performance, Accelerated Games and Gears) Special Game Acceleration, Cloud Support, HomeShield, IoT Network, VPN Server, VPN Client, DFS, Tether App, WPA3, Access Point Mode, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV	Game Panel (Network Status, Router Performance, Accelerated Games and Gears) Special Game Acceleration, Cloud Support, HomeShield, IoT Network, VPN Server, VPN Client, DFS, Tether App, WPA3, Access Point Mode, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV	Cloud Support, HomeShield, IoT Network VPN Server, VPN Client, DFS, Tether App, WPA3, Access Point Mode, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV	Cloud Support, HomeShield, IoT Network VPN Server, VPN Client, DFS, Tether App, WPA3, Access Point Mode, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV	TR-069, Aginet ACS, IoT Network, ISP Preset (Agile Config) MERCUSYS App, WPA3, Access Point Mode, VPN Server, VPN Client, DFS, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV	TR-069, Aginet ACS, IoT Network, ISP Preset (Agile Config) MERCUSYS App, WPA3, Access Point Mode, VPN Server, VPN Client, DFS, Beamforming, Smart Connect, Airtime Fairness, MU-MIMO IPv6 Supported, IPTV
Công nghệ WiFi 7	EHT320 on 6 GHz Band, MLO, Multi-Rus, 4K-QAM		-	-	WiFi 7 băng tần kép 3.6 Gbps	-	-

Router WiFi 6

Model	Archer AX80	MR90X	Archer AIR R5	Archer AX73/ AX72	Archer AX55 Pro	Archer AX55	MR80X
Hình ảnh							
Giá bán	6.600.000 ^P	Liên hệ	4.590.000 ^P	5.200.000 ^P	4.300.000 ^P	3.800.000 ^P	x.x00.000 ^P
Tốc độ Wi-Fi	AX6000 2.4GHz: 1148Mbps 5GHz: 4804Mbps	AX6000 4804 Mbps (5 GHz) + 1148 Mbps (2.4 GHz)	AX3000 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 2402Mbps	AX5400 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 4804Mbps	AX3000 574 Mbps 2402Mbp	AX3000 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 2402Mbps	AX3000 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 2402Mbps
Anten	8	8	2	6	4	4	4
Cổng	1*2.5Gbps WAN/ LAN 1*1Gbps WAN/LAN 3*1Gbps LAN 1*USB 3.0	1× 2.5 Gbps WAN/ LAN Port + 1× Gigabit WAN/LAN Port + 2× Gigabit LAN Ports	2*1Gbps WAN/LAN	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN 1*USB 3.0	1*2.5Gbps WAN/ LAN 1*1Gbps WAN/LAN 3*Gigabit LAN 1*USB 3.0	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN 1*USB 3.0	1*1Gbps WAN 3*1Gbps LAN
Số thiết bị tối đa	320	320	256	256	256	256	200
Số thiết bị khuyến nghị	40	40	30	30	30	30	30
EasyMesh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Công nghệ MU-MIMO	4x4	8× Fixed Omni-Di- rectional Antennas	2x2	4x4	2x2	2x2	2x2
Tính năng	Smart Connect Bluetooth Home Shield IPTV VLAN IGMP / IPv6 / Parental Control QoS / Tether APP		Gộp SSID Home Shield IPTV VLAN IGMP / IPv6 Parental Control QoS / Tether APP	Smart Connect Home Shield IPTV VLAN IGMP / IPv6 Parental Control QoS / Tether APP AX73 và AX72 có CPU khác nhau	Smart Connect Home Shield IPTV VLAN IGMP / IPv6 Parental Control QoS / Tether APP	Smart Connect Home Shield IPTV VLAN IGMP / IPv6 Parental Control QoS / Tether APP	Smart Connect/ Parental Controls/ Guest Network/ WPA3/ TR069/ ISP Preset (Agile Config)/ Aginet ACS/ Superadmin/ MERCUSYS APP
Công nghệ WiFi 6	1024-QAM / OFDMA DL/UL / BSS Coloring / TWT						

Model	Archer AX53	Archer AX23	Archer AX12	Archer AX10	MR78X	MR60X	MR62X
Hình ảnh							
Giá bán	3.500.000 ^Đ	2.900.000 ^Đ	2.300.000 ^Đ	2.600.000 ^Đ	2.560.000 ^Đ	1.900.000 ^Đ	1.490.000 ^Đ
Tốc độ Wi-Fi	AX3000 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 2402Mbps	AX1800 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 1201Mbps	AX1500 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 1201Mbps	AX1500 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 1201Mbps	AX2700 2.4GHz: 574Mbps 5GHz: 2402Mbp	AX1500 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 1201Mbps	AX1500 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 1201Mbps
Anten	4	4	4	4	4	4	4
Cổng	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 3*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 3*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 2*1Gbps LAN	1*1GbpsWAN 2*1Gbps LAN
Số thiết bị tối đa	200	150	130	130	200	130	130
Số thiết bị khuyến nghị	35	30	30	30	35	30	30
Công nghệ MU-MIMO	2x2	2x2	2x2	2x2	2x2	2x2	2x2
EasyMesh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tính năng	Smart Connect / IPTV VLAN IGMP / IPv6 / Parental Control QoS / Tether APP				Smart Connect/ Parental Controls/ Guest Network/ WPA3/ TR-069/ ISP Preset (Agile Con- fig)/ Aginet ACS/ Superadmin/MER- CUSYS APP	Smart Connect IPTV VLAN IGMP / IPv6 Parental Control QoS / Mercusys APP	Smart Connect/ Parental Controls/ Guest Network/ WPA3/ TR-069/ ISP Preset (Agile Con- fig)/ Aginet ACS/ Superadmin/MER- CUSYS APP
Công nghệ WiFi 6	1024-QAM / OFDMA DL/UL / BSS Coloring / TWT						

Router WiFi 5

Model	Archer C86	Archer C80	Archer C64	Archer C6 V2/V5	Mercusys MR30G	Archer C50
Hình ảnh						
Giá bán	1.960.000 ^Đ	1.780.000 ^Đ	990.000 ^Đ	900.000 ^Đ	900.000 ^Đ	900.000 ^Đ
Tốc độ Wi-Fi	AC1900 2.4GHz: 600Mbps 5GHz: 1300Mbps	AC1900 2.4GHz: 600Mbps 5GHz: 1300Mbps	AC1300 2.4GHz: 400Mbps 5GHz: 867Mbps	AC1200 300Mbps 867Mbps	AC1200 300Mbps 867Mbps	AC1200 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 867Mbps
Anten	6	4	4	4	4	4
Cổng	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1*1Gbps WAN 4*1Gbps LAN	1× GE WAN 4× GE LAN	1× GE WAN 2× GE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN
Công nghệ MU-MIMO	3x3	3x3	2x2	2x2	2x2	2x2
Số thiết bị tối đa	128	128	128	128	128	60
Số thiết bị khuyến nghị	30	30	30	30	30	25
EasyMesh	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Điều khiển qua APP	Tether APP	Tether APP	Tether APP	Tether APP	Mercusys APP	Tether APP
Tính năng	Smart Connect, IPTV VLAN, IGMP, IPv6, Parental Control, QoS					

Model	Archer C54	Archer C24	Archer C20	Mercusys AC10
Hình ảnh				
Giá bán	990.000 ^Đ	820.000 ^Đ	799.000 ^Đ	880.000 ^Đ
Tốc độ Wi-Fi	AC1200 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 867Mbps	AC750 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 433Mbps	AC750 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 433Mbps	AC1200 2.4GHz: 300Mbps 5GHz: 867Mbps
Anten	4	4	3	4
Cổng	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 2*FE LAN
Công nghệ MU-MIMO	2x2	-	-	2x2
Số thiết bị tối đa	54	54	54	54
Số thiết bị khuyến nghị	25	20	20	25
Tính năng	Mở rộng sóng, IPTV VLAN, IGMP, IPv6 Parental Control, QoS, Tether APP			Mở rộng sóng IPTV VLAN, IGMP, IPv6 Parental Control QoS / Mercusys APP

Router WiFi 4

Model	Mercusys MW325R*	Mercusys MW305R	Mercusys MW302R*	Mercusys MW301R	WR846N	WR845N	WR840N	WR820N
Hình ảnh								
Giá bán	690.000 ^Đ	560.000 ^Đ	550.000 ^Đ	510.000 ^Đ	760.000 ^Đ	720.000 ^Đ	610.000 ^Đ	580.000 ^Đ
Tốc độ Wi-Fi	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps	N300 Mbps 2.4GHz: 300Mbps
Anten	4	3	2	2	4	3	2	2
Cổng	1*FE WAN 3*FE LAN	1*FE WAN 3*FE LAN	1*FE WAN 2*FE LAN	1*FE WAN 2*FE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 4*FE LAN	1*FE WAN 2*FE LAN
Số thiết bị tối đa	40	32	32	32	40	32	32	32
Số thiết bị khuyến nghị	20	15	15	15	20	15	15	15
EasyMesh	-	-	-	-	✓	-		
Tính năng	IPTV, IPv6, Guest Network, Quản lý của phụ huynh, Mercusys APP					Mở rộng sóng, IPTV VLAN, IGMP IPv6, Quản lý của phụ huynh, Tether APP		

*Tính năng 4 in 1: Router/AP/RE/WISP Multi-Mode

Card PCI E WiFi

	WiFi 6				
Model	Archer TX3000E	Archer TX55E	Mercusys MA80XE	Archer TX20E	Archer TX10E
Hình ảnh					
Giá bán	2.800.000 ^Đ	1.880.000 ^Đ	1.690.000 ^Đ	1.660.000 ^Đ	1.320.000 ^Đ
Chuẩn Wi-Fi	AX3000	AX3000	AX3000	AX1800	AX9000
Wi-Fi (2.4G)	574Mbps	574Mbps	574Mbps	574Mbps	287Mbps
Wi-Fi (5G)	2402 Mbps	2402 Mbps	2402Mbps	1201Mbps	600Mbps
Anten	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	Anten mở rộng
Tản nhiệt	✓	✓	✓	✓	✓
Giá đỡ	Kèm khung low-profile	Kèm khung low-profile	Chỉ có giá full-height	Kèm khung low-profile	Kèm khung low-profile
Bluetooth	5.2	5.2	5.2	5.2	5.3
WPA3	✓	✓	✓	✓	✓
Hệ điều hành	Windows				

	WiFi 5		
Model	Archer T4E	Archer T2E	Mercusys MA30E
Hình ảnh			
Giá bán	1.080.000 ^Đ	930.000 ^Đ	890.000 ^Đ
Chuẩn Wi-Fi	AC1200	AC600	AC1200
Wi-Fi (2.4G)	867 Mbps	200 Mbps	867 Mbps
Wi-Fi (5G)	300 Mbps	433 Mbps	300 Mbps
Anten	2*Anten ngoài độ lợi cao	1*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao
Tản nhiệt	✓	-	-
Giá đỡ	Kèm khung low-profile	Kèm khung low-profile	Mặc định high-profile
Bluetooth	5.0(V3)	-	5.0
WPA3	-	✓	✓
Hệ điều hành	Windows		

▶▶ Card PCI E Ethernet

	Gigabit Ethernet			
Model	Archer TX401	Archer TX201	Archer TG-3468	MA21E
Hình ảnh				
Giá bán	2.990.000 ^Đ	990.000 ^Đ	499.000 ^Đ	399.000 ^Đ
Tốc độ	10Gbps	2.5 Gbps	1 Gbps	1 Gbps
Kích bản	8cm/12cm			
Hệ điều hành	Windows, Linux			



tp-link

2.5 Gigabit

FAST as TX201

Card Mạng PCIe truyền dữ liệu tốc độ vượt trội

- Tốc độ 2.5G cực nhanh
- Hỗ trợ đa dạng hệ điều hành
- Tương thích linh hoạt
- Đi kèm thanh gấn thấp và tiêu chuẩn

USB WiFi

	WiFi 6							
Model	50UH	TX20U Plus	TX30U Plus	TX20U	TX35U Plus	TX10UB Nano	TX20U Nano	MA60XNB
Hình ảnh								
Giá bán	LIÊN HỆ	1.630.000 ^P	1.350.000 ^P	1.260.000 ^P	990.000 ^P	960.000 ^P	890.000 ^P	890.000 ^P
Chuẩn Wi-Fi	AX3000	AX1800	AX1800	AX1800	AX1800	AX900	AX1800	AX1800
Wi-Fi (2.4G)	574Mbps	574Mbps	574Mbps	574Mbps	574Mbps	286Mbps	574Mbps	574Mbps
Wi-Fi (5G)	2402 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps	620 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps
Anten	2* Anten ngoài độ lợi cao			2* Anten tích hợp	1* Anten ngoài độ lợi cao	2* Anten tích hợp	2* Anten tích hợp	2* Anten tích hợp
Cổng	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0
WPS	-	✓						5.3
MU-MIMO	✓							
Beamforming	✓							
WPA3	✓							
Hệ điều hành	Windows							

WiFi 5							
Model	Archer T5U	Archer T4U	MA32H	Archer T3U Plus	Archer T3U	Archer T3U Nano	MA30H
Hình ảnh							
Giá bán	Liên hệ	1.100.000 ^P	950.000 ^P	930.000 ^P	880.000 ^P	840.000 ^P	630.000 ^P
Chuẩn Wi-Fi	AC1300	AC1300	AC1300	AC1300	AC1300	AC1300	AC1300
Wi-Fi (2.4G)	400 Mbps	400 Mbps	400 Mbps	400 Mbps	400 Mbps	400 Mbps	400 Mbps
Wi-Fi (5G)	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps
Bluetooth	-	-	-	-	-	-	-
Anten	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten tích hợp	2*Anten tích hợp	1*Anten ngoài độ lợi cao
Cổng	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 3.0	USB 2.0
Beamforming	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
MU-MIMO	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
WPA3	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hệ điều hành	Windows						

WiFi 5						
Model	Archer T2UB Nano	Archer T2U Plus	Archer T2U	Archer T2U Nano	Mercusys MA20NB	Mercusys MU6H
Hình ảnh						
Giá bán	690.000 ^P	780.000 ^P	690.000 ^P	650.000 ^P	590.000 ^P	480.000 ^P
Chuẩn Wi-Fi	AC650	AC650	AC650	AC650	AC1300	AC650
Wi-Fi (2.4G)	200 Mbps	200 Mbps	200 Mbps	200 Mbps	200 Mbps	200 Mbps
Wi-Fi (5G)	433 Mbps	433 Mbps	433 Mbps	433 Mbps	433 Mbps	433 Mbps
Bluetooth	4.2	-	-	-	5.0	-
Anten	1*Anten tích hợp	1*Anten ngoài độ lợi cao	2*Anten ngoài độ lợi cao	1*Anten tích hợp	2*Anten ngoài độ lợi cao	1*Anten ngoài độ lợi cao
Cổng	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0		USB 2.0
Beamforming	-	-	✓	-	✓	-
MU-MIMO	-	-	✓	-	✓	-
WPA3	-	-	-	-	-	-
Hệ điều hành	Windows					

	WiFi 4/WiFi 6 Entry						
Model	TL-WN823N	TL-WN725N	TL-WN722N	TX1U Nano	Mercusys MW300UM	Mercusys MA14N	Mercusys MW150US
Hình ảnh							
Giá bán	430.000 ^Đ	360.000 ^Đ	390.000 ^Đ	290.000 ^Đ	380.000 ^Đ	380.000 ^Đ	160.000 ^Đ
Chuẩn Wi-Fi	N300	N150	N150	AX300	N300	N300	N150
Wi-Fi (2.4G)	300 Mbps	150 Mbps	150 Mbps	300Mbps	300 Mbps	300 Mbps	150 Mbps
Anten	2*Anten tích hợp	1*Anten tích hợp	1*Anten ngoài độ lợi cao	1 * Anten tích hợp	2*Anten tích hợp	2*Anten tích hợp	1*Anten tích hợp
Cổng	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0
Beamforming	-	-	-	-	-	-	-
Hệ điều hành	Windows, Mac OS, Linux						

	USB Bluetooth				
Model	Archer UB500 Plus	Mercusys MA550H	Archer UB500	Mercusys MA530	Archer UB400
Hình ảnh					
Giá bán	290.000 ^Đ	230.000 ^Đ	230.000 ^Đ	180.000 ^Đ	170.000 ^Đ
Chuẩn bluetooth	Bluetooth 5.3	Bluetooth 5.3	Bluetooth 5.3	Bluetooth 5.3	Bluetooth 5.3
Cổng	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0	USB 2.0
Hệ điều hành	Windows				



	HUB Type-C				
Model	UH9120C	UH6120C	UH7020C	UH5020C	UH3020C
Hình ảnh					
Giá bán	1.390.000 ^Đ	1.110.000 ^Đ	980.000 ^Đ	820.000 ^Đ	680.000 ^Đ
Cổng USB 3.0 đầu ra	1*Type-C	1*Type-A	1*Type-C	1*Type-C	1*Type-C
Cổng HDMI đầu ra	1*4K@60Hz	1*4K@60Hz	1*4K@60Hz	1*4K@60Hz	1*4K@60Hz
Cổng PD đầu ra	1*PD100W	1*PD100W	1*PD100W	1*PD100W	1*PD100W
Cổng USB-A 3.0 đầu ra	3*Type-A	2*Type-A	2*Type-A	2*Type-A	1*Type-A
Cổng USB-C 3.0 đầu ra	1*Type-C	1*Type-C	1*Type-C	1*Type-C	-
Cổng RJ45	1*GE	1*GE	-	-	-
Đầu đọc thẻ microSD	1*SD 3.0	-	1*SD 3.0	-	-
Cổng UHS-I	200Mbps	-	200Mbps	-	-

Router WiFi 4G LTE

Model	Archer NX200 (5G)	Mercusys MB260-4G	Archer MR600	Archer MR505
Hình ảnh				
Giá bán	LIÊN HỆ	3.250.000VN ^Đ	4.790.000VN ^Đ	LIÊN HỆ
Chuẩn LTE	5G LTE: CAT19	CAT 6	CAT 6	CAT6
Anten LTE	Tích hợp	Tích hợp	Anten ngoài	Tích hợp
Tốc độ tải xuống LTE	5G: 4.67Gbps LTE: 1.6Gbps	300Mbps	300Mbps	300Mbps
Tốc độ tải lên LTE	5G: 1.25Gbps LTE: 200Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps
5G NR band	N1/N3/N5/N7/N8/N20/N28/N38/N40/N41/N77/ N78	-	-	-
FDD	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	-
TDD	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B38/B40	B38/B40/B41	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28
3G	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8
Chuẩn Wi-Fi	AX1800	AX1500	AC1200	AC1200
Wi-Fi (2.4G)	574Mbps	300Mbps	300Mbps	300Mbps
Wi-Fi (5G)	1201Mbps	1201Mbps	867Mbps	867Mbps
Cổng kết nối	2GE LAN+1GE WAN/LAN	1GELAN+1GEWAN/LAN	3GELAN+1GE WAN/LAN	2GE LAN+1GE WAN/LAN
Số lượng thiết bị kết nối tối đa	64	64	64	64
Quản lý của phụ huynh	✓	✓	✓	✓
QoS/Quản lý băng thông	QoS	QoS	QoS	QoS
Tether App	✓	Mercusys APP	✓	✓
OneMesh	✓	✓	✓	✓
MU-MIMO	✓	✓	✓	✓

Router WiFi 4G LTE

Model	MR400	MR200	TL-MR6400	MR100 outdoor	TL-MR105	TL-MR100	Mercusys MB115-4G	Mercusys MB112-4G
Hình ảnh								
Giá bán	3.400.000^Đ	3.200.000^Đ	2.600.000^Đ	2.220.000^Đ	1.900.000^Đ	1.700.000^Đ	LIÊN HỆ	1.200.000^Đ
Chuẩn LTE	CAT4	CAT4	CAT4	CAT4	CAT4	CAT4	CAT4	CAT4
Anten LTE	Anten ngoài	Anten ngoài	Anten ngoài	Tích hợp	Tích hợp	Anten ngoài	Tích hợp	Tích hợp
Tốc độ tải xuống LTE	150 Mbps	150 Mbps	150 Mbps	150Mbps	150Mbps	150 Mbps	150 Mbps	150 Mbps
Tốc độ tải lên LTE	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps
Tính năng đặc biệt	-	-	-	IP65/ POE Support/Solar 12V/1A support/ Multi-Install Scenario	-	-	-	-
FDD	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28	B1/B3/B5/B7/B8/B20/B28
TDD	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40	B38/B40
3G	B1/B8	B1/B8	B1/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B5/B8
Chuẩn Wi-Fi	AC1200	AC750	N300	N300	N300	N300	N300	N300
Wi-Fi (2.4G)	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps
Wi-Fi (5G)	867 Mbps	433 Mbps	-	-	-	-	-	-
Cổng kết nối	3FE LAN 1FE WAN/LAN	3FE LAN 1FE WAN/LAN	3FE LAN 1FE WAN/LAN	1FE LAN+1FE WAN/LAN	1FE LAN+1FE WAN/LAN	1FE LAN 1FE WAN/LAN	1FE LAN 1FE WAN/LAN	1FE LAN 1FE WAN/LAN
Số lượng thiết bị kết nối tối đa	64	64	32	32	32	32	32	32
Quản lý của phụ huynh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
QoS/Quản lý băng thông	QoS	QoS	QoS	QoS	QoS	Quản lý băng thông	Quản lý băng thông	Quản lý băng thông
Tether App	✓	✓	✓	✓	✓	-	Mercusys APP	Mercusys APP
OneMesh	✓	✓	-	-	-	-	-	-
MU-MIMO	✓	-	-	-	-	-	-	-

MiFi 4G/5G

Model	M8550	M7450	M7350	M7005	M7000	Mercusys MT115	Mercusys MT110
Hình ảnh							
Giá bán	LIÊN HỆ	4.800.000 ^Đ	3.300.000 ^Đ	2.500.000 ^Đ	2.300.000 ^Đ	2.100.000 ^Đ	1.990.000 ^Đ
Chuẩn LTE	5G: R16 LTE: CAT19	Cat6	Cat4	Cat4	Cat4	Cat4	Cat4
Anten LTE	Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp
Tốc độ tải xuống LTE	5G: 3.4Gbps LTE: 1.6Gbps	300 Mbps	150 Mbps	150 Mbps	150 Mbps	150 Mbps	150 Mbps
Tốc độ tải lên LTE	5G: 900Mbps LTE: 200Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps	50Mbps
5G	n2/n5/n25/n41/ n66/n71/n77	-	-	-	-	-	-
FDD	B1/B2/B3/B4/B5/ B7/B12/B13/B14/ B25/B29/ B30	B1/B3/B5/B7/ B8/B20	B1/B3/B5/B7/ B8/B20	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B7/B8/B20	B1/B3/B5/B7/B8/ B20/B28	B1/B3/B5/B7/B8/ B20/B28
TDD	B38/B41/B46/B48/ B66/B71	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41	B38/B40/B41
3G	-	B1/B5/B8	B1/B5/B8	B1/B8	B1/B8	B1/B8	B1/B8
Chuẩn Wi-Fi	AX1800	AC1200	N300	AX300	N300	AX300	N150 / AX300(V2.0)
Wi-Fi (2.4G)	574Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	300 Mbps	150 Mbps
Wi-Fi (5G)	1201Mbps	867 Mbps	-	-	-	-	-
Số lượng thiết bị kết nối tối đa	32	32	10	10	10	10	10
Pin	4700mAh	3000mAh	2000mAh	2200mAh	2000mAh	2200mAh	2200mAh
Thẻ sim	Nano	Nano	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn/Nano	Tiêu chuẩn/Micro	Nano	Nano
Thẻ nhớ	Micro SD 32GB	Micro SD 32GB	Micro SD 32GB	-	-	-	-
Màn hình hiển thị	✓	✓	✓	-	-	-	-
Cổng kết nối	1*1Gbps LAN 2*TS-9 Anten Port	Type C (V9)	Micro USB	USB Type C	Type C (V3.2)	USB Type C	Microusb (V1.0) / Type C(V1.2)
APP quản lý	Tether	tpMiFi	tpMiFi	tpMiFi	tpMiFi	Mercusys	Mercusys



▶▶ Tầm nhìn và sứ mệnh

Deco - Thương hiệu Wi-Fi Mesh của TP-Link, cam kết mang đến những giải pháp Wi-Fi Mesh tiên tiến, giúp bạn tận hưởng kết nối không dây ổn định và nhanh chóng.

Với công nghệ Mesh tiên tiến, Deco tạo ra một mạng lưới wifi liền mạch, loại bỏ các điểm chết và đảm bảo tín hiệu mạnh mẽ ở mọi góc. Sứ mệnh của Deco là đơn giản hóa việc kết nối, giúp bạn tập trung vào những điều quan trọng. Tầm nhìn của Deco là tạo ra một thế giới nơi mọi người đều có thể kết nối một cách dễ dàng và an toàn.

deco
Deco: Decoration

▶▶ Wi-Fi Mesh

Wi-Fi Mesh



Wi-Fi Mesh được thiết kế cho người dùng có vùng phủ Wi-Fi yếu hoặc vùng phủ Wi-Fi không đầy đủ, cũng như những người dùng muốn có một hệ thống Wi-Fi dễ dàng cài đặt và quản lý. Vì các router truyền thống có vùng phủ bị giới hạn, thông thường chúng không thể bao phủ đầy đủ các ngôi nhà lớn hoặc nhiều tầng.

Do Mesh chỉ là một mạng, nên Wi-Fi Mesh cũng sẽ là một sự lựa chọn tuyệt vời cho người dùng đang sở hữu bộ mở rộng sóng nhưng không muốn chuyển qua lại giữa các mạng khi di chuyển trong ngôi nhà của mình.

Wi-Fi Mesh là hệ thống Wi-Fi cho cả ngôi nhà được thiết kế để loại bỏ các "điểm chết" Wi-Fi và cung cấp vùng phủ liền mạch xuyên suốt ngôi nhà của bạn.

Hệ thống Mesh giúp cho các thiết bị trong hệ thống mạng của bạn có được tốc độ cao hơn, vùng phủ lớn hơn, và các kết nối đáng tin cậy hơn. So với router truyền thống chỉ phát Wi-Fi từ một trạm phát, hệ thống Wi-Fi Mesh sở hữu nhiều điểm truy cập.

Khi một thiết bị kết nối đến modem, thiết bị đó sẽ trở thành thiết bị chính. Các thiết bị khác (gọi là "nút") sẽ bắt sóng và phát lại tín hiệu của router. Kết quả là bạn sẽ có một mạng Wi-Fi với cường độ tín hiệu mạnh mẽ dù bạn ở bất cứ nơi đâu.

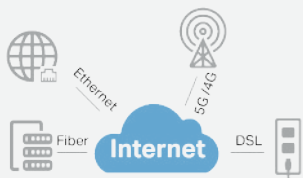


Giải pháp Deco Mesh Wi-Fi toàn diện cho hộ gia đình

Deco cung cấp giải pháp cho mọi tình huống. Bạn có thể chọn Mesh tốt nhất với WiFi 7 mới nhất, ngoài ra, bạn cũng có thể chọn các phương pháp cài đặt hoặc dòng sản phẩm Deco khác nhau tùy theo nhu cầu của mình. Để đáp ứng những yêu cầu này, các công nghệ như 5G/4G, IP65 và PoE đều được tích hợp vào dòng Deco. Hơn nữa, với Công nghệ Mesh của TP-Link, mọi mẫu Deco đều tương thích và có khả năng kết nối mượt mà với nhau, giúp phủ sóng Wi-Fi toàn bộ ngôi nhà của bạn, dù diện tích lớn hay nhỏ, nhà ống hay nhà cao tầng.

Mạng trong nhà

Truy cập Internet linh hoạt



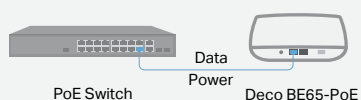
Cổng LAN Multi-Gig



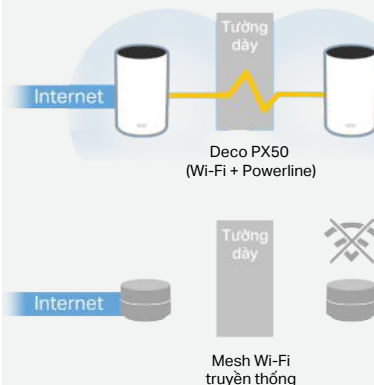
Tùy chọn lắp đặt đa dạng



Triển khai nhanh chóng bằng cổng mạng PoE



Sóng mạnh dễ dàng xuyên tường và trần



Mạng ngoài trời

Mở rộng Wi-Fi ngoài trời



Hồ bơi



Quán café



Sân vườn

Luôn là giải pháp toàn diện nhất

Deco sở hữu dải sản phẩm đa dạng từ Wi-Fi 5 đến Wi-Fi 7 với những công nghệ dẫn đầu thị trường



Bảo mật thông minh cho Cuộc sống thông minh

Deco đóng vai trò là trái tim giúp quản lý các thiết bị IoT của bạn, bao gồm Tapo, Kasa và tất cả các thiết bị được chứng nhận Matter. Công nghệ HomeShield giúp bảo vệ kết nối IoT, chặn truy cập trái phép, mã hóa dữ liệu, chống lại các mối đe dọa và tấn công mạng.



Deco Mesh WiFi 7/6

Model	Deco BE25	Deco X60	Deco X50	Deco X20	Deco X10
Hình ảnh					
Giá bán	11.800.000 ^Đ	14.300.000 ^Đ	11.300.000 ^Đ	9.900.000 ^Đ	6.999.000 ^Đ
Chuẩn Wi-Fi	BE5000WiFi 7	AX5400	AX3000	AX1800	AX1500
5 GHz Wi-Fi (Mbps)	4320Mbps	4804 Mbps	2402 Mbps	1201 Mbps	1201 Mbps
2.4 GHz Wi-Fi (Mbps)	688 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	574 Mbps	300 Mbps
Phạm vi phủ sóng	~700 m2 (3-pack) ~500 m2 (2-pack) ~260 m2 (1-pack)	~660 m2 (3-pack) ~460 m2 (2-pack) ~250 m2 (1-pack)	~600 m2 (3-pack) ~420 m2 (2-pack) ~240 m2 (1-pack)	~540 m2 (3-pack) ~370 m2 (2-pack) ~200 m2 (1-pack)	~540 m2 (3-pack) ~370 m2 (2-pack) ~200 m2 (1-pack)
Số lượng thiết bị kết nối	160	160	160	160	160
Cổng WAN/LAN	2 x 2.5G	2× GE (WAN/LAN)	3× GE (WAN/LAN)	2× GE (WAN/LAN)	2× GE (WAN/LAN)
160 MHz Channel	320M Hz	√	√	-	-
OFDMA	√	√			
1024-QAM	4K QAM	√			
MU-MIMO	√				
Beamforming	√				
Deco App	√				
Chế độ AP	√				
Quản lý của phụ huynh	√				
Antivirus	√				
QoS	√				
Trợ lý ảo Amazon Alexa Google Assistant	√				
Tương thích với Deco khác	√				
IPTV	√				
Tính năng cao cấp	AI Driven Mesh				

Deco Mesh WiFi 6/5

Model	Deco X50-outdoor	Deco S7	Deco M5	Deco M4	Deco E4
Hình ảnh					
Giá bán	4.390.000 ^Đ	5.300.000 ^Đ	4.900.000 ^Đ	4.500.000 ^Đ	3.900.000 ^Đ
Chuẩn Wi-Fi	AX3000	AC1900	AC1300	AC1200	AC1200
5 GHz Wi-Fi (Mbps)	2402 Mbps	1300 Mbps	867 Mbps	867 Mbps	867 Mbps
2.4 GHz Wi-Fi (Mbps)	574 Mbps	600 Mbps	400 Mbps	300 Mbps	300 Mbps
Phạm vi phủ sóng	~230 m2 (1-pack)	~520 m2 (3-pack) ~360 m2 (2-pack) ~180 m2 (1-pack)	~500 m2 (3-pack) ~350 m2 (2-pack) ~170 m2 (1-pack)	~500 m2 (3-pack) ~350 m2 (2-pack) ~140 m2 (1-pack)	~420 m2 (3-pack) ~360 m2 (2-pack) ~140 m2 (1-pack)
Số lượng thiết bị kết nối	150	100	100	80	50
Cổng WAN/LAN	2× GE (WAN/LAN)	3× GE (WAN/LAN)	2× GE (WAN/LAN)	2× GE (WAN/LAN)	2× FE (WAN/LAN)
Tính năng đặc biệt	IP65/ POE Support/ Multi-Install Scenario (Ceiling Mount, Wall Mount, Tabletop)				
MU-MIMO	√				
Beamforming	√				
Deco App	√				
Chế độ AP	√				
Quản lý của phụ huynh	√				
QoS	√				
Trợ lý ảo Amazon Alexa Google Assistant	√				
Tương thích với Deco khác	√				
IPTV	√				



▶▶ Tầm nhìn và sứ mệnh

Tapo là thương hiệu nhà thông minh toàn cầu của TP-Link, nhà cung cấp thiết bị Wi-Fi số 1 thế giới (theo IDC Worldwide Quarterly Wireless LAN Tracker, CY2023).

Tapo nổi tiếng với danh mục đa dạng các sản phẩm chất lượng cao, bao gồm camera an ninh thông minh, robot hút bụi, đèn chiếu sáng, và các thiết bị tự động hóa, mang lại trải nghiệm người dùng vượt trội nhờ danh mục sản phẩm phong phú và công nghệ tiên tiến. Với sứ mệnh mang đến một cuộc sống tiện nghi và hiện đại với giải pháp nhà thông minh theo tiêu chí bảo mật, thông minh và dễ dàng, Tapo đang không ngừng cải tiến và đánh dấu mình trên bản đồ thương hiệu nhà thông minh trên thế giới.

tapo

Tapo: Tap All

▶▶ Hành trình phát triển

2019

Thương hiệu Tapo ra mắt.

tapo

Tapo ra mắt camera thông minh và ổ cắm thông minh tự phát triển đầu tiên, đồng thời phát hành ứng dụng Tapo.



2022

Nhà cung cấp đầu tiên trên thế giới ra mắt sản phẩm đạt chứng nhận Matter.



Ra mắt robot hút bụi đầu tiên của mình.



Đạt 2 giải thưởng Sáng tạo CES.



2024

Kỷ niệm 5 năm Tapo
Doanh số 50tr+ sản phẩm
Số người dùng ứng dụng toàn cầu 20tr



Nguồn gốc & Tăng trưởng Ban đầu

Mở rộng ra toàn cầu

2016

TP-Link thành lập Đơn vị Kinh doanh Điện tử Tiêu dùng.

2020

Ra mắt bóng đèn thông minh đầu tiên.



Tiếp tục mở rộng quy mô và kênh phân phối đến hơn 30 quốc gia.

2023

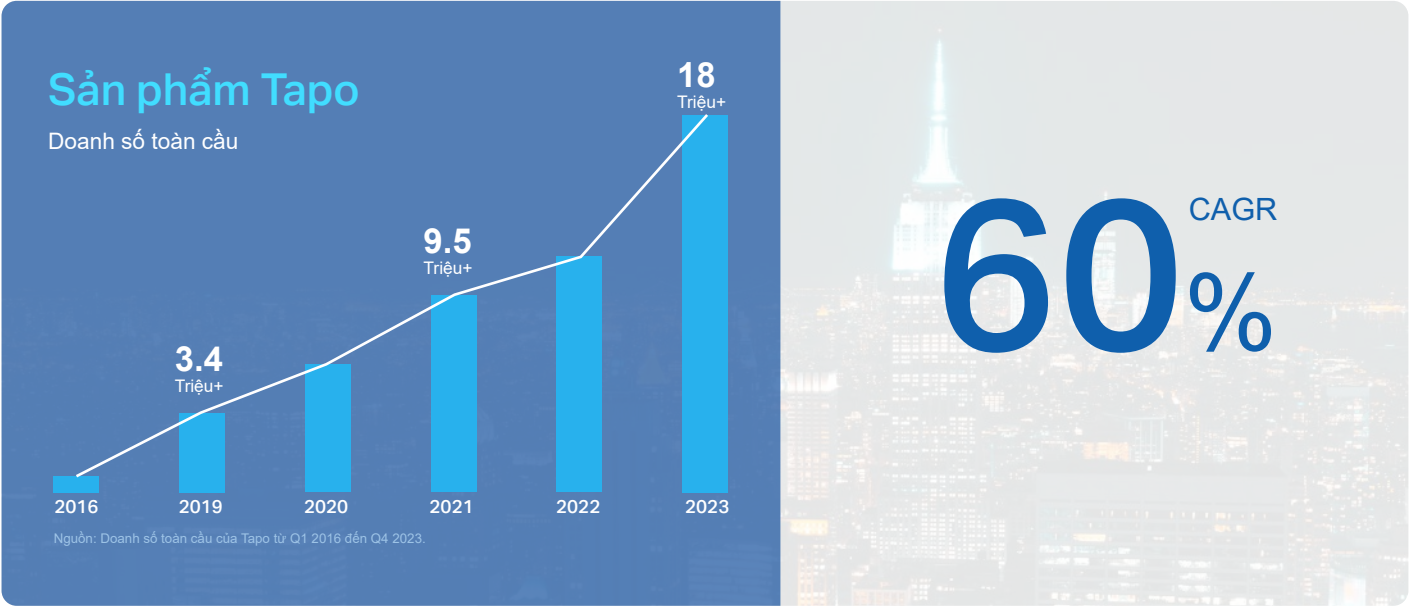
Giành được 53 danh hiệu sản phẩm bán chạy nhất trên Amazon (Top 5) tại Châu Âu và Mỹ.

amazon

Hãng đầu tiên trên thế giới ra mắt camera ColorPro dành cho người tiêu dùng.



Kể từ khi Bộ phận Kinh doanh Điện tử Tiêu dùng được thành lập vào năm 2016, Tapo đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng tại nhiều thị trường toàn cầu khác nhau. Từ năm 2016 đến năm 2023, tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của Tapo đã vượt quá 60%.



Đài sản phẩm nhà thông minh Tapo

Tapo, xuất phát từ 'Tap All,' cam kết nâng cao cuộc sống của khách hàng với sự tiện lợi chỉ bằng một lần chạm. Tapo tập trung vào việc tạo ra các sản phẩm nhà thông minh sáng tạo, bền vững và chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chí bảo mật, thông minh và dễ dàng, giúp nâng tầm chất lượng sống.



Bảo Mật

Các thiết bị được trang bị công nghệ tiên tiến và quy trình chế tác đáng tin cậy, đảm bảo loại bỏ triệt để các mối nguy tiềm ẩn.



Thông Minh

Tích hợp công nghệ AI, hệ thống nhà thông minh Tapo nâng cao chất lượng cuộc sống của bạn một cách toàn diện.



Dễ Dàng

Nhà thông minh Tapo được thiết kế để mang lại sự tiện lợi tối ưu cho người dùng trong cuộc sống hiện đại.



Camera an ninh



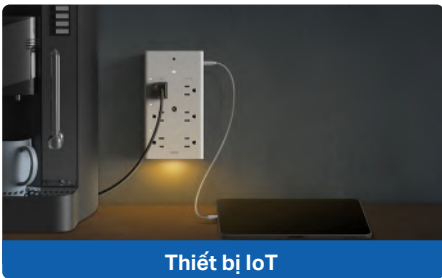
Chuông và khóa cửa thông minh



Robot hút bụi



Đèn thông minh

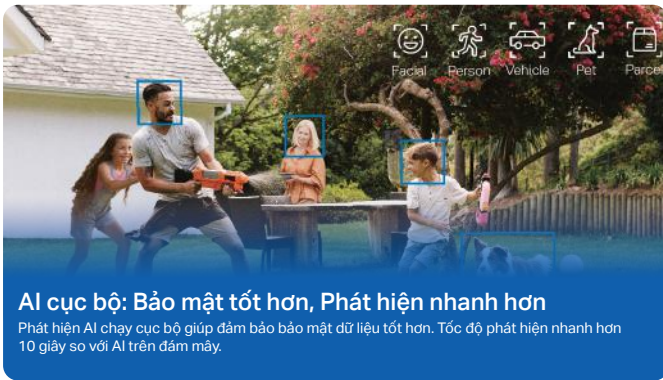


Thiết bị IoT



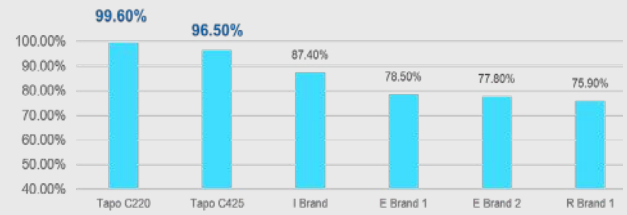
Các sản phẩm cao cấp khác

Thuật toán AI tự phát triển dẫn đầu thị trường Camera an ninh



Tỷ lệ phát hiện chính xác gần 100%

Độ Chính Xác của Việc Phát Hiện Con Người

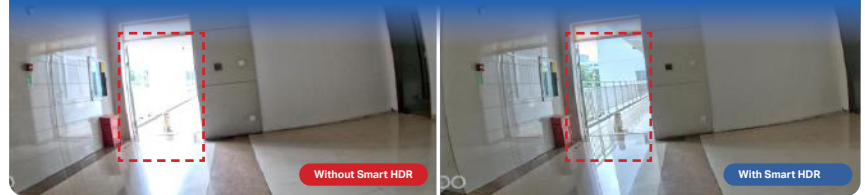


Sử dụng mô hình AI lớn

Các sản phẩm của Tapo sử dụng AI sáng tạo và các mô hình lớn để tăng cường tập dữ liệu, qua đó tối ưu hóa các thuật toán nhận dạng của camera thông minh.

Phơi sáng thông minh cho hình ảnh sắc nét hơn

Công nghệ Smart HDR (Dải động cao thông minh) đảm bảo độ phơi sáng hoàn hảo mà không bị dư sáng hoặc thiếu sáng.



Công nghệ Night Vision của Tapo



ColorPro Night Vision

Được trang bị ống kính khẩu độ F1.0, cảm biến lớn 1 / 1.79 " và thuật toán tối ưu hóa hình ảnh để tái tạo màu sắc trung thực ngay cả trong điều kiện ánh sáng cực yếu đến 0,05 Lux.



ColorPro Night Vision



Starlight Color Night Vision

Được trang bị ống kính khẩu độ lớn F1.6, cảm biến Starlight và đèn spotlight tích hợp giúp tái tạo màu sắc sống động và chân thực ngay cả trong điều kiện ánh sáng yếu.



Starlight Color Night Vision



Color Night Vision

Được trang bị đèn chiếu sáng hoặc đèn pha tích hợp để chụp ảnh màu đầy đủ trong bóng tối.



Color Night Vision



Night Vision

Chụp ảnh rõ ràng và chi tiết trong bóng tối bằng cách sử dụng tia hồng ngoại (IR).



Night Vision

▶▶ Đánh giá từ người dùng

Các sản phẩm và dịch vụ của Tapo đã nhận được phản hồi tích cực từ người dùng, những người có tỷ lệ mua lại rất cao. Đáng chú ý, 38% người dùng chọn sở hữu hai hoặc nhiều thiết bị Tapo, phản ánh sự hài lòng và lòng trung thành của họ.



 Tapo C210 4.6 ★★★★★	 Tapo C500 4.5 ★★★★★
 Tapo C310 4.6 ★★★★★	 Tapo L535E 4.5 ★★★★★
 Tapo P105 4.5 ★★★★★	 Tapo T110 4.6 ★★★★★

Net Promoter Score*

Độ trung thành của khách hàng với Tapo gấp 5x lần trung bình ngành



Tapo NPS **52**
Trung bình ngành điện tử **11**

51.949 NPS

Xếp hạng ứng dụng Tapo trên App Store

4.7	4.7	4.7	4.6	4.6	4.6
-----	-----	-----	-----	-----	-----

Xếp hạng ứng dụng Tapo trên Google Play

4.8	4.7	4.7	4.7	4.6	4.6
-----	-----	-----	-----	-----	-----

*NPS là viết tắt của Net Promoter Score. Đây là một số liệu được sử dụng để đo lường lòng trung thành và sự hài lòng của khách hàng dựa trên khả năng khách hàng giới thiệu sản phẩm hoặc dịch vụ của công ty cho người khác.

▶▶ Thương hiệu Tapo được công nhận rộng rãi trong ngành

Tapo không ngừng nỗ lực cải tiến hiệu suất sản phẩm và xây dựng niềm tin với khách hàng và đối tác. Tapo nhận được sự công nhận rộng rãi trên toàn thế giới bởi giới chuyên môn và người dùng, với nhiều giải thưởng uy tín với chỉ hơn 5 năm thành lập.



Ứng dụng Nhà Thông minh Sáng tạo nhất tại Giải thưởng Network X 2023
2023, Pháp



"Thiết bị Tương thích Tốt nhất với SmartThings" do Samsung trao tặng
2023, Mỹ



Thương hiệu cao cấp đáng tin cậy số 1 danh mục Camera Gia đình (Forbes 2023)
2023, Hàn Quốc

 PCMag Editors' Choice Award	 Tapo C120 Best 2K Wired Camera ★★★★★ 4.5 Outstanding	 Tapo C425 Best 2K Wired Camera ★★★★★ 4.5 Outstanding	 Tapo C420S2 Wire-Free Camera ★★★★○ 4.0 Excellent	 Tapo C325WB ColorPro Camera ★★★★○ 4.0 Excellent
---	--	--	---	---

 CES Innovation Award	 Tapo RV20 Ultra-Slim LiDAR Navigation Robot Vacuum & Map	 Tapo Door Lock Tapo Smart Video Door Lock	 Que Choisir Voted Tapo C225 as 'Best Camera' 2023, France	 Tapo P125M Won TechRadar 5 Star Award 2023, United Kingdom	 Tapo C500 Won Gold Price by Price.com Product Award 2023, Japan
			 Tapo C325WB Won TechHive Editors' Choice 2023, US	 Tapo C220 was Reddot Winner 2022 2022, Germany	 Best Smart Plug 2022 by FrAndroid 2022, France

➤ Camera WiFi Trong Nhà

Model	Tapo C225	Tapo C230	Tapo C222	Tapo C220	Tapo C212	Tapo C211	Tapo TC71	Tapo C200/TC70	Tapo C100
Hình ảnh									
Giá bán	2.550.000 ⁰	1.390.000 ⁰	1.330.000 ⁰	1.230.000 ⁰	1.180.000 ⁰	1.090.000 ⁰	1.090.000 ⁰	990.000 ⁰	790.000 ⁰
Độ phân giải	4MP Startlight	5MP	4MP	4MP	3MP	3MP	3MP	2MP	2MP
Xoay ngang/ dọc	355°/149°	355°/114°	355°/114°	355°/114°	355°/114°	355°/114°	355°/114°	355°/114°	-
Góc quan sát	98°	108°	108°	108°	108°	107°	107°	93°	111°
Hồng ngoại	9m (hỗ trợ chế độ hồng ngoại vô hình)	9m	9m	9m	9m	9m	9m	9m	9m
Chế độ riêng tư	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Onvif	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Điều khiển cục bộ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cổng LAN	-	-	✓	-	✓	-	-	-	-
Theo dõi chuyển động	Tốc độ quay/ quét 120°/s	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-
Phát hiện người	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện tiếng trẻ em khóc	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện vượt hàng rào ảo	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Phát hiện phương tiện	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Phát hiện thú cưng	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Phát hiện tiếng mèo kêu	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Phát hiện kính vỡ	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Phát hiện tiếng chó sủa	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Âm thanh	Đàm thoại 2 chiều								
Thẻ Micro SD	512GB								
Lưu trữ đám mây	Đăng ký Tapo Care (Dùng thử 30 ngày miễn phí)								
Đẩy thông báo tức thời	✓								
APP quản lý	Tapo								
Trợ lý ảo	Alexa / Google Assistant / IFTTT								

➤ Camera WiFi Ngoài Trời

Model	Tapo C530WS	Tapo C520WS	Tapo C510W	Tapo C500/TC40	Tapo C325WB	Tapo C320WS	Tapo C310/TC65	Tapo C125	Tapo C120
Hình ảnh									
Giá bán	2.660.000 ^Đ	1.980.000 ^Đ	1.690.000 ^Đ	1.980.000 ^Đ	3.190.000 ^Đ	1.790.000 ^Đ	1.480.000 ^Đ	1.799.000 ^Đ	1.200.000 ^Đ
Độ phân giải	5MP Starlight	4MP Starlight	3MP Full Color	2MP	4MP Color Pro	4MP Starlight	3MP	4MP	4MP Starlight
Xoay ngang/ dọc	355°/130°	355°/130°	355°/130°	355°/130°	-	-	-	-	-
Góc quan sát	85°	85°	85°	85°	131°	136°	111°	140°	120°
Hồng ngoại	30m	30m	30m	30m	30m	30m	30m	9m (hỗ trợ chế độ hồng ngoại vô hình)	9m (hỗ trợ chế độ hồng ngoại vô hình)
Đèn LED trợ sáng có màu ban đêm	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-	✓	✓
Có màu không cần đèn LED	✓	-	-	-	-	-	-	✓	✓
Cổng LAN	✓	✓	-	-	✓	✓	✓	-	-
Chống bụi nước	IP66	IP66	IP65	IP65	IP66	IP66	IP66	-	IP66
Chế độ riêng tư	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Onvif	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Điều khiển cục bộ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Gắn nhãn chuyển động	✓	✓	-	-	-	-	-	✓	✓
Theo dõi chuyển động	Quay quét tốc độ cao	Quay quét tốc độ cao	Quay quét tốc độ cao	Quay quét tốc độ cao	-	-	-	-	-
Phát hiện người	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện vượt hàng rào ảo	✓	✓	-	-	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện phương tiện	✓	✓	-	-	✓	✓	-	✓	✓
Nhận diện thú cưng	✓	✓	-	-	✓			✓	✓
Phát hiện ảnh giả	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Chế độ tuần tra	✓	✓	✓	✓	-	-	-	-	-
Âm thanh	Đàm thoại 2 chiều								
Thẻ Micro SD	512GB								
Lưu trữ đám mây	Đăng ký Tapo Care (Dùng thử 30 ngày miễn phí)								
Đẩy thông báo tức thời	✓								
APP quản lý	Tapo								
Trợ lý ảo	Alexa / Google Assistant / IFTTT								

➤ Camera dùng pin

Model	Tapo C460	Tapo C420S2	Tapo C425 Kit	Tapo C410 Kit	Tapo C425	Tapo C460	Tapo C410
Hình ảnh							
Giá bán	5.900.000 [₫]	5.900.000 [₫]	3.990.000 [₫]	2.350.000 [₫]	3.390.000 [₫]	4.390.000 [₫]	1.990.000 [₫]
Độ phân giải	8MP Starlight	2MP Starlight	4MP Starlight	3MP	4MP Starlight	8MP Starlight	3MP
Góc quan sát	150°	114°	150°	125°	150°	150°	125°
Hồng ngoại	15m	15m	15m	15m	15m	15m	15m
sáng	✓	-	✓	✓	✓	✓	-
có màu ban đêm	✓	-	✓	✓	✓	✓	-
Hub Required	N	Y	N	N	N	N	N
Pin	10000mAh (300 ngày)	5200mAh (180 ngày)	10000mAh (300 ngày)	6400mAh (300 ngày)	10000mAh (300 ngày)	10000mAh (300 ngày)	6400mAh (180 ngày)
Chống bụi nước	IP66	IP65	IP66	IP65	IP66	IP66	IP65
Chế độ riêng tư	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Onvif	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Điều khiển cục bộ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Gắn nhãn chuyển động	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện người	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phát hiện phương tiện	✓	✓	✓	-	✓	✓	-
Phát hiện pets	✓	✓	✓	-	✓	✓	-
Hoạt động với tấm năng lượng mặt trời Tapo Solar panel	A200/A201	A200	A200/A201	A201	A200/A201	A200/A201	A201
Âm thanh	Đàm thoại 2 chiều						
Thẻ Micro SD	512GB						
Lưu trữ đám mây	Đăng ký Tapo Care (Dùng thử 30 ngày miễn phí)						
Đẩy thông báo tức thời	✓						
APP quản lý	Tapo						
Trợ lý ảo	Alexa/ Google Assistant/ IFTTT						

▶▶ Tắm nắng lượng mặt trời

Tapo A200

Tấm pin Năng lượng Mặt trời

1.090.000^P

- Công suất sạc lên đến 4.5W
- Cổng sạc Micro-B
- Nguồn điện năng lượng mặt trời
- Chống chịu thời tiết chuẩn IP65
- Cáp sạc dài 4m
- Giá đỡ có thể điều chỉnh



Tapo A201

Tấm pin Năng lượng Mặt trời

660.000^P

- Công suất sạc lên đến 2.5W
- Cổng sạc Type-C
- Nguồn điện năng lượng mặt trời
- Chống chịu thời tiết chuẩn IP65
- Cáp sạc dài 4m
- Giá đỡ có thể điều chỉnh
- Tùy chọn lắp đặt đa dạng



Tapo A100

Pin sạc

1.090.000^P

- Cổng sạc Micro-B
- Dung lượng pin lớn 6700mAh
- Tương thích với camera và chuông cửa Tapo
- Tháo lắp và thay thế nhanh chóng
- Sạc an toàn với 6 cơ chế bảo vệ
- Thời gian sạc 5 giờ
- Không bị hiệu ứng nhớ



Tapo A101

Pin sạc

990.000^P

- Cổng sạc Type-C
- Dung lượng pin lớn 6700mAh
- Tương thích với camera và chuông cửa Tapo
- Tháo lắp và thay thế nhanh chóng
- Sạc an toàn với 6 cơ chế bảo vệ
- Thời gian sạc 5 giờ
- Không bị hiệu ứng nhớ



▶▶ Camera thể hệ mới

Tapo C615G KIT*

Bộ Camera An Ninh 4G LTE Xoay/Nghiêng
Chạy Bằng Năng Lượng Mặt Trời

Giá bán liên hệ

- Tapo C615G + Tapo A201
- 2K 3MP
- Theo dõi chuyển động 360°
- Quan sát ban đêm có màu
- Phát hiện và thông báo miễn phí người/phương tiện/thú cưng
- Chống thời tiết chuẩn IP65
- 4G LTE



Tapo C560WS

Camera An Ninh Wi-Fi
Xoay Nghiêng Ngoài Trời

Giá bán liên hệ

- 4K 8MP (3840 × 2160 px)
- Quan sát ban đêm có màu Starlight
- Theo dõi chuyển động và Phát hiện người
- Chống thời tiết chuẩn IP66
- Nhận diện khuôn mặt



Tapo C545D*

Camera An Ninh Wi-Fi Ngoài Trời
Hai Ống Kính

Giá bán liên hệ

- 2K 3MP + 2K 3MP
- Quan sát ban đêm có màu
- Theo dõi chuyển động & Phát hiện người
- Chống thời tiết chuẩn IP65
- Hai ống kính



Tapo C501GW

Camera 4G LTE Xoay / Nghiêng
Ngoài Trời

3.390.000^P

- Phiên bản EU 4G LTE/Mạng có dây
- Quan sát ban đêm có màu Starlight
- 1080p Full HD (1920 × 1080 px)
- Theo dõi chuyển động & Phát hiện người
- Chống thời tiết chuẩn IP65



Camera thể hệ mới

Tapo C246D

Camera 4G LTE Xoay / Nghiêng
Ngoài Trời

1.390.000[₫]

- 2K 3MP + 2K 3MP
- Color Night Vision
- Phát hiện người/phương tiện
- Kháng nước IP65



Tapo C840

Camera AI Giám Sát Trẻ Sơ Sinh
Thông Minh Xoay / Nghiêng

4.290.000[₫]

- Live View hai ống kính 4MP + 2MP
- Thông báo trẻ em thời gian thực
- Quan sát ban đêm kín đáo với đèn LED IR 940nm
- Nhạc ru em bé dịu dàng
- Chụp hình trẻ em



Tapo C260

Camera 4G LTE Xoay / Nghiêng
Ngoài Trời

1.990.000[₫]

- 4K 8MP (3840 × 2160 px)
- Nhận diện khuôn mặt
- Phát hiện miễn phí người/phương tiện/thú cưng/tiếng khóc của trẻ sơ sinh và nhiều hơn nữa*
- Cảm biến Starlight



Tapo C720

Camera Tích Hợp Đèn Chiếu Sáng
Ngoài Trời

4.690.000[₫]

- 2K 4MP
- Đèn chiếu sáng tùy chỉnh 2800lm
- Quan sát ban đêm có màu
- Góc nhìn rộng 150°
- Cảnh báo âm thanh và ánh sáng
- Chống chịu thời tiết chuẩn IP65



Tapo C710

Camera Tích Hợp Đèn Chiếu Sáng
Ngoài Trời Xoay / Nghiêng

Đang phát triển

- 2K 3MP
- Đèn chiếu sáng tùy chỉnh 1500lm
- Theo dõi chuyển động 360°
- Quan sát ban đêm có màu
- Cảnh báo âm thanh và ánh sáng
- Chống chịu thời tiết chuẩn IP65
- Nguồn DC (dây DC dài 3 mét)



Tapo C815

Camera Wi-Fi an ninh gia đình
trong nhà / ngoài trời

Đang phát triển

- 2K 3MP (2304 × 1296 px)
- Phát hiện và thông báo miễn phí người/phương tiện/thú cưng/tiếng khóc của trẻ sơ sinh
- Màn hình màu 2,8 inch
- Nút video hai chiều
- Cài đặt dễ dàng (dành cho người cao tuổi)



Tapo C206/216

Camera Wi-Fi an ninh gia đình
trong nhà / ngoài trời

Từ 990.000[₫]

- 2K 3MP /2MP FullHD
- Tầm nhìn ban đêm màu
- Theo dõi chuyển động và phát hiện người
- IP65 Chống chịu thời tiết
- Thiết kế nhỏ gọn cho nhiều phương pháp cài đặt



Tapo C316

Camera Wi-Fi an ninh gia đình
trong nhà / ngoài trời

Từ 1.490.000[₫]

- 3K 5MP (2880×1620 px)
- Tầm nhìn ban đêm màu
- Theo dõi chuyển động và phát hiện người
- IP65 Chống chịu thời tiết
- Thiết kế nhỏ gọn cho nhiều phương pháp cài đặt



Robot Hút Bụi & Lau Nhà Thông Minh Cao Cấp

Giải Phóng Đôi Tay Của Bạn

Sạch sẽ | Thông minh | Dễ dàng

Tapo RV Series



9.990.000^Đ



8.880.000^Đ



LIÊN HỆ



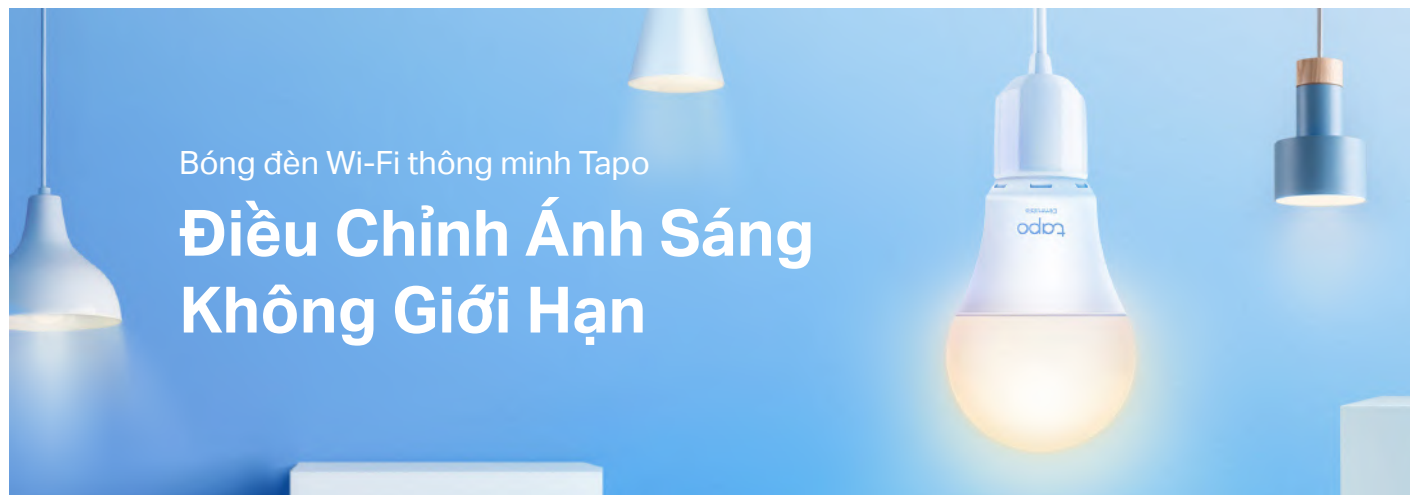
LIÊN HỆ



LIÊN HỆ

	Model	Tapo RV30 Max Plus	Tapo RV20 Max Plus	Tapo RV30 Plus	Tapo RV50 Pro Omni	Tapo RV70 Pro Ultra
Máy hút bụi	Công suất hút tối đa	•Lực hút cực mạnh 5300 Pa	•Lực hút cực mạnh 5300 Pa	•Lực hút mạnh 4200 Pa	•Lực hút mạnh 10000 Pa	•Lực hút mạnh 18000 Pa
	Lập bản đồ & Điều hướng	•LiDAR (80000 lux) & Con quay hồi chuyển	•Magslim LiDAR	•LiDAR (20000 lux) & Con quay hồi chuyển	-	-
	Khả năng chứa nước và bụi	•300 ml & 300 ml	•300 ml & 300 ml	•300 ml & 350 ml	-	-
Dock	Dung tích	•70 ngày(3 L)	•70 ngày(3 L)	•70 ngày(4 L)	-	-
	Công suất hút Hiệu quả gom bụi	•17000 Pa • 95%	•17000 Pa • 95%	•27000 Pa • 50%	-	-
Ứng Dụng	Giặt thảm	•Chế độ thảm hoàn toàn mới	•Chế độ thảm hoàn toàn mới	•None	Làm sạch thảm siêu âm hoàn hảo	Làm sạch thảm siêu âm hoàn hảo
	Lau sàn	•Làm sạch định hướng	•Làm sạch định hướng	•None	-	-
	Nhiều tầng	•Lập bản đồ nhiều tầng	•Lập bản đồ nhiều tầng	•None	-	-
	Tính năng nâng cao	•Cài đặt nội thất	•Cài đặt nội thất	•None	Rửa cây lau nhà bằng nước nóng 60°C để hòa tan các chứng cứ dầu và làm khô cây lau nhà bằng không khí ấm 45°C để ngăn ngừa vi khuẩn và mùi hôi.	
	Cài đặt sạc	•Làm sạch thông minh - Phân tích tần suất làm sạch, lượng nước, công suất hút, kích thước khu vực		•Tự động sạc - phân tích lượng pin còn lại	Mô-đun khử trùng ion bạc cung cấp khả năng khử trùng và khử trùng toàn chuỗi. Mỗi bước của quá trình làm sạch và lau nhà đều giúp bạn yên tâm.	
	Thông số kỹ thuật khác	Điều khiển bằng giọng nói & từ xa; Hỗ trợ Alexa & Google; Không góc chết; Diện tích 300m; Báo cáo bằng giọng nói đa ngôn ngữ theo thời gian thực; Bộ lọc HEPA; Khóa trẻ em &; thú cưng; Khu vực cấm đi; Tường ảo; Lịch				

Đèn WiFi Thông Minh



Tapo L630

Đèn Spotlight WiFi Thông Minh Đa Sắc



- Độ sáng 350 lm
- 2200K – 6500K
- Chuôi gài GU10
- 16 triệu màu RGB

510.000^Đ

Tapo L610

Đèn Spotlight WiFi Thông Minh



- 2700K Warm White
- Độ sáng 350 lm
- Chuôi gài GU10

LIÊN HỆ

Tapo L535E

Bóng Đèn WiFi Thông Minh Đa Sắc



- Chuôi vặn E27
- Độ sáng 1055 lm
- 75W
- 2500K – 6500K
- 16 triệu màu RGB

450.000^Đ

Tapo L520E

Bóng Đèn WiFi Thông Minh



- Chuôi vặn E27
- Ánh sáng trắng ban ngày 4000K
- Độ sáng 806 lm
- Tương đương 60W

390.000^Đ

Tapo L510E

Bóng Đèn WiFi Thông Minh



- Chuôi vặn E27
- 2700K Trắng Ấm
- Độ sáng 806 lm
- Tương đương 60W

LIÊN HỆ

Tapo L430C

Bóng Đèn WiFi Thông Minh Đa Sắc



- Chuôi vặn E14
- Độ sáng 470 lm
- 40W
- 2500K – 6500K
- 16 triệu màu RGB

320.000^Đ

Tapo L930-5

Dây Đèn LED WiFi Thông Minh Đa Sắc



- Tùy chỉnh màu từng đoạn
- Lớp PU bảo vệ chống nước
- 16 triệu màu RGBW
- Đồng bộ với âm nhạc
- Cắt độ dài theo nhu cầu

Tapo L920-5

Dây Đèn LED WiFi Thông Minh Đa Sắc



- Tùy chỉnh màu từng đoạn
- Lớp PU bảo vệ chống nước
- 16 triệu màu RGBW
- Đồng bộ với âm nhạc
- Cắt độ dài theo nhu cầu

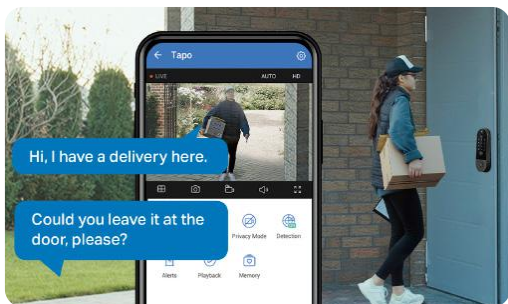
Tapo L930-5

Dây Đèn LED WiFi Thông Minh



- 16 triệu màu RGBW
- Đồng bộ với âm nhạc
- Cắt độ dài theo nhu cầu

>> Chuông cửa WiFi/ Ổ cắm WiFi/ Công Tắc Đèn/ Nút Điều Khiển WiFi



Tapo D130

Chuông cửa WiFi



- Color Night Vision
- 2K 5MP | DFOV 180°
- Nguồn kép (Pin 10000 mAh)
- Phát hiện và thông báo về người/ phương tiện/thú cưng

3.990.000^P

Tapo D210

Chuông cửa WiFi



- Color Night Vision
- DFOV 160° | 2K 3MP
- Pin sạc 6400 mAh
- Phát hiện và thông báo người/ phương tiện miễn phí

2.970.000^P

Tapo D230S1

Chuông cửa WiFi



- Color Night Vision
- DFOV 160° | 2K 5MP
- Pin sạc tháo rời 6700 mAh
- Phát hiện và thông báo về người/ phương tiện/thú cưng

4.950.000^P

Tapo P100

Ổ cắm WiFi thông minh



- Công suất 10A 2300W
- Thiết kế nhỏ gọn

430.000^P

Tapo P105

Ổ cắm WiFi thông minh



- Công suất 15A 1800W
- Thiết kế nhỏ gọn

430.000^P

Tapo P300

Ổ cắm dài WiFi thông minh



- Điều khiển độc lập từng ổ cắm
- Thiết kế lỗ cắm rộng
- USB sạc nhanh 18W
- Dây dài 1.5m

1.550.000^P

Tapo P306

Ổ cắm dài WiFi thông minh



- Điều khiển độc lập từng ổ cắm
- Thiết kế lỗ cắm rộng
- USB sạc nhanh 18W
- Dây dài 1.5m

LIÊN HỆ

Tapo P110M

Ổ cắm WiFi thông minh



- Công suất tối đa 16A/3680W
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Giám sát năng lượng tiêu thụ

490.000^P

Tapo P115M

Ổ cắm WiFi thông minh



- Công suất tối đa 16A/3680W
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Giám sát năng lượng tiêu thụ

490.000^P

Tapo S515

Công tắc đèn WiFi



- 100-120V~
- Lắp đặt dễ dàng

490.000^P

Tapo S515D

Công tắc đèn WiFi



- 100-120V~
- Lắp đặt dễ dàng

680.000^P

Tapo S505D

Công tắc đèn WiFi



- 120V ~ 60Hz
- Lắp đặt dễ dàng

610.000^P

Tapo S500D

Công tắc đèn WiFi



- 120V ~ 60Hz
- Hiệu ứng bật/tắt

LIÊN HỆ

Tapo S505

Công tắc đèn WiFi



- 100-120V ~ 50/60 Hz
- Lắp đặt dễ dàng

450.000^P

Tapo S200D

Nút điều khiển Dimmer WiFi



- Sub-G 868 MHz
- Pin CR2032

660.000^P

Tapo S200B

Nút điều khiển Dimmer WiFi



- Sub-G 868 MHz
- Pin CR2032

510.000^P

Tapo H100

Hub IoT thông minh



- WiFi + Dưới 1GHz
- Lên đến 64 cảm biến
- Còi báo động 90dB
- Cắm & dùng

790.000^P

Tapo H200

Hub IoT thông minh



- WiFi + Dưới 1GHz
- Lên đến 64 cảm biến + 4 Camera
- Hỗ trợ nhớ lên đến 512Gb
- Còi báo động 90dB
- Cắm & dùng

1.390.000^P

▶▶ Cảm Biến Thông Minh

▶ Cảnh báo ứng dụng tức thì

Nhận thông báo ứng dụng tức thì khi nhiệt độ hoặc độ ẩm vượt quá phạm vi tùy chỉnh của bạn. Phản ứng kịp thời với những thay đổi đột ngột của điều hòa bất cứ khi nào có nhu cầu.



▶ Giảm không khí khô

Kích hoạt robot hút bụi Tapo để lau nhà khi Tapo T315 phát hiện độ ẩm thấp hơn phạm vi đặt trước.



▶ Tự động bật đèn

Đặt Cảm biến tiếp xúc thông minh của bạn để kích hoạt đèn khi bạn mở cửa.



▶ An ninh gia đình toàn diện

Đặt một góc nhìn cụ thể để Camera Tapo của bạn hướng tới khi Cảm biến rò rỉ nước Tapo phát hiện rò rỉ để theo dõi tức thì.



▶ Điều khiển thông minh

Đèn hành lang hoặc phòng ngủ của bạn sẽ tự động bật khi bạn đi ngang qua cảm biến mà không cần phải bật công tắc hay nói một lời nào.



▶ An ninh gia đình toàn diện

Khi Cảm biến chuyển động Tapo của bạn phát hiện chuyển động, Camera Tapo của bạn sẽ kích hoạt Chế độ tuần tra và quét khu vực để xem điều gì đang xảy ra.



Tapo T30KIT

Bộ cảm biến thông minh



- Tapo H100 x1
- Tapo T100 x1
- Tapo T110 x2

2.690.000^B

Tapo T100

Cảm biến chuyển động



- Phạm vi phát hiện 7m/120°
- Pin 1 * CR2450
- Tuổi thọ pin 2 năm (100 lần kích hoạt/ngày)

660.000^B

Tapo T110

Cảm biến liên hệ



- Pin 1 * CR2032
- Tuổi thọ pin 2 năm (30 lần kích hoạt/ngày)

430.000^B

Tapo T300

Cảm biến rò rỉ nước



- 2 nhóm đầu dò
- Còi báo động có thể điều chỉnh 90dB
- IP67
- 2*AAA & Tuổi thọ pin 3 năm

Tapo T310

Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm



- Chính xác: $\pm 0.54^{\circ}\text{F}$, $\pm 3\%\text{RH}$
- Thời gian làm mới: 2s
- 2 năm lưu trữ dữ liệu
- 1*CR2450 & Tuổi thọ pin 2 năm

Tapo T315

Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm



- Màn hình điện tử 2,7"
- Chính xác: $\pm 0.54^{\circ}\text{F}$, $\pm 3\%\text{RH}$
- Thời gian làm mới: 2s
- 2 năm lưu trữ dữ liệu
- 1*CR2450 & tuổi thọ pin 2 năm

Tất cả trong một với App Tapo

Điều khiển tất cả thiết bị mọi lúc, mọi nơi.



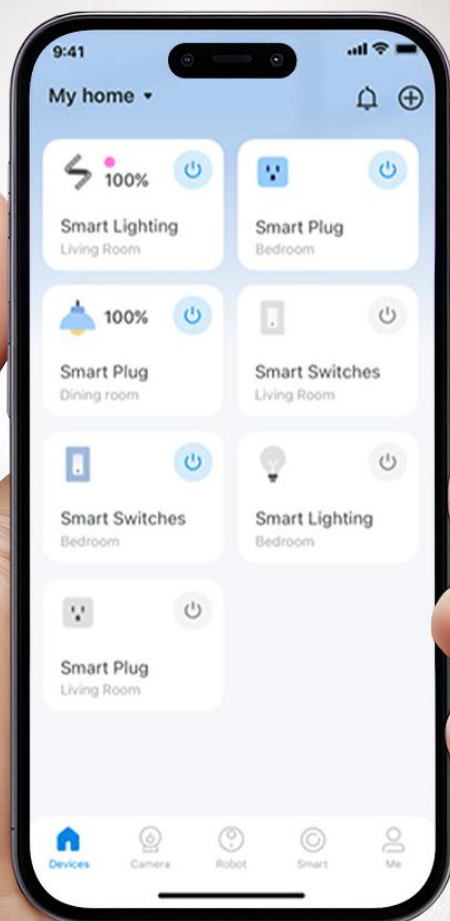
Bảo Mật



Thông Minh



Dễ Dàng



TP-Link Tapo

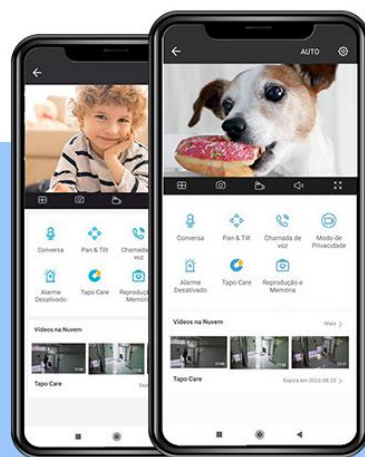
TP-LINK GLOBAL INC.

4.7 ★

236K Đánh Giá

10TR+

Lượt Tải Về





CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH VÀ THAY THẾ



➤➤ Điều khoản chung

Công ty TNHH TP-Link Technologies Việt Nam (TP-Link Việt Nam) cung cấp dịch vụ bảo hành có giới hạn cho tất cả các sản phẩm của TP-Link được bán tại thị trường Việt Nam.

Đối với Thiết Bị Mạng, Nhà Thông Minh, Phụ kiện: Bảo hành đổi mới

- Việc bảo hành sẽ bao gồm thân thiết bị, ăng ten và bộ cấp nguồn bị hư hỏng do lỗi của linh kiện hoặc chế tác từ nhà sản xuất. Việc bảo hành sẽ không bao gồm vỏ hộp sản phẩm, các loại cáp, phần mềm, dữ liệu kỹ thuật và các linh phụ kiện khác.
- TP-Link Việt Nam sẽ đổi mới thiết bị bảo hành theo hình thức 1 đổi 1 đối với các sản phẩm đáp ứng đầy đủ quy định bảo hành có giới hạn của TP-Link.
- Giá trị cao nhất của việc bảo hành và đổi trả từ TP-Link sẽ bằng hoặc không cao hơn so với giá bán của thiết bị.

Đối với Robot Hút Bụi: Bảo hành sửa chữa và thay thế

- Sản phẩm được bảo hành khi các linh kiện cấu thành sản phẩm hư hỏng do lỗi sản xuất trong thời gian bảo hành. Các trường hợp không được bảo hành khi nằm trong điều khoản từ chối bảo hành.
- Biện pháp bảo hành bao gồm nâng cấp phần mềm, sửa chữa, thay thế linh kiện hoặc các biện pháp cần thiết khác theo quyết định của TP-Link. Để việc bảo hành được xử lý trong thời gian nhanh nhất, TP-Link Việt Nam giữ quyền sử dụng bất kỳ hình thức sửa chữa miễn phí nào mà không cần báo trước cho khách hàng. Nếu khách hàng có yêu cầu khác, vui lòng thông báo ngay khi gửi sản phẩm cho TTBH để bảo hành.
- Việc bảo hành không bao gồm việc hỗ trợ kỹ thuật phần mềm (kết nối, cài đặt...), hướng dẫn sử dụng phần mềm, khôi phục dữ liệu, ứng dụng, phần mềm hoặc hỗ trợ tháo gỡ, xóa các loại mặt khẩu trên sản phẩm nếu có.
- Trong trường hợp việc bảo hành cần thay thế linh kiện, TP-Link Việt Nam có quyền dùng bất kỳ loại linh kiện nào phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất để thay thế.

➤➤ Lưu ý:

- Thời gian bảo hành được xác định bằng tem hoặc phiếu bảo hành được dán trên sản phẩm. Khách hàng cần xuất trình phiếu bảo hành/ tem bảo hành dán trên sản phẩm.
- Thời hạn bảo hành của các sản phẩm này sẽ được tính theo ngày mua và các điều kiện ghi trên phiếu bảo hành kèm theo sản phẩm. Khách hàng cần xuất trình phiếu này khi yêu cầu dịch vụ bảo hành.
- Thời hạn bảo hành 60 tháng của Thiết bị Omada và Phụ kiện Omada chỉ áp dụng cho đơn hàng kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2024 trở đi.

Người tiêu dùng nếu cần kiểm tra ngày sản xuất và thông tin bán hàng của sản phẩm TP-Link, có thể sử dụng mã SN của sản phẩm để tìm kiếm và xác nhận trong hệ thống này.

<https://www.tp-link.com/vn/warranty/>

Do hệ thống này bao gồm nhiều sản phẩm TP-Link bán tại Việt Nam, có thể xảy ra trường hợp đặc biệt khi một số mã SN sản phẩm không hiển thị kết quả. Nếu người tiêu dùng phát hiện sản phẩm TP-Link mua về không có thông tin trong hệ thống này, xin vui lòng liên hệ với đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật của TP-Link hoặc tìm sự trợ giúp từ kênh mua hàng tương ứng.

Quy Định Về Thời Gian Bảo Hành

Danh mục	Sản phẩm trong danh mục	Thời gian bảo hành
Sản phẩm cá nhân và gia đình	Mesh Wi-Fi /Deco	2 Năm
	Router Wi-Fi, Bộ chuyển đổi USB	
	Router 4G/ MiFi, Switch SOHO	
	Bộ mở rộng sóng, Bộ chuyển đổi qua đường dây điện	
Thiết bị nhà thông minh	Phích cắm thông minh	2 Năm
	Đèn thông minh	
	Công tắc thông minh	
	Camera Tapo trong nhà / ngoài trời	
	Cảm biến	1 Năm
	Hub nhà thông minh, Khóa cửa thông minh	
	Nút thông minh, Bộ đèn Led dây	
Thiết bị camera, NVR doanh nghiệp	Camera VIGI	2 Năm
	Đầu thu NVR VIGI	
	Tấm năng lượng mặt trời VIGI	
	Camera VIGI InSight Series (Vỏ sắt)	5 Năm
Thiết bị mạng SMB	Router VPN SMB TL-Serial	3 Năm
	Switch và Router SMB TL-Serial	
	CPE Wi-Fi 4, Wi-Fi 5 trong nhà & ngoài trời	
Thiết bị Omada	Switch TP-Link Omada	5 Năm
	Router VPN TP-Link Omada	
	Controller TP-Link Omada	
	AP/ CPE Wi-Fi 4, 5, 6, 7 trong nhà và ngoài trời TP-Link Omada	
Thiết bị Omada Pro	Thiết bị và linh kiện	5 Năm
Phụ kiện mạng SMB	PoE Splitters và Injectors TL-Serial	3 Năm
	Media Converters TL-Serial	
	Module quang TL-Serial	
	Cáp SFP+	
	Rackmount Chassis	
	Rack Mounting kit	
	Phụ kiện mạng Omada	
Phụ kiện mạng Omada	Các phụ kiện có chữ Omada trên sản phẩm Nguồn rời cho Switch Core	5 Năm
Phụ kiện SOHO	Phụ kiện khác SOHO	12 tháng
	PIN cho tất cả thiết bị SOHO/Camera Tapo	6 tháng
	Bộ chuyển đổi USB	24 tháng
Robot hút bụi	Robot	12 tháng
	Pin Robot	6 tháng
	1 đổi 1 (Lỗi NSX)	Trong vòng 15 ngày đầu



RELIABLY SMART

Giải pháp công nghệ cho cuộc sống hiện đại



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Chính sách Bảo hành và Thay thế: www.tp-link.com/vn/support/replacement-warranty/

Kiểm tra Bảo hành: www.tp-link.com/vn/warranty/

Email hỗ trợ TP-Link: support.vn@tp-link.com

Email hỗ trợ Mercusys: support.vn@mercusys.com

Zalo hỗ trợ: <https://zalo.me/tplink>

Hotline hỗ trợ kỹ thuật: +84 28 6261 5079

Kênh Zalo Hỗ Trợ

